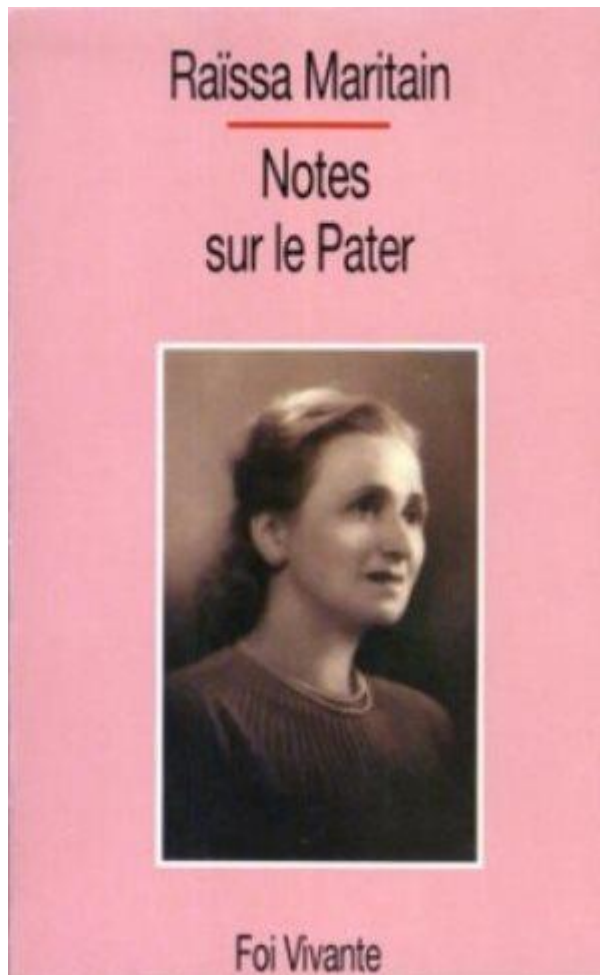


Ghi Chú về Kinh Lạy Cha của Raissa Maritain

Ghi Chú về Kinh Lạy Cha Raissa Maritain

*Nguyên Bản Tiếng Pháp “Notes sur le Pater”
do Nhà Desclée de Brouwer, Paris, France, ấn hành năm 1962*



Giới Thiệu

Jacques và Raissa Maritain là cặp vợ chồng trí thức Công Giáo Pháp lý tưởng của thế kỷ 20. Theo Javier Martinez, hai người lý tưởng này đang trong diễn trình được phong á thánh.

Họ gặp nhau năm 1900 tại Đại Học Sorbonne, Paris. Cả hai đang đi tìm chân lý cho cuộc sống thông qua triết học. Mỗi lần dẫn đo suy tư một ý niệm triết lý, họ đều nghĩ mình đã tiến gần chân lý hơn một chút, nhưng thực ra họ chỉ đụng tới điều Raissa gọi là “thuốc phiện siêu hình”. Chính tâm trạng ấy đã dẫn tới mưu toan tự tử.

Rất may, sau đó, điều họ khổ công tìm kiếm đã được tìm thấy trong cuộc nghiên cứu triết học Kitô Giáo của Thánh Tôma Aquinô và đây là lý

do khiến họ, một người gốc Do Thái (Raissa) một người gốc Thệ Phản (Jacques) đã trở lại Đạo Công Giáo. Chính sự tha thiết tìm tòi các câu trả lời sâu sắc về thần học và triết học cho các câu hỏi chính chung quanh đức đức tin là lý do chính cặp vợ chồng này được xem xét để phong thánh.

Lúc mới 16 tuổi, sắp dự thi tú tài, được người dì dắt hỏi cô muốn học gì trước nhất, Raissa Oumansov (nhũ danh của Raissa Maritain) trả lời vắn tắt: “muốn biết điều hiện hữu”. Và hiện hữu mà cô, vốn gốc Do Thái Giáo ngành Hasidic, muốn biết chính là Đấng Thiên Chúa có bản vị trước nỗi thống khổ của con người.

Cô vốn sinh ra trong một gia đình Do Thái trung lưu tại thành phố cảng Rostov-on-Don năm 1883. Khi lên hai, cha cô, một thợ may, di chuyển gia đình tới thành phố cảng Mariupol của Ukraine bên bờ Biển Azov. Trong 10 năm sống tại Đế Quốc Nga,

cô được lên khuôn sâu sắc bởi lòng đạo và các truyền thống của gia đình ngoan đạo, nhất là bởi gương sáng của ông ngoại. Dù ở tuổi thơ ngây, nhưng nhờ chiêm ngưỡng niềm vui và lòng tốt dịu dàng của ông ngoại, cô học được gốc gác sâu xa của những đức tính này: “chúng phát xuất từ lòng đạo tuyệt vời của ông, lòng đạo của phái Hasidim, ngành huyền nhiệm trong Do Thái Giáo với rất nhiều sắc thái, có lúc nghiêng về trí thức có lúc nghiêng về xúc cảm... Tôn giáo của ông ngoại tôi là tôn giáo hoàn toàn của yêu thương và tin tưởng, hân hoan và bác ái”. Người ta thấy cái hiểu của Raissa về di sản Hasidic của bà rõ ràng nhất trong lời mô tả của bà về công trình và nhân cách của một người Nga gốc Do Thái khác tức Marc Chagall, bạn bà.

“Niềm vui thiêng liêng dịu dàng thấm nhiễm các công trình của anh đã phát sinh cùng với anh tại Vitebsk, trên đất Nga, trên đất Do Thái. Chính vì thế nó thấm đậm u sầu, bàng bạc nỗi luyến nhớ và niềm hy vọng bền bỉ. Quả thực, niềm vui Do Thái không giống bất cứ niềm vui nào khác; người ta có thể nói điều này bằng cách tìm gốc rễ của nó lặn sâu dưới thực tại đời thực, niềm vui Do Thái, cùng một lúc, từ thực tại này, rút ra cảm thức bi đát về tính mỏng dòn và chính cái chết của mình”.



Năm bà lên 10, lúc phong trào bài Do Thái lên cao ở Nga, gia đình bà di cư qua Paris. Chỉ 15 ngày sau khi tới đây, Raissa đã đủ vốn tiếng Pháp để hiểu bài và cuối cùng đã đứng thứ hai trong lớp. Sau khi đậu tú tài, bà ghi danh ở Phân Khoa Khoa Học của Sorbonne, nơi bà gặp Jacques Maritain, lúc đó đã đậu cử nhân triết và đang chuẩn bị thi cử nhân khoa học.

Cả hai cảm thấy trống rỗng và tuyệt vọng. Họ đánh giá cao phẩm chất giáo huấn họ nhận được, nhưng các ý niệm của các giáo sư không tương ứng với các hoài mong và các tra vấn sâu xa nhất của họ.

" Do đó, chúng tôi quyết định còn thì giờ còn tin tưởng vào thể vô minh; chúng tôi sẽ vẫn tin tưởng vào hiện hữu, như một kinh nghiệm cần phải làm, với hy vọng với ý nguyện nồng say của mình, ý nghĩa đời người sẽ tự lộ dạng, các giá trị mới sẽ tự lộ diện rõ ràng đến có thể lôi cuốn sự gắn bó hoàn toàn của chúng tôi, và giải thoát chúng tôi khỏi cơn ác mộng của một thế giới thê thảm và vô ích này. Nếu kinh nghiệm này không diễn ra, giải pháp sẽ là tự vận; tự vận trước khi năm tháng không chất chùng bụi bặm, trước khi sức lực tuổi trẻ của chúng tôi không được sử dụng. Chúng tôi thà chết bằng một cự tuyệt tự do nếu không thể sống theo chân lý" (Les Grandes Amitiés, coll. « Livre de vie », Desclée de Brouwer, 1949).

Các khóa giảng của Henri Bergson ở Collège de France, mà Jacques và Raissa dự theo lời khuyên của Charles Péguy, giúp họ thoát khỏi nỗi thất vọng bằng cách cho phép họ tiên cảm sự hiện hữu của chân lý khách quan và “khả thể của công trình siêu hình”.

Sau lễ đính hôn của họ vào năm 1904, họ gặp Léon Bloy, người trở thành bạn thân của họ, và trở lại Đạo Công Giáo. Lễ Rửa Tội của họ diễn ra ngày 11 tháng Sáu năm 1906 với Léon Bloy là cha đỡ đầu.

Jacques và Raïssa Maritain chọn cha Humbert Clérissac, Dòng Đa Minh, làm cha linh hướng đầu tiên và sau khi vị này qua đời, họ chọn một Cha Dòng Đa Minh nổi tiếng khác làm linh hướng và bạn thân đó là Cha Garrigou-Lagrange.

Bà qua đời ngày 4 tháng Mười Một năm 1960 tại Paris, thọ 77 tuổi.

Raïssa nổi tiếng là một nhà tư tưởng, thi sĩ Công Giáo Pháp. Như chính Jacques Maritain sau này xác nhận: không công trình nào của ông lại không có sự đóng góp của vợ. Bà là tác giả của ít nhất 7 cuốn sách, 4 tập thơ. Nổi tiếng hơn cả là cuốn “Les Grandes Amitiés” thuộc bộ “Sách Bỏ Túi” của Nhà Xuất Bản Desclée de Brouwer, năm 1949.

Ngoài ra, bà còn để lại rất nhiều ghi chú rải rác mà sau này được Jacques Maritain san định. Nhờ đó, có cuốn “Notes sur Le Pater” do Nhà Desclée de Brouwer, Paris, France, ấn hành năm 1962.

Chúng tôi mạn phép lược dịch cuốn sách trên sang tiếng Việt. Mời quý độc giả đọc lời nói đầu của Jacques Maritain.

Lời Nói Đầu Của Jacques Maritain

Trong một buổi hội ngộ ở Kolbsheim, cách nay 10 năm, chúng tôi có thảo luận với một nhóm bạn bè các tựa sách để cho vào một bộ sưu tập mới. Lúc đó, Raïssa tình cờ nói ở một lúc nào đó trong câu chuyện đàm đạo: “Há chúng ta không nên có một cuốn sách về cầu nguyện, đại khái như Chiêm Niệm Trên Khắp Nẻo Đường Thế Giới ư?” Nghe thấy thế, Louis Gardet phát biểu đây chính là điều đang cần và Raïssa nên viết cuốn đó. Sau đó, nàng luôn nghĩ đến dự án này, một dự án nàng không thể thực hiện vì thử thách bệnh tật, với những đau đớn không ngừng, luôn tàn phá con người nhỏ bé của chúng ta. Nhưng mỗi lần có thể, nàng đều ghi xuống các ý nghĩ chuẩn bị cho cuốn Chiêm Niệm Trên Khắp Nẻo Đường Thế Giới, những ý nghĩ xuất hiện với nàng trong lúc cầu nguyện và một số đã gây dấu ấn đặc biệt sâu sắc lên tâm trí nàng.



Những ghi chú trên, những ghi chú mà đôi khi nàng viết đi viết lại dưới dạng bản thảo và là các ghi chú nàng có ý định làm việc tới lui để hoàn tất, nhưng than ôi, chúng đã rơi vào tay tôi để chép lại và xếp đặt cho có thứ tự. Các ý tưởng tạo thành phần thứ nhất của cuốn sách đã được gom lại với nhau dưới tựa đề Các Ghi Chú Về Kinh Lạy Cha. Tôi tin việc công bố chúng riêng ra là điều thích đáng vì chúng

quả đủ để tạo thành một toàn bộ. Tôi xác tín rằng chúng sẽ giúp những ai thích suy niệm bước sâu hơn vào kho tàng bất tận của lời cầu nguyện hết sức hoàn hảo mà

chính Chúa Kitô đã dạy chúng ta và là lời cầu nguyện trên hết mọi lời cầu nguyện khác.

Để phù hợp với ý nguyện minh nhiên của Raissa -- về việc này, chúng tôi luôn trình cho nhau những điều chúng tôi viết -- tôi đã lãnh trách nhiệm bổ túc công trình của nàng ở những chỗ cần thiết. Có khi là vấn đề sự việc rõ ràng đã được hàm ngụ trong các thể tài nàng có ý định bàn tới và chỉ còn thiếu khai triển mà thôi -- nhất là những sự việc nàng nói với tôi trong nhiều dịp và là những sự việc tôi nhớ rất chính xác: trong những trường hợp như thế, tôi chỉ đơn giản hoà nhập chúng vào bản văn (1), vì chắc chắn là mình phát biểu đúng ý nghĩ của nàng.

Có khi là vấn đề sự việc dường như do các suy tư của nàng gây ra nhưng không được chúng tôi thảo luận bằng lời một cách minh nhiên, hoặc chúng không được hàm ngụ rõ ràng trong kế hoạch của nàng như tôi được biết: trong những trường hợp như thế, tôi sử dụng một dấu hiệu in ấn đặc biệt để ghi chú rằng các thêm thắt này không có phần đóng góp của nàng, dù tôi chỉ đưa vào với ý nghĩ có lẽ nàng chấp thuận.

Ước mong, tôi hy vọng thế, không lúc nào trong diễn trình của công trình này, tôi đi ra ngoài sự giúp đỡ và gợi hứng của nàng.

JACQUES MARITAIN
Fraternité, Toulouse, 1961

(1) Cũng thế, đối với tôi, xem ra vô ích khi phải phân biệt các trích dẫn trong các ghi chú của nàng và các ghi chú tôi thêm vào (mặc dù các trích dẫn của nàng, khác với các trích dẫn khác, quả có đóng một vai trò trong việc chuyển dịch các suy tư của nàng).

Chương I: Kinh Lạy Cha

Tình yêu của Chúa Kitô đã cung cấp cho ta lời kinh chủ yếu. Đó là Kinh Lạy Cha, lời cầu nguyện chân thật và cần thiết phổ quát. *Oratio Dominica perfectissima est* (1)(Kinh nguyện của Chúa hoàn hảo nhất). Nó là sự soi sáng và mạc khải ngay trong nó. Nhờ các lời lẽ của Chúa Kitô, Ngôi Lời Nhập Thể, chúng ta biết một cách hết sức chắc chắn, từ nay trở đi được tỏ lộ và sáng láng trong tâm hồn chúng ta, rằng chúng ta có một người Cha ở trên trời -- *Pater noster qui es in coelis* (Cha chúng con ở trên trời) -- một Thiên Chúa yêu bằng tình âu yếm phụ thân, chứ không phải chỉ là Đấng Tạo Dựng. Thiên Chúa khoái trá trong mọi điều Người đã dựng nên ("Thiên Chúa thấy mọi sự Người đã dựng nên, và chúng đều rất tốt" (2), nhưng Người chỉ yêu con người và các thiên thần như con cái của Người).

Đối với cả các hiền triết ngoại giáo, nhất là những Nhà Khắc Kỷ, tên Cha hiển nhiên thích hợp với Thiên Chúa nhưng theo nghĩa hoàn toàn khác, chỉ ám chỉ Nguyên Lý của vũ trụ trong tư cách Nguyên Nhân Đệ Nhất phổ quát: Thiên Chúa là Cha chúng ta vì Người đã sinh ra chúng ta, và vì tia lửa của Người trong chúng ta khiến chúng ta có đặc điểm giống như Người. Ngay trong Cựu Ước, ý nghĩa đích thực của Tình Cha thần thánh vẫn đã mặc nhiên rồi tuy chưa được tỏ lộ. "Tình Cha là phẩm tính của Thiên

Chúa Tạo Dựng và Thiên Chúa Quan Phòng” (3). Chính Con Một, Đấng luôn ngụ cư trong lòng Chúa Cha, đã “nói” với chúng ta về vị Thiên Chúa này, vị Thiên Chúa “không người nào đã thấy bất cứ lúc nào” (4). “Mọi sự đã được Cha Thầy trao cho Thầy; và không ai biết Con trừ Cha ra, và cũng không ai biết Cha trừ Con ra, và kẻ được Con chọn để mạc khải về Người” (5). Cha trong ý nghĩa tuyệt đối độc đáo đối với Chúa Giêsu, Đấng mà Ngôi Vị đồng bản thể và đồng nhất về bản tính với Ngôi Thứ Nhất của Ba Ngôi Thiên Chúa, Thiên Chúa là Cha đối với các đứa con nuôi của Người theo nghĩa mà chỉ có Chúa Giêsu mới mạc khải được: Người mời gọi ta, nhờ hồng phúc ơn thánh siêu nhiên, tham dự vào sự sống thân mật của Người, vào sở hữu của Người, vào hạnh phúc của Người, vào gia tài Thiên Tính không thể nào hiểu thấu và vô cùng siêu việt của Người, và trở nên “hoàn thiện thậm chí như Cha các con ở trên trời là Đấng Hoàn Thiện” (6).

“Bởi chính danh Cha, chúng ta tuyên xưng việc tha tội, việc thánh hóa, việc cứu chuộc, việc nhận làm con, việc hưởng gia tài, mối dây huynh đệ của chúng ta với Con Một, và các ơn Chúa Thánh Thần” (7).

Tertullianô nói rằng Kinh Lạy Cha là bản tóm tắt toàn bộ Tin Mừng (8).

Giống Tin Mừng, Kinh Lạy Cha có gốc rễ sâu xa trong Do Thái Giáo và đem tôn giáo của Israel tới đỉnh điểm hoàn thiện và trở bông của nó, nhưng nhờ việc đổ ơn cao hơn và một yếu tố tuyệt đối siêu việt.

Người ta vốn nhận xét rằng nhiều nét trong các công thức của Kinh Lạy Cha giống một số công thức cầu nguyện của Do Thái Giáo và dường như đã được dẫn khởi từ chúng. Nhưng khi rút tĩa kho tàng truyền thống của dân tộc Người, Chúa Giêsu đã hiển dung điều Người rút tĩa. Dù có sự giống nhau về chất liệu, khoảng cách vẫn là vô tận giữa Kinh Lạy Cha và kinh nguyện Do Thái. Thần Khí đã canh tân mọi sự và nâng chúng lên hàng siêu việt.

Không những toàn bộ Kinh Lạy Cha thoát khỏi bất cứ thêm thắt (accretion) hay dư thừa vô ích nhân bản dù nhỏ nhặt nào và đã được Thiên Chúa rút gọn vào những điều cốt yếu, như một thỏi vàng đã được tinh luyện một cách lạ lùng, không những sự ngắn ngủi của nó tương phản với những đoạn dài dòng của các lời ngợi khen trong kinh nguyện Do Thái Giáo (dù đẹp đẽ ra sao, các trân châu bảo ngọc trong các lời lẽ của ta vẫn tạo nên nét nặng nề thái quá), mà, và trên hết, tính phổ quát của vương quốc thiêng liêng và tư cách Cha của Thiên Chúa còn loại khỏi nó bất cứ yếu tố nào của chủ nghĩa duy đặc thù quốc gia”. Lời khẩn cầu tha thiết và gây xúc động thái quá mà người Do Thái Giáo thực hiện nhân danh Israel đã bị bãi bỏ. Đức ái phải ôm lấy mọi người thế nào, thì lời cầu nguyện cũng giả thiết phải được nói ra như thế bởi mọi tín hữu lên tiếng như một người với Thiên Chúa duy nhất chân thật, Đấng là Cha mọi người” (9).

Kinh Lạy Cha được thuật lại dưới một hình thức ngắn hơn bởi Thánh Luca (11:2-4), và dưới hình thức đầy đủ bởi Thánh Máttêu (6:9-13). Cha Lagrange nói với chúng ta rằng nó gồm 6 lời cầu xin chia thành hai phần, “3 lời cầu xin đầu là các ước nguyện liên quan đến sự vinh quang của Thiên Chúa; 3 lời cầu xin sau là nhân danh con

người” (10). Chúng tôi tin rằng với nhiều lý lẽ hơn, Thánh Tôma vẫn duy trì con số truyền thống là 7 lời cầu xin (11) (như thế, *sed libera nos a malo* [nhưng cứu chúng con cho khỏi sự dữ] được coi như không lồng trong lời cầu xin thứ sáu: *et ne nos inducas in tentationem* [Xin chớ để chúng con sa chước cám dỗ], mà lập thành một lời cầu xin riêng biệt).

Kinh này bắt đầu bằng cách hướng về Thiên Chúa và sự tốt lành của Người. Trong ba lời cầu xin đầu, Chúa Kitô kết hợp chúng ta với Người trong những lời khẩn cầu long trọng và tuyệt diệu, các ước muốn của Người và các ước muốn của chúng ta, ngỏ với Cha chung: Nguyên danh Cha cả sáng, nước Cha trị đến, ý Cha thể hiện dưới đất cũng như trên trời.

Chúa Kitô cho phép chúng ta tham gia với Người trong việc ngỏ các lời cầu khẩn màu nhiệm trên lên Cha của chúng ta và là Cha của Người, như thể ý muốn của chúng ta và sự thánh thiện, hay cố gắng hướng tới sự thánh thiện của các tạo vật nhân bản của Người là một trợ cụ dâng lên chính Thiên Chúa trong cuộc chiến đấu của Người chống lại sự dữ, chống lại thần dữ. Há Thiên Chúa đã không ra sắc chỉ để, vì sự cứu rỗi của con người, Ngôi Lời phải Nhập Thể vào nhân tính yếu đuối và Con Một Người phải chịu cuộc Khổ Nạn cứu chuộc “vâng lời cho đến chết, thậm chí chết trên Thánh Giá” đó ư? Mỗi người được mời gọi dự phần vào cuộc chiến vĩ đại do Chúa Con lãnh đạo để chiến đấu cho vinh quang cao cả nhất của Chúa Cha, vì mỗi người, bằng cách này hay cách khác, dù bất toàn và nhỏ nhoi nhất, và chỉ vì đã sinh ra ở trên đời, đều là chi thể của Chúa Kitô, vốn là đầu của Nhân Loại (12), và đầu của Nhiệm Thể có sức thu hút và lôi kéo Nhân Loại về với Người.

Cho nên, chúng ta phải cầu cùng Thiên Chúa cho chính Thiên Chúa.

Quả rất đúng là 3 lời cầu xin đầu của Kinh Lạy Cha liên quan tới một cách ứng xử nào đó của con người: như xin cho Danh khôn tả được hiển vinh nơi chúng ta, xin cho Nước Thiên Chúa ngự đến trong nhân loại, và thánh ý Người được thể hiện bởi chúng ta và trong chúng ta. Khi bạn xin cho Danh Cha được cả sáng, thì Thánh Augustinô viết rằng “nhìn vấn đề cẩn thận hơn, bạn quả đang xin điều này cho chính bạn” (13). Vâng, đúng thế, không còn hoài nghi chi, nhưng bạn xin điều gì trước nhất và trên hết nếu không phải là vinh quang của Đấng là Cùng Đích tuyệt đối tối cao của bạn vì Người quả là cùng đích ấy của mọi tạo vật; nếu không phải là hoàn thành các kế sách cực tốt đẹp của Đấng bạn yêu mến hơn chính bạn và hơn mọi tạo vật; và nếu không phải là thỏa mãn tình âu yếm và đại lượng mà Người vốn dùng để yêu thương bạn một cách nhưng không bằng một tình yêu không là gì khác hơn là tình yêu nhất thiết Người yêu chính Người? Thành thử, nếu nhìn kỹ hơn chút nữa, thì quả với 3 lời cầu xin đầu, bạn đã cầu xin cho Thiên Chúa và Sự Thiện của Người trước nhất và trên hết mọi điều khác (14). Ở đây, sự thiện của bạn chỉ được hàm ngụ như một quan tâm phụ mà thôi.

Quan tâm lớn của Thánh Augustinô là đề phòng để chúng ta đừng rơi vào ý nghĩ cho rằng Thiên Chúa có thể lãnh nhận bất cứ điều gì từ tạo vật, hay các cố gắng của tạo vật có thể thêm bất cứ điều gì vào Sự Thiện Tự Hữu. Tuy nhiên, chúng ta không nên, vì sợ một ý nghĩ hiển nhiên vô lý, mà quay mắt khỏi màu nhiệm cao cả của sự thật

được nhắc tới trong ba lời cầu xin đầu của Kinh Lạy Cha, một sự thật được Thánh Phaolô phát biểu khi nói rằng chúng ta là các cộng sự viên (*) của Thiên Chúa, *Dei enim sumus adiutores* (15). Trong niềm vui Thiên Chúa nhận được từ các thánh của Người, trong việc trở về của người con trai hoang đàng, trong tình yêu của con người và của các thiên thần, và trên hết, trong tình yêu và vâng lời hoàn toàn của Chúa Giêsu Kitô, không có gì, tuyệt đối không có gì nhờ đó, tạo vật có thể thêm vào cho Hữu Thể thần linh. Trái lại, như chính Thiên Chúa đã khiến cho tạo vật, và sự tự do của tạo vật do Người tác động, tham dự vào công trình mà chính Người hoàn thành phù hợp với các kế sách đời đời thế nào, thì Thiên Chúa, do tính tràn trề tình yêu của Người, đã khiến việc đáp trả một cách yêu thương của các tạo vật, việc dâng lễ và hiến tế mà chính ơn thánh của Người đã thôi thúc bước vào chính niềm vui và hân hoan của tình yêu hoàn toàn đồng nhất với yếu tính bất di bất dịch của Người, và qua đó, Người vui thích đời đời trong chính Người như thế (16). Việc biểu lộ vinh quang của Người ra bên ngoài (*ad extra*) không thêm bất cứ điều gì vào vinh quang này, một vinh quang vốn là của Người theo tính tất yếu của bản tính, nhưng, từ thuở đời đời, Người đã tự ý muốn rằng khi tự mặc khải trong thời gian, vinh quang này sẽ được sở hữu trọn vẹn ở trên cao bởi sự vinh quang đời đời trong đó nó chia sẻ, và nhận được từ vinh quang này mọi nét sáng láng của nó.

Ta thấy nghĩa nào đúng khi nói rằng chúng ta nên cầu xin Thiên Chúa cho Thiên Chúa. Đầu tiên và trên hết, ta hãy ước ao, tìm cách, và theo đuổi sự thiện của vị Thiên Chúa này, Đấng mà chúng ta yêu thương thân thiết và xin với Người rằng sự bày tỏ vinh quang và sự tốt lành của Người cuối cùng được hoàn tất. Nhờ công phúc cuộc Khổ Nạn của Chúa Kitô – kết hợp chúng ta với cuộc khổ nạn này và sống trong ơn thánh và tình yêu Thiên Chúa – chúng ta nên trước nhất và trên hết ước mong bằng cõi lòng và hành động rằng chính chúng ta và mọi linh hồn bất tử nên làm chứng cho sự thánh thiện của Cha trên trời và làm cho danh Người được chúc tụng trên mặt đất; chúng ta nên làm nhanh hơn việc phát triển Nước của Người và việc xuất hiện cuối cùng của Nước này, chiến thắng mọi quyền lực khác; chúng ta nên chu toàn ở đời này thánh ý đáng thờ lạy của Người, để nhờ tình yêu, nó có thể được thiết lập cả trên đất như đã được thiết lập ở trên trời. Chúng ta nên cầu xin để đức ái, cuối cùng, sẽ hiển dung thế giới này và mặc cho nó đặc điểm thần linh, cuối cùng giải thoát nó khỏi mọi thứ quyền lợi, có thể nói được như thế, mà Ông Hoàng của thế gian này vốn đòi hỏi nó. Và để cho đức ái ấy thống trị trong chúng ta, chúng ta nên cầu xin cho chính chúng ta theo cách Chúa Giêsu đã dạy ở những lời tiếp theo của Kinh Lạy Cha.

Panem nostrum quotidianum da nobis hodie (xin cho chúng con lương thực hàng ngày). Ở đây, bắt đầu lời cầu xin của những kẻ tội lỗi cho chính họ. Chúng ta cầu xin bánh ăn hàng ngày cho thân xác và linh hồn chúng ta; tha thứ tội lỗi ta, đáp lại lòng thương xót chúng ta tỏ cùng những người xúc phạm đến ta; chúng ta cầu xin Cha trên trời gìn giữ chúng ta khỏi các nguy hiểm cám dỗ và xin Người giải thoát chúng ta khỏi sự dữ.

Người sẽ làm điều trên vì Người yêu chúng ta và vì Người là nguồn mọi sự thiện. Và không có việc này, ta có thể dâng cho Người được điều chi? Các món quà mà con cái hoan hỉ tặng cha họ, đều phần nào được lấy từ kho nể của người cha.

(*) Bản của Tin Lành Việt Nam (Phan Khôi?) dịch rất hay là : *bạn làm việc* (của Thiên Chúa).

{1} Thánh Tôma Aquinô, *Sum. theol.*, II-II, 83, 9.

{2} *St* 1:31.

{3} M. J. Lagrange, *Évangile selon saint Luc*, p. 321, n. 2.

{4} *Ga* 1:18.

{5} *Mt.* 11:27.

{6} *Mt.* 5:48.

{7} Thánh Gioan Kim Khẩu, *Hom. 19, in Matt. 6*, n. 4., *Patrologia Graeca*, 57, 278.

{8} *De Orat.*, cap. 1, *Patrologia Latina*, 1, 1153.

{9} M. J. Lagrange, *L'Évangile de Notre-Seigneur Jésus-Christ* p. 321

{10} M. J. Lagrange, *Évang. selon saint Matthieu*, p. 126. -"Con số sáu lời cầu xin cộng với lời khẩn cầu là con số hoàn hảo" -- M. J. Lagrange, *L'Évangile de Notre-Seigneur Jésus-Christ*, p. 321, n.1.

{11} *Sum. theol.*, II-II, 83, 9. – Truyền thống chúng tôi nói ở đây có Thánh Augustinô là thể giá cao nhất. Origen và Thánh Gioan Kim Khẩu coi Kinh Lạy Cha gồm 6 lời cầu xin. Xem Lagrange, *Évang. selon saint Matthieu*, p. 131, n. 12.

{12} *Sum. theol.*, III, 8, 3. "Christus est caput omnium hominum Membra corporis mystici non solum accipiuntur secundum quod sunt in actu, sed etiam secundum quod sunt in potentia." ("Chúa Kitô là đầu mọi người... các chi thể của nhiệm thể không những chỉ là chi thể trong hành động, mà còn là chi thể trong tiềm năng nữa")

{13} *Cum rogas ut sanctificetur nomen ipsius, nonne quasi pro illo illum rogas, et non pro te? Intellige, et pro te rogas* (Khi bạn xin cho Danh Người cả sáng, há chẳng phải như bạn xin điều đó cho Người, chứ không phải cho bạn đó ư? Bạn hãy hiểu, và xin cho chính bạn). *Serm. 56*, cap. 4, n. 5. P.L., 38, 379. Xem. *ibid.*, cap. 5, n. 7, P.L., 38, 380, liên quan đến lời cầu xin thứ hai, *fiat voluntas tua* (ý Cha thể hiện): "Ut ergo fiat a te, non sine causa oras, nisi ut bene sit tibi" (do đó, để nó được thực hiện bởi Cha, chứ không phải không có nguyên nhân, nhưng tốt hơn nên với Cha).

Thánh Augustinô nhận rõ: ba lời cầu xin đầu tiên tạo nên một nhóm khác với 4 lời cầu xin khác, nhưng theo ngài, chỉ theo nghĩa này là sự nên trọn của nó, nghĩa là trọn vẹn, chỉ có ở cõi đời đời, trong khi 4 lời cầu xin kia chỉ liên quan đến cuộc sống ta trong thời gian mà thôi. *De Serm. Domini in monte*, lib. II, cap. 10, P.L., 34, 1285-1286. Tuy thế, chúng ta hãy lưu ý: trong *De Serm. Domini in monte* (Bài giảng trên núi của Chúa), người ta không thấy dấu vết nào về ý tưởng được duy trì trong **Serm. 56** và trong thư *ad Probam* khiến trong ba lời cầu xin đầu, chúng ta chỉ cầu cho chúng ta mà thôi.

{14} Đây là điều Thánh Tôma dạy liên quan đến lời cầu xin thứ nhất của Kinh Lạy Cha (II-II, 83, 9). Với Cha Lagrange, chúng tôi tin rằng điều này cũng đúng cho hai lời cầu xin kia vốn liên kết với nó. Xem Lagrange, *Évang. selon saint Matthieu*, p. 126, n. 8 (đã dẫn ở trên, p. 17, n. 2). Và một lần nữa, *ibid*, p. 127, n. 9: "Nhưng người ta cũng có thể coi vinh danh là điều quan trọng hàng đầu và một cách nào đó cả điều thiện của Thiên Chúa nữa. Linh hồn con người có thể tự cất mình lên không cao hơn tình yêu nhân hậu này, tình bằng hữu đích thực này, một tấm tình làm khơi dậy trong chính nó các ước muốn nhân danh sự thiện tối cao mà nó yêu mến" -- P. 128, n. 9:

"Người ta có thể ước muốn cho sự thánh thiện của Thiên Chúa được lan tỏa vì chính nó mà không nghĩ chi tới ơn ích thiêng liêng chúng ta có thể rút tủa được từ nó" -- P. 129, n. 10: "Ba nấc này được Thiên Chúa ban xuống một cách tuyệt diệu cho con người, Đấng sẽ xuất hiện trực tiếp hơn trong 3 lời cầu xin cuối cùng".

{15} 1Cr. 3:9.

{16} Xem Jean de St-Thomas, *Cursus theol.*, t. III, disp. 4 a. 4 and 5 (về sự tự do của thánh ý Thiên Chúa, và các hành vi nội tại, liên quan tới các tạo vật)

Chương II: Ba Lời Cầu Xin Đầu

Tiết 1: Lạy Cha Chúng Con

Chúa Giêsu Kitô dạy chúng ta đọc Lạy Cha Chúng Con, chứ không phải Cha của Con.

Như Thánh Tôma Aquinô đã viết (1), sở dĩ như thế là vì "Tình yêu của Thiên Chúa không bị giới hạn vào bất cứ cá nhân nào, nhưng bao trùm mọi người nói chung; vì Thiên Chúa yêu mọi thứ hiện hữu. Người yêu con người hơn tất cả...Đồng thời chúng ta nên nhớ rằng, mặc dù hy vọng chủ yếu vào sự giúp đỡ của Thiên Chúa, chúng ta có thể giúp đỡ lẫn nhau để có được dễ dàng hơn những gì chúng ta cầu xin. .. Như Thánh Ambrôsiô nhắc nhở chúng ta{2}: 'Nhiều người bé nhỏ, khi tụ tập với nhau và cùng một tâm trí, họ vẫn trở nên lớn mạnh, và lời cầu nguyện của nhiều người không thể nào không được nghe'. Điều này phù hợp với Tin Mừng Mátthêu 18:19: 'Nếu ở trên mặt đất, hai người trong các con đồng ý về bất cứ điều gì họ cầu xin, thì điều ấy sẽ được Cha Thầy ở trên trời thực hiện'. Vì vậy, chúng ta không thổ lộ các lời cầu nguyện của chúng ta như những cá nhân, nhưng với sự nhất trí, chúng ta cùng lớn tiếng 'Lạy Cha chúng con', ngay cả khi mỗi người chúng ta cầu nguyện *clausio ostio* (cửa đóng then cài).

"Chúng ta cũng hãy suy niệm điều này: niềm hy vọng của chúng ta vươn lên tới Thiên Chúa qua Chúa Kitô, theo thư Rôma 5: 1-2. .. Nhờ Người, Đấng là Con Duy Nhất của Thiên Chúa do bản tính, chúng ta được nhận làm con nuôi. .. như được nói đến trong thư Galát 4: 4-5. Do đó, khi nhìn nhận Thiên Chúa là Cha của chúng ta, chúng ta nên làm thế một cách không hạ thấp đặc quyền của Đấng Con Duy Nhất, Đấng duy nhất có quyền đặc biệt để nói, "Cha của Tôi".

Ở trên trời

"Vì sao các quốc gia lại nói: 'Vậy thì Thiên Chúa của họ ở đâu?'

"Thiên Chúa của chúng tôi ư? Thiên Chúa của chúng tôi ở trên thiên đàng mà. Người làm bất cứ điều gì Người muốn".

Nói về các Tổ phụ, Thánh Phaolô dạy {4}: các ngài thừa nhận các ngài là những người 'ngoại kiều và lữ khách trên trái đất'. Vì những người nói những điều như thế đã cho thấy rõ ràng rằng họ tìm kiếm một quê hương.

"Nhưng thực ra các ngài mong ước *một quê hương tốt đẹp hơn, đó là quê hương trên trời*. Bởi vậy, Thiên Chúa đã không hổ thẹn để cho các ngài gọi mình là Thiên Chúa của các ngài, vì Người đã chuẩn bị một thành cho các ngài"

Và câu này nữa {5}: "Đối với chúng ta, *quê hương của chúng ta là ở trên trời*; từ đó, chúng ta háo hức chờ đợi Đấng Cứu Tinh của chúng ta là Chúa Giêsu Kitô; Người sẽ biến đổi thân xác thấp hèn của chúng ta [thân xác của "con người thuộc về đất"{6}]

"để nó có thể là một với thân xác vinh quang của Người [thân xác của người "từ trời mà đến"{7}]

"bởi sức mạnh của quyền lực nhờ đó Người có khả năng bắt mọi sự qui phục Người".

Vậy thì, đâu là trời mà Cha chúng ta hiện đang ở, và nơi có thành phố của chúng ta, và là quê hương mà chúng ta đang khao khát ước mong, và là nơi "cuộc sống của chúng ta được giấu kín với Chúa Kitô trong Thiên Chúa"? Đây là một mầu nhiệm vô cùng vượt quá mọi ý tưởng mà tâm trí con người có thể cố gắng phát biểu bằng các hạn từ ngập ngừng lưỡng lự. Quả là một điều đáng ngạc nhiên khi Cõi Bên Kia, cõi quan trọng đối với chúng ta hơn mọi điều ở dưới thế này, trên đó niềm hy vọng của chúng ta bám vào, và là nơi Thiên Chúa "đã chuẩn bị cho những kẻ Người yêu", càng lôi kéo mọi người chúng ta mạnh mẽ hơn khi tấm màn che phủ nó càng dày hơn bấy nhiêu - "những gì mắt chưa hề thấy, những gì tai chưa hề nghe, những gì chưa nhập vào trái tim con người. ..." {9}

Tuy nhiên đức tin, theo cách tối nghĩa của nó, dạy chúng ta một điều gì đó về nó. Đôi khi người ta nói {10} rằng Thiên đàng, hay cõi trời, chắc chắn là các linh hồn trong trạng thái có ơn thánh trong đó Ba Ngôi ngự trị, và đặc biệt là linh hồn các thánh{11}.

Thánh Tôma nhận xét{12}: "Có một chướng ngại đối với việc cầu nguyện hay tin tưởng vào Thiên Chúa ngăn cản người ta cầu nguyện. Đó là khái niệm cho rằng cuộc sống con người bị tách biệt khỏi ơn quan phòng của Thiên Chúa. Khái niệm đó do kẻ ác phát biểu trong sách Gióp 22:14: 'Người ẩn mình trong đám mây và không quan tâm tới các vụ việc của chúng ta, và Người lãnh đạm rong chơi trên vòm trời'; cả trong Êdêkien 8:12: 'Chúa không thấy chúng ta, Chúa đã bỏ rơi trái đất'. Nhưng Thánh Tông đồ Phaolô đã dạy ngược lại trong bài giảng của ngài với người Athen, khi ngài nói rằng Thiên Chúa 'không xa mọi người chúng ta; vì trong Người, chúng ta sống, di chuyển và hiện hữu' (Cv 17: 27-28)... Trong Mátthêu 10: 29-31, chúng ta được cho biết: 'Há hai con chim sẻ không bán với giá một xu đó sao? Ấy thế nhưng không một con nào rơi xuống đất mà không có Cha của các con. Các sợi tóc trên đầu của các con đều được đếm cả'... Như thế có nghĩa: mọi điều thuộc con người đều sẽ được phục hồi lúc sống lại. Như chính Chúa chúng ta đã nói thêm, trong cùng một bối cảnh: 'Do đó, đừng sợ, các con tốt hơn nhiều con chim sẻ' (Mt. 10:31). Điều này minh xác đoạn nói rằng: 'Con cái loài người sẽ đặt niềm tin của chúng dưới sự che chở của đôi cánh Ngài' (Tv 36 [35]: 8).

"Hay, mặc dù quả thực Thiên Chúa gần gũi mọi người, nhưng phải nói rằng, với một

sự chăm sóc đặc biệt, Người gần gũi những người tốt lành, những người cố gắng tiến lại gần Người bằng đức tin và tình yêu. .. Thật vậy, không những Người ở gần họ: Người thậm chí còn ngự trong họ bằng ân sủng. .. Vì vậy, để gia tăng niềm hy vọng của các thánh, chúng ta được dạy để nói: 'ở trên trời,' tức là, nơi các thánh, như Thánh Augustinô giải thích. Vì, như vị thánh tiến sĩ này từng nói thêm, khoảng cách thiêng liêng giữa người công chính và người có tội dường như cũng lớn như khoảng cách không gian giữa trời và đất.... Đấng đã tạo cho họ các tầng trời sẽ không giữ lại các điều thiện ở trên trời xa lìa khỏi họ".

Tuy nhiên, thiên đàng, hay các tầng trời, hay "những điều ở bên trên" {13}, cũng là và - về yếu tính - trước hết là thế giới khác nơi Thiên Chúa được kính yêu và tuân phục một cách tuyệt đối hoàn hảo bởi các thánh và các thiên thần {14}, nơi con cái Thiên Chúa được tỏ lộ {15}, và là nơi sáng thế được bước vào sự tự do hiển vinh của con cái Thiên Chúa {16}, "trời là nơi tội lỗi đã ngưng lại, trời là nơi vết thương chết chóc không còn nữa {17}, nó là "ánh sáng không thể tiếp cận" nơi ngự trị của Đấng Được Chúc Tụng và có Chủ Quyền Tối cao" {18}; nó là vũ trụ của điệu kiến (vision béatifiante), là Giáo hội chiến thắng và là Giêrusalem trên cao, vốn đã tồn tại từ nguyên thủy với các thiên thần thánh thiện luôn trung thành với Thiên Chúa, và sẽ đạt được sự viên mãn của nó với các thân xác sống lại và sau đó "thành thiêng liêng" của người công chính, được hình thành "giống như người từ trời mà đến" {19}, khi Chúa Kitô sẽ "đặt dưới chân Người kẻ thù cuối cùng" đó là "sự chết". Sau đó, Người sẽ phán: 'mọi sự từ nay đã quy phục'" {20}.

Đây là thế giới nơi Cha ngự, vì là thế giới đã được thần thiêng hóa - như Người ngự trong linh hồn các thánh ở dưới thế này, nhưng một cách cao hơn - hoàn toàn như ở nhà và hài lòng, vì không gặp bất cứ chướng ngại vật nào đối với tình yêu của Người nữa. Đó là một thế giới mà chúng ta biết được sự hiện hữu nhờ mặc khải, nhưng bản chất và luật pháp của nó chúng ta không thể hiểu thấu. Đó là một tầng trời mà bầu trời xanh là tấm màn che mà quá bên kia nó, tầm nhìn của chúng ta không vượt qua được. Vào ban đêm, nó lấp lánh với các vì sao, nhưng chúng ta không có kính thiên văn để mang những ngôi sao đêm của đức tin lại gần chúng ta hơn.

Lạy Chúa Giêsu, xin thương xót chúng con và thế giới khốn khổ của chúng con. Xin ban ơn để chúng con có thể chinh phục bằng tình yêu quyền lực đang thống trị thế giới này mà Ngài đã dành cho Lucifer từ lúc tạo ra hắn, và quyền lực đó vẫn còn bất chấp tội lỗi của hắn, và tội lỗi của chúng con đã khiến chúng con làm nô lệ cho nó.

Tình yêu này là chính sự sống ơn thánh của Chúa, mà chúng con phải tiếp nhận và trung thành gìn giữ.

Quyền lực của chúng con hệ ở lòng trung thành với ơn thánh của Chúa.

Quyền lực của Lucifer hệ ở vương quyền tạo vật của hắn đối với những điều thuộc thế giới này.

Quyền lực của Chúa Giêsu hệ ở lòng trung thành cao cả của Người – Người, Đấng Thiên Chúa nhập thể trong thân xác đốn hèn của chúng con - Chúa Giêsu Ngôi Lời

Nhập Thể, Đấng đã chiếm cho Nhân Tính của Người "quyền lực để quy phục mọi sự cho chính Người".

Danh Cha cả sáng

Trích dẫn Thánh Gioan Kim Khẩu, Thánh Tôma viết, "Người dâng lời cầu nguyện xứng đáng lên Thiên Chúa không nên cầu xin điều gì trước sự vinh hiển của Cha, nhưng chỉ nên xin mọi điều sau khi ngợi khen Người."

Danh Cha hiển thánh. "Thiên Chúa sẽ được ai thánh hóa, vì Người là Đấng thánh hóa?" {22} Nhưng Người từng phán: "Hãy nên thánh vì Ta là Đấng thánh" {23}. Chính bằng cách thánh hóa mình, chúng ta tôn vinh Danh Cha của chúng ta {24}. Do đó chúng ta có thể sửa chữa sự bất công do thế giới sai lầm này làm cho Người: "Danh Ta liên tục bị phỉ báng suốt ngày" {25}. Chính Chúa Giêsu đã làm cho Danh này được vinh quang hoàn hảo.

"Con đã tôn vinh Cha trên trái đất.

"Con đã bày tỏ danh Cha cho những kẻ Cha đã ban cho Con từ giữa thế gian.

"Lạy Cha là Đấng công chính, thế gian đã không biết Cha, nhưng Con, Con đã biết Cha, và những người này đã biết là chính Cha đã sai Con. Con đã cho họ biết danh Cha, và sẽ còn cho họ biết nữa, để tình Cha đã yêu thương Con, ở trong họ, và Con cũng ở trong họ nữa" {26}

Và Chúa Giêsu đã ban cho chúng ta giới luật này: "Ánh sáng của anh em phải chiếu giải trước mặt thiên hạ, để họ thấy những công việc tốt đẹp anh em làm, mà tôn vinh Cha của anh em, Đấng ngự trên trời" {27}

Vì vậy chúng ta nên cầu xin để Danh Cha được cả sáng trong chúng ta; và không chỉ trong chúng ta, như nhận xét của Tertullianô {28}, nhưng còn trong mọi người, đặc biệt là những người mà ơn thánh Thiên Chúa vẫn đang chờ đợi, và trong những người mà chúng ta coi như kẻ thù, vì chúng ta cũng được yêu cầu phải cầu nguyện cho họ.

Danh Cha cả sáng.

Chúng ta biết rằng trong các ngôn ngữ Semitic, chữ *Danh* có nhiều sức mạnh đến nỗi khi biểu thị cho người mang danh, nó tiết lộ một cách nào đó chính yếu tính của họ. Với sự diễn tiến của thời gian, chữ này đã dần dần mất đi sức mạnh ma thuật mà nó đã được mặc cho thuở đầu, và do đó việc biết tên có nghĩa ban quyền lực trên người mang tên {29}. Cái tên "vừa chỉ định vừa che đậy người mang tên" {30}, tuy nhiên vẫn duy trì cho người Do Thái thời văn hóa Hy Lạp một giá trị hiện thực một cách mạnh mẽ và thậm chí quá hiện thực đến nỗi biết và đọc lên tên của một ai đó là để biểu lộ chính người đó như thể bằng cách nắm lấy họ sau tấm màn che. Danh Cha là chính Cha, chính Cha như đã được chỉ định trong bí mật giấu kín của Cha.

Tuy nhiên, nói cho đúng, chỉ ở nơi Thiên Chúa mới có sự đồng nhất giữa Tên và Người Mang Tên. Khác xa những tên mà chúng ta dùng để chỉ Thiên Chúa, Tên đang là vấn đề trong lời cầu xin đầu tiên của *Kinh Lạy Cha* là Tên khôn tả, là Tên tồn hữu mà chỉ có Thiên Chúa mới có thể phát âm được và hoàn toàn đồng nhất với chính Thiên Chúa". Khi Giacóp hỏi Thiên Thần vào sáng sớm: "Hãy nói cho tôi biết, tên của Ngài là gì?" Người đã trả lời, 'Tại sao anh lại hỏi Tên Tôi?' Không thể nào thốt lên cái tên thật kỳ diệu này, cái tên được đặt lên trên mọi cái tên vốn được đặt trong thế giới hiện tại hay trong thế giới sắp tới" {31}.

Quả là mầu nhiệm của mặc khải Thiên Chúa! Tên được đặt trên mọi tên khác này có thể được chỉ định - nhưng ở một khoảng cách xa, khoảng cách xa vốn tách biệt Thể Vô Cùng với thể hữu hạn {32} - bằng một cái tên mà đôi môi chúng ta có thể thốt ra. Đó là cách Tên khôn tả lần đầu tiên được mặc khải cho Môsê, và được biểu thị một cách mầu nhiệm bằng một kết từ tứ tự (tetragrammaton, YHWH). Ở một thời điểm nào đó trong lịch sử của họ, người Do Thái – nhờ một cảm quan sợ hãi đầy tôn kính và run rẩy thánh thiện, trong đó luận lý học trong cách họ đồng nhất hóa phần nào tên với người mang tên đã được đẩy đến giới hạn cùng cực của nó - đã quyết định không còn đọc tên đó nữa (33). Chữ Adonai (Chúa tôi) từ đó đã thay thế cho chữ Gia-vê.

Nhưng cái tên khôn tả không những được mặc khải cho Môsê từ giữa bụi cây bùng cháy và ngọn lửa bùng bùng, mà còn ở trong một ký hiệu - "Ta là Đấng Hữu", hay "Ta là Đấng Tự Hữu" (và là Đấng một mình Ta biết)" – một điều không thể đọc lên được và không thể giải mã được đối với dân Thiên Chúa.

Nó cũng đã được Chúa Giêsu mặc khải cho tất cả chúng ta, trên những nẻo đường và đồi núi tầm thường nơi Người và các môn đệ của Người đã rao giảng - và trong một chữ được phát âm dễ dàng hơn cả bởi các con cái nghèo hèn nhất của loài người.

Vì cho đến lúc đó, không còn vấn đề người ta muốn dùng một cái tên để biến một điều không thể nào chuyển tải được như Tên Thiên Chúa ở trong Thiên Chúa thành các ký hiệu nhân bản nữa (như thể Tên "Ta Tự Hữu" trên núi Hô-rép { 34} cũng như mọi tên khác qua đó Thiên Chúa tự mặc khải cho chúng ta, không phải là một ký hiệu trong số các ký hiệu khác mà hình ảnh tạo vật có thể cung cấp cho tâm trí chúng ta).

Lần này, đây là vấn đề một cái tên rất đơn giản bằng ngôn ngữ của chúng ta, một cái tên tuyên bố ngay từ thoát đầu (như xứng hợp với một mặc khải vốn không được dành riêng cho bất cứ một mình dân tộc nào, nhưng được lên khuôn cho mọi dân tộc đến tận cùng trái đất) rằng sự phản ảnh trong hình ảnh tạo vật là phương thể duy nhất nhờ đó Thiên Chúa có thể được biết đến và tự làm cho Người được chúng ta biết đến. Người là Cha của tất cả chúng ta, và là Chúa Cha mà từ Người đã phát sinh ra Ngôi Lời không được tạo dựng, nhập thể trong Chúa Giêsu. "Nếu các con yêu mến Thầy, các con phải giữ các điều răn của Thầy. Và *Thầy sẽ xin Chúa Cha*, và Người sẽ ban cho các con một Đấng Bào Chữa khác, để Người ở bên các con mãi mãi" ... "Nếu ai yêu mến Thầy, thì người ấy sẽ giữ lời Thầy, và *Cha Thầy* sẽ yêu mến người ấy, và Chúng Ta sẽ đến với người ấy" {37}.. . "Bất cứ điều gì các con xin *Chúa Cha nhân danh Thầy*, Người sẽ ban cho các con" {38}. " Như Cha, lạy Cha, Cha ở trong

Con, và Con ở trong Cha thế nào, xin cho chúng cũng có thể ở trong Chúng Ta như vậy" {39}.

Nhờ thế, chúng ta đọc một hơi: Thiên Chúa Duy Nhất và Ba Ngôi, Đấng dựng nên trời và đất, lạy Cha, Cha của chúng con, Đấng ngự trên trời; Cha của Con duy nhất và Cha của chúng con, những anh em của Người nhờ được nhận làm con nuôi, lạy Cha, Cha của chúng con, Đấng ngự trên trời.

Và do chính Tên Cha này, chúng ta được dạy rằng Người là Tình Thương, là Lòng Thương Xót và là Sự Tốt Lành.

Tuy nhiên, hơi linh hồn khốn khổ của tôi ơi, đừng tin rằng với tên Cha hay Yêu Thương và Tốt Lành này, sự phân cách giữa Người và người lại ít lớn lao hơn là với tên mà chúng ta bị cấm không được nói ra {40}. Vì Người vượt quá mọi hiểu thấu và sự siêu việt của Người càng làm cho việc người càng biết Người, Người càng trở nên vô minh (inconnu) nhiều hơn. Người hiện hữu một cách vô cùng tốt đẹp hơn bất cứ điều gì khác, nhưng cũng bởi chính sự kiện đó, Người hiện hữu một cách hoàn toàn khác với bất cứ điều gì khác. Người là Cha - một cách vô cùng tốt đẹp hơn bất cứ ai trong chúng ta là cha, nhưng cũng bởi chính sự kiện đó, một cách hoàn toàn khác với cách mà bất cứ ai trong chúng ta là một người cha. Người yêu người - một cách vô cùng tốt đẹp hơn bất cứ tạo vật nào có thể yêu, nhưng cũng bởi chính sự kiện đó Người yêu người một cách hoàn toàn khác, một cách mà người tuyệt đối không thể nào tưởng tượng được.

Và khi cuộc thử thách lớn xảy đến với người, điều hoàn toàn khác này do tình Phụ Tử của Người và tình yêu của Người sẽ đóng đinh người vào thập giá,

Ôi Thập Giá Thần Linh, cây gỗ đấng đốt,

Giá máu mua Phúc Thật{41},

còn tàn nhẫn hơn cả sự hoàn toàn khác biệt của hữu thể Người.

*

Khi suy niệm tất cả những điều này, chúng ta thấy nếu chúng ta cố gắng phát biểu bằng các ngôn từ khác ý nghĩa của lời cầu xin đầu của Kinh Lạy Cha, chúng ta nên nói:

Ôi Lạy Thiên Chúa, Duy Nhất và Ba Ngôi, là Cha của chúng con, Ôi Ngôi thứ nhất của Ba Ngôi, là Cha của Con Một và là Cha của chúng con, những kẻ được Chúa cho làm con nuôi,

Xin vinh danh sự thánh thiện khôn tả của Cha; xin Danh Cha, một Dánh chính là Cha, được tỏ hiện, ca tụng và ngợi khen trong chúng con và trong mọi tạo vật. *Ita fac nos vivere, ut per nos te universi glorificent* {42}: xin cho chúng con biết sống sao cho qua chúng con mọi vật trên thế giới đều vinh danh Cha.

{1} Thánh Tôma Aquinô, *Compendium Theologiae*, II, cap. 5; trong *Opuscula Theologica* (Turin: Marietti, 1954), t. I, n. 557 và 558.

{2} Chính xác hơn, khi gán cho Thánh Ambrôsiô (Ambrosiaster, *in Rom.*, cap. 15, P.L., 17, 186-187).

{3} *Tv.* 113:10 (Bản Phổ Thông *Tv.* 113, pt. 2:2).

{4} *Dt.* 11:13-16.

{5} *Pl.* 3:20-21.

{6} *1Cr.* 15:47.

{7} *Ibid.*, 15:48-49.

{8} *Cl.* 3:3.

{9} Thánh Phaolô, *1 Cr.* 2:9. (Xem *Is* 64:3, và *Grm* 3:16).

{10} M. J. Lagrange, *L'Évangile de Notre-Seigneur Jésus-Christ* p.321

{11} Xem Thánh Cyriliô thành Giêrusalem, *Catéchèses mystag.*, IX, P.G., 33, 1177: "Các tầng trời cũng có nghĩa những ai mang trong họ hình ảnh của người thiên giới, nơi Thiên Chúa ngự và bước đi"; và Thánh Augustinô, *De Serm. Dom. in monte*, lib. II, cap. 5: "In coelis, id est, in sanctis et justis (ở trên trời, tức là, ở trong các thánh và người công chính)" P.L., 34, 1276.

{12} *Compendium Theologiae*, II, cap. 6 (Marietti), t. 1, n. 562 tới n. 564.

{13} Thánh Phaolô, *Cl.* 3:1-2.

{14} Xem Thánh Augustinô, *Ep. ad Probam*, P.L., 33, 502 (n. 21); và *De Serm. Domini in monte*, lib. II, cap. 6, P.L., 34, 1278.

{15} Thánh Phaolô, *Rm.* 8:19.

{16} *Ibid.*, 8:21.

{17} Thánh Ambrôsiô, *De Sacram.*, lib. VI, n. 20, P.L., 16, 451.

{18} Thánh Phaolô, *1 Tm.* 6, 1-16.

{19} " Thánh Phaolô, *1 Cr.* 15:44 và 49.

{20} *Ibid.*, 15: 26-27.

{21} *Compendium Theologiae*, II, cap. 8 (Marietti), t. I, n. 572; – Thánh Gioan Kim Khẩu, *Hom. 19, in Matt. 6*, n. 4, P.G., 57, 279.

{22} Thánh Cyprianô, *De Orat. Domin.*, n. 12, P.L., 4, 527.

{23} *Lv. 11:44*.

{24} Như Cha Lagrange đã chỉ ra rất đúng, sự thánh thiện không thể nào với tới của Thiên Chúa đòi được thông truyền. Xin cho Danh Người cả sáng là xin cho việc hoàn toàn hoàn thành công trình thánh thiện vốn là của Người, và trong đó, những người sống trong ơn thánh của Người được liên kết mọi thời (xem Lagrange, *Evang. selon saint Matthieu*, p. 128, n. 9).

{25} *Is 52:5*.

{26} *Ga 17:4* và *6; 18:25-26*.

{27} *Mt. 5:16*.

{28} Xem *De Oratione*, cap. 4, P.L., I, 1157.

{29} "Nói Tên như thể ban quyền lực trên người mang tên, 'ấn tín của tên', một cách nào đó, là việc bước vào thông đạt với bản chất thâm hậu nhất của người mang tên" Louis Gardet, *Mystique musulmane* (Paris: Vrin, 1961), p. 199. Nhận định này cũng áp dụng cho tư duy Do Thái Giáo; và thậm chí, như chính tác giả xác định, cả cho tư duy Phật Giáo, và đến một mức nào đó, cho cả tư duy Kitô Giáo Phương Đông ("Kinh của Chúa Giêsu")

{30} Louis Gardet, "Al-Asma" trong *L'Encyclopédie de l'Islam* (2e éd.).

{31} *St 32:29; Tl 13:17-18*. Xem Thánh Tôma Aquinô trong *Librum B. Dionysii De divin. Nomin. Expositio*, cap. 1, lect. 3, Marietti, 1950, n. 96 (bản dịch miễn phí lấy từ *Degrés du Savoir*, p.31). -- Xem *I Contra Gent.*, I, cap. 31: "Nếu ta biết được yếu tính Thiên Chúa như ở trong chính nó và cho nó một cái tên xứng với nó, có lẽ ta sẽ phát biểu nó bằng 1 cái tên duy nhất. Đó chính là lời hứa của tiên tri (*Dcr 14:9*, được Thánh Tôma dành cho nghĩa cánh chung cao nhất) với những ai sẽ được thấy Người trong yếu tính của Người: 'Vào ngày đó, sẽ chỉ có một Giavê và danh Người sẽ là duy nhất'".

Đức Cha Journet bình luận rất hay rằng "sẽ không phải là một cái tên kêu vang có thể tự nói ra trong bất cứ ngôn ngữ nào trong các ngôn ngữ của con người. Đó sẽ là một cái tên bằng lửa và ánh sáng, một cái tên thiêng liêng, tràn ngập và tồn tại. Tên ấy sẽ được công bố nơi trái tim các thánh và các thiên thần đang ngụp lặn trong Người như bọt biển giữa đại dương bởi chính yếu tính thần linh, một yếu tính mà tự nó nó sẽ có khả năng chuyển giao cách tinh trong và viên mãn. Tuy nhiên, trên thực tế,

không tạo vật nào chiếm hữu được nó đến có thể múc cạn nội dung của nó và giới hạn được sự phong phú của nó: vì tuyệt đối phải là Thiên Chúa mới có thể biết cách tuyệt đối Thiên Chúa là chi” (Charles Journet, *Connaissance et Inconnaissance de Dieu*, Eglhoff, Fribourg et Paris, 1943, p. 58).

{32} Ở đây là vấn đề nhận thức của ta về Thiên Chúa. Nếu, đằng khác, là vấn đề nhận thức của Thiên Chúa về chúng ta và sự quan tâm mà qua đó ơn quan phòng của Người săn sóc ta, thì ta phải nói, như trên đã nói (tr. 32-33) rằng Thiên Chúa không ở xa chúng ta, Người ở rất gần con người.

{33} Cha Lagrange viết rằng “Không phải trước nhất vì người Do Thái sợ người ngoại giáo sử dụng thánh danh này một cách ma thuật mà họ cấm dùng tên này giữa chính họ với nhau: đúng hơn vì Người Do Thái coi tên này như một màu nhiệm đáng sợ nên người ngoại giáo dùng nó trong các nghi lễ ma thuật của họ. Thời thượng cổ, nó là gia tài chung của người Do Thái; nó không bị cấm đối với họ. Ngược lại, họ đọc tên này với lòng yêu mến trong những lúc tỏ bày lòng sốt mến của họ. Sự dè dặt thời văn hóa Hy Lạp ngụ ý cho thấy nhiều người Do Thái đã trở nên quá phàm tục đến không thể dùng nó” (M. J. Lagrange, *Le Judaïsme avant Jésus-Christ*, Paris, 1931, p. 459). Cũng nên nói rằng, và theo ý kiến tôi sẽ chính xác hơn, khi nói rằng sự dè dặt này phát sinh từ việc người ta càng ngày càng cảm thấy sự kính sợ do sự siêu việt của người mang tên này gợi hứng.

{34} *Xh* 3:14.

{35} Nói theo ngôn từ của các nhà triết học, là sự loại suy của nhận thức thuần lý thượng tư duy (*connaissance rationelle ana-noétique*) hay thượng loại suy đức tin (*suranalogie de la foi*) (Xem J. Maritain, *Les Degrés du Savoir*, pp.432-447; 478-484).

{36} *Ga* 14:15-16

{37} *Ibid.* 14:23.

{38} *Ibid.* 15:16.

{39} *Ibid.* 17:21.

{40} Coi ở trên, p. 42, n. 1.

{41} Raïssa Maritain, "O Croix," trong *Au Creux du Rocher* (Paris: Alsatia, n.d.).

{42} Thánh Gioan Kim Khẩu, *Hom. 19, in Matt.*, 6, n. 4, P.G., 57, 279, được Thánh Tôma trích dẫn, *Compendium Theologiae*, II, cap. 8 (Marietti). n. 572.

Tiết 2: Nước Cha Trị Đến

Adveniat regnum tuum, 'Ελθέτω ἡ βασιλεία σου (Elthetô he Basileia sou). Chữ Hy Lạp *basileia*, chữ La Tinh *regnum*, vừa có nghĩa triều đại vừa có nghĩa vương quốc. Hai

nghĩa này không loại trừ nhau; ngược lại, chúng gợi ý nhau. Tuy nhiên, trong lời cầu xin thứ hai của Kinh Lạy Cha, ta nên hỏi chữ nào trong hai chữ này quan trọng hơn cả.



Với câu hỏi trên, Cha Lagrange trả lời {1} rằng không có vấn đề gì khi nói “vương quốc Cha ngự đến” vì một vương quốc không ngự đến, một lý lẽ rõ ràng yếu ớt, vì người ta thường nói đến việc ngự đến (avènement) của một vương quốc; và một vương quốc *ngự đến* khi nó được thiết lập và khi nó tự mở rộng, còn nếu một triều đại “ngự đến” thì, một cách ít nhiều mặc nhiên, nó “ngự đến” hay “đến” cùng với vương quốc được nó cai trị, và vương quốc này từ đó, ngự đến.

Thực vậy, trong các bản dịch Kinh Lạy Cha sang tiếng Pháp, người ta thường dịch là triều đại (règle), còn trong các bản dịch sang tiếng Anh, người ta quen dịch là vương quốc giống các bản dịch tiếng Đức (Kingdom, Reich). Điều cũng đáng lưu ý là trong các bản dịch sang ngôn ngữ Semitic, vương quốc được sử dụng đầu tiên. Đây cũng là lối dịch của các bản dịch sang tiếng Do Thái hiện thời (Malkout), và cả trong bản dịch Ả Rập của nghi lễ Công Giáo Hy Lạp; ở đây không chỉ là vấn đề một bản dịch được thánh hiến bởi việc được sử dụng trong phụng vụ hay bởi thời gian, nhưng khi đọc Kinh Lạy Cha trong Thánh Lễ, người ta đọc Malakout, có nghĩa là vương quốc, trong khi ở đầu Thánh Lễ khi nói đến triều đại Thiên Chúa, người ta lại dùng một chữ khác (Mamlakat) rõ ràng có nghĩa là Triều Đại chứ không phải Vương Quốc.

Bởi thế, tuy không loại trừ nghĩa “triều đại”, chúng tôi ưa đọc “Vương Quốc Cha ngự đến”. Và đồng thời chúng tôi hiểu rằng trong Kinh Lạy Cha, Chúa Giêsu không dạy chúng ta chỉ xin một cách chung chung cho việc Thiên Chúa được mọi người vâng phục, mà còn xin một cách chính xác hơn và minh nhiên hơn cho việc ngự đến của Vương Quốc Thiên Chúa hay Vương Quốc trên trời {2} mà Người vốn đến để công bố {3}, và liên quan đến vương quốc này, suy nghĩ và lời giảng của Người đầy những dụ ngôn không thể hiểu thấu mà các sách Tin Mừng không ngừng trình bày với chúng ta.

Nhưng Vương Quốc này là gì nếu không phải là Giáo Hội vốn ở thế gian này nhưng không thuộc về thế gian này -- *regnum meum non est de hoc mundo* (Nước tôi không thuộc thế gian này){4} - một Giáo Hội được coi như không hiện hữu trước Chúa Kitô, dưới các hình thức phôi thai và che đậy, nhưng như hiện hữu cùng Chúa Kitô, nhất là sau Lễ Ngũ Tuần, nó xuất hiện giữa chúng ta với bộ mặt không còn che đậy và trong sức sống rạng rỡ của Đầu mình, là chính Ngôi Lời nhập thể? Đó cũng là Giáo Hội của đời sau, không theo nghĩa của thời trước Chúa Kitô theo đó nó là nơi tụ tập các người công chính trong lòng Ápraham, nhưng theo nghĩa nó hân hoan trong thị kiến Chúa Kitô bước vào vinh quang của Người, và cuối cùng nó đạt được sự viên mãn hoàn toàn với việc thân xác sống lại.

"Cho đến thời ông Gioan, thì có Lễ Luật và các ngôn sứ; còn từ thời đó, thì Tin Mừng Nước Thiên Chúa được loan báo, và mỗi người [trong số những người có tai để nghe] thì dùng sức mạnh mà vào" {5} – "Những người bạo động [tức những người không ngần ngại cắt tay phải của mình nếu nó gây gương mù cho họ, và yêu mến Chúa Giêsu hơn cha mẹ mình], đều nắm được nó bằng sức mạnh" {6}. "Tôi nói thật với anh em: trong số phàm nhân đã lọt lòng mẹ, chưa từng có ai cao trọng hơn ông Gioan Tẩy Giả. Tuy nhiên, kẻ nhỏ nhất trong Nước Trời [theo điều họ đã có ơn thánh Chúa Kitô đến với họ và họ không còn phải đợi trong âm ti nhưng đã được thấy Chúa nhân tiền ở trên trời] còn cao trọng hơn ông" {7}



Vương Quốc Cha ngự đến. Lời cầu xin này, hay ước nguyện này, liên quan trước nhất và trên hết với thế giới tương lai, thế giới vĩnh cửu nơi một

mình lời cầu xin đầu tiên "Danh Cha cả sáng" cũng sẽ được thực hiện một cách tuyệt đối hoàn hảo. "Điều hoàn toàn hiển nhiên là lời cầu xin này liên quan đến tương lai" {8}. "Vương Quốc Thiên Chúa, mà chúng ta xin ngự đến, có hạn kỳ của nó trong ngày chung cục của thế giới" {9}. "Vương Quốc Thiên Chúa ở trong chúng ta, những kẻ không mệt mỏi tiến bước, sẽ đạt tới sự hoàn hảo của nó khi lời lẽ của Thánh Tông Đồ {10} nên trọn: 'khi Người đặt mọi kẻ thù của Người dưới chân, Người sẽ trao nộp Vương Quốc cho Cha của Người, để Thiên Chúa là tất cả trong tất cả'" {11}. "Như thế, vương quốc mà bạn mong muốn ngự đến là vương quốc nào? Nó là vương quốc được nói đến trong Tin Mừng" {12}: 'hãy đến, hỡi những kẻ được Cha Ta chúc phúc, để hưởng vương quốc đã được chuẩn bị cho các con từ lúc tạo nên thế giới'" {13}. Vương Quốc này chính là Giáo Hội chiến thắng. "Lúc ấy người công chính sẽ sáng láng như mặt trời trong vương quốc Chúa Cha" {14}.

Còn Cựu Ước đã nói gì trước đó? Đức khôn ngoan "chỉ cho người công chính thấy vương quốc Thiên Chúa" {15} khi Giacóp thấy trong giấc mơ chiếc thang đặt ở dưới đất mà đầu thì dựng tới trời, có các thiên thần của Thiên Chúa lên xuống {16}. "Thiên Chúa của tầng trời sẽ thiết lập một vương quốc không bao giờ bị hủy diệt... và nó sẽ vững bền mãi mãi" {17}. "Vương quốc của Người là một vương quốc trường cửu" {18}. "*Et regnum ejus in generationem et generationem*" (Và triều đại Người kéo dài từ đời này qua đời nọ) {19}. "Một người như Con Người đến trong mây trời... Quyền lực Người là quyền lực trường cửu... và vương quốc Người sẽ không bao giờ bị hủy diệt" {20}. "Các vị thánh của Thiên Chúa tối cao sẽ lãnh nhận vương quốc này: và các ngài sẽ chiếm hữu vương quốc này mãi mãi" {21}.

"Những người cứu thoát sẽ lên Đồi Sion để phán xét Đồi Esau: và vương quốc sẽ dành cho Chúa" {22}.

Nhưng lời cầu xin thứ hai của Kinh Lạy Cha cũng nhắc đến vương quốc đã hiện diện rồi, một vương quốc mở rộng và càng ngày càng chiếm được cõi sâu con người và đời người. “Vương quốc Thiên Chúa đã đến khi anh em nhận được ơn thánh của Người. Quả thế, chính Người đã nói rằng {23}: ‘Vương Quốc Thiên Chúa đang ở trong anh em’” {24}.

Interrogatus autem a Pharisaeis: quando venit regnum Dei? respondens eis dixit: Non venit regnum Dei cum observatione. Neque dicent: Ecce hic, aut ecce illic. Ecce enim regnum Dei intra vos est (Người Pharisêu hỏi Đức Giêsu bao giờ Triều Đại Thiên Chúa đến. Người trả lời: "Triều Đại Thiên Chúa không đến như một điều có thể quan sát được. Và người ta sẽ không nói: "Ở đây này! hay "Ở kia kia!, vì này Triều Đại Thiên Chúa đang ở giữa các ông"{25}. Ta hãy ráng lật tả ý nghĩa các dòng của Thánh Luca, do Thánh Ambrôsiô trích dẫn trong đoạn vừa nhắc: “ Khi được người Biệt Phái hỏi khi nào vương quốc của Thiên Chúa ngự đến, Người trả lời họ rằng vương quốc của Thiên Chúa đến không ai hay –không thể chờ đợi nó như một biến cố vật chất, như việc đến của một đoàn quân tạo mây bụi đường và vũ khí sáng loáng dưới ánh mặt trời – “như thể người ta có thể nói: ‘Này, nó ở đây’ hay ‘nó ở kia’. Vì này, vương quốc ơn thánh của Chúa Kitô ngự đến giữa loài người đang ở bên trong anh em” hay, theo một lối dịch không kém thế giá “ở giữa anh em” {26}.” Nó đã ở giữa anh em rồi: anh em chưa thấy nó vì nó không đến như một sự vật đã hoàn tất để người ta có thể nói nó ở đây hay ở kia, nhưng nếu nhìn nó kỹ hơn, ta có thể nhận ra nó như một hạt giống đang nảy nở” {27}.

Nó đang ở giữa các bạn, hay ở trong các bạn, như ơn thánh của Chúa Kitô đã đến giữa con người – nó là Giáo Hội ở dưới này, Vương Quốc Thiên Chúa “đang trong tình trạng hành hương và chịu đóng đinh” {28} và là một vương quốc tuy hữu hình, nhưng bao gồm người công chính, những người vốn làm cho tính hữu hình của nó thêm rạng rỡ và những kẻ tội lỗi, những kẻ vốn phủ mây nó, một vương quốc có ơn thánh và đức ái làm linh hồn và sự sống, và trên các cơ sở này, không bụi nhơ hay tì vết, nhưng ở thẳm cung tâm hồn, ở điểm bí mật nơi mỗi con người quyết định để sự sống của Nhiệm Thể hoạt động trong mình, như trong một chi thể thánh thiện và tích cực, hay quyết định trốn tránh sự sống ấy như một chi thể nơi máu không còn tuần hoàn. Đây là Vương Quốc Thiên Chúa đang bước đi trên trái đất, nơi Chúa Giêsu “hấp hối cho tới ngày thế mạng” và là nơi, từng bước từng bước, nhờ áp dụng ơn phúc của Chúa Kitô cho mỗi chi thể của thời gian ấy, qua các thế kỷ, nhờ sự kết hợp với tình yêu và sự thống khổ của Đầu, sẽ “đền bù” “những gì còn thiếu trong các đau khổ của Chúa Kitô” {29}.

Khi đọc “Nước Cha trị đến”, hay “Vương Quốc Cha ngự đến”, là chúng ta cầu xin cho việc từ từ hoàn tất công trình đồng công cứu chuộc này. Chúng ta cầu xin Thiên Chúa làm cho chúng ta tiến về đích sau cùng như “những người bước đi không mệt mỏi”, và làm chúng ta hợp tác trong việc mở rộng Vương Quốc của Người, để Giáo Hội, trong khi không ngừng mở rộng biên giới, có thể ngày càng phát triển nơi các dân tộc trên thế giới và tái tích nhập vào mình dân tộc Do Thái; để con số người được cứu rỗi ngày một gia tăng (bất chấp họ tạo nên một phần của chi thể hữu hình của Giáo Hội, hay thuộc về nó một cách vô hình); và để, qua các giai đoạn kế tiếp nhau, sự tiến bộ về chiều sâu sẽ làm cho những ai trong trật tự siêu nhiên trở thành “các đồng công

dân của các thánh”, càng ngày càng ngoan ngoãn tuân theo tinh thần và các yêu sách của Tin Mừng và càng ngày càng phù hợp hơn với đức ái của Chúa Giêsu.



Và thứ đến, chúng ta cầu xin để trong trật tự trần gian và trong tất cả những gì liên quan đến lãnh vực này, cuộc chiến đấu vốn theo đuổi hết thời này sang thời nọ chống nạn nô dịch, cảnh khốn cùng và đau khổ của con người, cố gắng vươn tới công lý, tình bằng hữu công dân, lòng tôn trọng đối với phẩm giá nhân vị, không ngừng thắng thế.

Và dĩ nhiên, vì trái đất này mà hy vọng vương quốc Thiên Chúa sẽ hoàn toàn được thể hiện, như thể nó sẽ xuất hiện trong lịch sử, là một điều phi lý, vì bao lâu lịch sử còn kéo dài, một tiến bộ theo hướng cái ác sẽ luôn cùng hiện hữu với một tiến bộ theo hướng cái tốt, và sẽ cản trở nó. Nhưng sự kiện vẫn là: vương quốc hoàn toàn được thể hiện của Thiên Chúa sẽ ngự đến quá bên kia lịch sử, với trời mới đất mới, khi có việc phân loại giữa trọng khối sự ác luôn kéo thế giới về phía ông hoàng của nó, và luôn tự tách mình ra để tiến về chỗ riêng của nó, và năng lực tình yêu và sự thật luôn kéo nó về hướng Đấng Cứu Chuộc nó và luôn tự tách mình ra để tiến về chỗ riêng của mình, để nhờ sự tách biệt này và sự bất liên tục rành mạch này, thế giới biến hình sẽ được đồng hóa với Giáo Hội chiến thắng, với Vương Quốc thiên giới mà Chúa Kitô đã phục hồi cho Chúa Cha của Người.

Còn lại vấn đề này: suốt trong lịch sử, bao lâu các linh hồn còn phải chịu đựng các điều kiện sống vô nhân đạo, thì không thể có chuyện an nghỉ trên trái đất này đối với người Kitô hữu; do hệ quả của ơn gọi siêu nhiên của mình, sứ mệnh trần thế của người Kitô hữu vẫn buộc họ làm việc cách này hay cách khác cho ích chung của nhân loại trên trái đất, và cho việc duy trì niềm hy vọng trần thế của con người vào Tin Mừng. Vẫn còn vấn đề nữa: bao lâu các biến đổi của thế giới diễn ra một cách có ích cho con người và thực sự có tính giải thoát, thì, một đàng, chúng sẽ như một khúc xạ (réfraction) xuống trần gian các nhân đức và ơn thánh của Vương Quốc Thiên Chúa trong cuộc lữ hành ở dưới thế này, và đàng khác, như một hình ảnh xa xăm trong cảnh bí ẩn và tối đen của thân phận xác thịt báo trước Vương Quốc Thiên Chúa trong vinh quang của thế giới sắp tới.

Chính vì thế, các biến đổi đó liên quan cách gián tiếp với Vương Quốc Thiên Chúa; chúng ta xin những điều đó cách gián tiếp khi ta xin cho Nước Cha trị đến. Tại sao lại gián tiếp? Vì chúng được xin trước hết cho con người (mặc dù nhắc đến vinh quang Thiên Chúa như cùng đích tối hậu, như mọi lời cầu xin tốt lành khác).

*

Nhưng mọi điều chúng ta xin trực tiếp khi cầu xin cho vương quốc thiên giới trị đến,

mọi điều liên quan trực tiếp với Vương Quốc này, mà chúng ta đã xem xét trước đây, điều rõ ràng là chúng ta xin trước hết cho Thiên Chúa, Cha chúng ta và cho Người BẠN do ơn bác ái, trước khi xin cho chính chúng ta.

Do đó, ở đây, chúng ta phải từ bỏ việc theo chân, dù họ vĩ đại và đáng kính đến đâu, những người nghĩ rằng lời cầu xin thứ hai trong Kinh Lạy Cha ngỏ với Thiên Chúa cho chúng ta, chứ không cho Thiên Chúa. Chắc chắn như thế, như đã nhận xét, và vì hiển nhiên các tạo vật được cần đến khi Thiên Chúa muốn làm cho chúng tự do bước vào niềm vui của Người, Người có thể tự do hoàn thành, nhờ các phương thế của họ, sự vinh quang mà do bản tính của Người, Người nhất thiết có và có từ thuở đời đời, một vinh quang không thể thêm vào được chi nữa, nên ba lời cầu xin đầu tiên có liên hệ đến tác phong và số phận con người. Chúng ta tin rằng điều này là điều Tertullianô muốn nói (“chúng ta xin cho được thống trị, và mau thoát khỏi cảnh nô lệ mau hơn” {30}) hay Thánh Cyprianô muốn nói (“chúng ta cầu xin cho vương quốc hứa hẹn trị đến, được mua cho chúng ta bằng máu và cuộc thống khổ của Chúa Kitô. Để chúng ta, những kẻ trước đây vốn là nô lệ trong thế gian có thể cai trị dưới chủ quyền tối cao của Chúa Kitô” {31}). Nhưng Thánh Augustinô, vì sợ có người tưởng tượng ra rằng Thiên Chúa chưa thống trị trên những gì Người đã dựng nên, và Người phải nhờ đến việc nài nỉ tốt lành của chúng ta để Người ngự trên chúng một ngày kia, đã bảo đảm với ta rằng khi xin cho vương quốc của Người trị đến, chúng ta chỉ “kích thích ước vọng của chúng ta đối với triều đại Thiên Chúa, ngõ hầu *nó trị đến với chúng ta và chúng ta có thể cai trị trong nó*” {32}. Và vì theo chân Thánh Augustinô, nên Thánh Tôma Aquinô, trong tuyệt tác phẩm gọi là *Compendium Theologiae* (Bản Tóm Lược Thần Học), đã giới hạn lời bình luận của ngài về lời cầu xin thứ hai trong Kinh Lạy Cha vào việc giải thích khá dài về điều sẽ là phước hạnh hay cùng đích chủ quan tối hậu của ta, và vào thị kiến nhờ đó, chúng ta được hưởng nhan Thiên Chúa” {33}.

Nói cho đúng, giống lời cầu xin thứ nhất và thứ ba, lời cầu xin thứ hai liên hệ tới số phận và tác phong con người. Nhưng cũng giống hai lời cầu xin kia, nó hướng tới điều tốt của Thiên Chúa, chứ không phải của con người, và nó kích thích ước nguyện của chúng ta trước hết và trên hết; chính là cho Thiên Chúa mà chúng ta cầu xin. Cha Lagrange viết rất đúng rằng “Một việc nâng tâm hồn lên Cha chúng ta, ba ước nguyện được thốt ra bởi một linh hồn kết hợp với vị Cha này bằng các sợi dây bằng hữu và được sinh động hóa bởi ước nguyện Người được điều tốt lành: hữu thể tốt lành của linh hồn là việc đổ tràn điều tốt của Chúa Cha và việc chúng trở về với Người trong vinh quang...” {34}.

Vì yêu thương chúng ta, Chúa muốn chúng ta bước vào niềm vui của Người {35}; “Chúa Cha muốn rằng vương quốc thiên giới được ban cho các thánh của Người” {36}.

Còn chúng ta, vì yêu kính Người, chúng ta muốn rằng vương quốc của Người gia tăng ở dưới thế này, để khai mở trong thời gian công trình mà Người đã sai Con Một Người xuống thực hiện và trong đó, tình yêu của Người vui khoái; vì yêu kính Người, chúng ta muốn rằng vương quốc của Người, vương quốc trước khi được ban cho chúng ta vốn trước hết là của Người và theo yếu tính mãi mãi là của Người, được

nên trọn ở trên trời, để Người ở đó là tất cả và tất cả, phù hợp với ước muốn của Người, và lời ca ngợi và niềm vui của chính Người, cũng nhất thiết và bất biến ở trong Người như chính yếu tính Người, có thể, nhờ ơn phúc nhưng không Người đã tạo ra từ Người để ban cho các kẻ Người tuyển chọn, và đã được họ tự do tiếp nhận dưới sự thúc đẩy của ơn thánh, đạt được sự viên mãn đời đời của chúng.

{1} *Évangile selon saint Luc*, p. 322, n. 2.

{2} "Từ những ngày đầu tiên trong cuộc đời công khai của Người, Chúa Giêsu đã công bố 'vương quốc trên trời đang gần kề' (Mt. 4:17)... . Suốt trong sứ mệnh của Người, 'vương quốc trên trời' không ngừng ở trên miệng lưỡi Người. Biểu thức này là biểu thức có tính Palestine một cách đặc trưng (Maccô và Luca dịch nó theo cách dùng của Rôma – Hy Lạp 'Vương quốc Thiên Chúa')" Augustin George, S.M., *Connaître Jésus-Christ* (Paris: Equipes Enseignantes, 18 rue Ernest-Lacoste, 1960), p. 41.

{3} *Oportet me evangelizare regnum Dei* (Tôi còn phải loan báo tin mừng về triều đại Thiên Chúa). *Lc* 4:43.

{4} *Ga* 18:36.

{5} *Lc* 16:16.

{6} *Mt.* 11:12.

{7} *Ibid.*, 11:11.

{8} M. J. Lagrange, *Évang. selon saint Luc*, p. 322

{9} Tertullianô, *De Oratone*, cap. 5, *P.L.*, 1, 1159.

{10} *1 Cr.* 15:24-28 (cô đọng).

{11} Origen, *De Oratone*, 25, *P.G.*, 11, 497.

{12} *Mt.* 25:34.

{13} Thánh Augustinô, *Serm.* 56, cap. 4, n. 6., *P.L.* 38, 379.

{14} *Mt.* 13:43.

{15} *Kn* 10:10.

{16} *Xh* 28: 12. -- "Nơi người và dòng dõi người, mọi chi tộc trên trái đất sẽ được chúc phúc".

{17} Đn 2:44.

{18} *Ibid.*, 3:100 (và 4:31).

{19} *Ibid.*, 4:31.

{20} *Ibid.*, 7:13-14.

{21} *Ibid.*, 7:18 (Xem 7:27).

{22} *Ovd* 21.

{23} *Lc* 17:21.

{24} Thánh Ambrôsiô, *De Sacram.*, lib. VI, n. 22, *P.L.*, 16, 451.

{25} *Lc* 17:20 -- 21.

{26} Chúng tôi dùng cả lối dịch của Cha Lagrange (là lối dịch nói rằng "ở trong anh em", *Lc*, p. 461) lẫn lối dịch của Thánh Kinh Giêrusalem (là lối dịch nói rằng "ở giữa anh em" p. 1378).

{27} M. J. Lagrange, *Évangile selon saint Luc*, p. 460 note.

{28} Charles Journet, *L'Église du Verbe Incarné*, t. II, p. 87.

{29} Thánh Phaolô, *Cl.* 1:24.

{30} Tertullianô, *De Oratione*, cap. 5, *P.L.*, I, 1159.

{31} Thánh Cyprianô, *De Oratione Dominica*, n. 13, *P.L.*, 4, 527.

{32} *Ad Probam*, *P.L.*, 33, 502 (n. 21).

{33} *Comp. Theologiae*, II, cap. 9, Marietti, n. 573 ff. (Công trình này, bị gián đoạn do cái chết của thánh nhân, ngưng ở lời cầu xin thứ hai)

{34} M. I. Lagrange, *L'Évangile de Notre-Seigneur Jésus-Christ*, vol. 11, p. 16.

{35} *Intra in gaudium Domini tui* (Hãy vào mà hưởng niềm vui của chủ anh) *Mt.* 25:21 và 23. *Ego dispono vobis, sicut disposuit mihi Pater meus, regnum, ut edatis et bibatis super mensam meam in regno meo* (Thầy sẽ trao Vương Quốc cho anh em, như Cha Thầy đã trao cho Thầy, để anh em được đồng bàn ăn uống với Thầy trong Vương Quốc của Thầy) *Lc* 22:29-30.

{36} *Nolite timere, pusillus grex, quia complacuit Patri vestro dare vobis regnum* (Hỡi đoàn chiên nhỏ bé, đừng sợ, vì Cha anh em đã vui lòng ban Nước của Người cho anh

em) Lc 12:32 (Cf. Đn 7:18).

Tiết 3: Ý Cha thể hiện dưới đất cũng như trên trời

Thiên Chúa cao cả - và sự viên mãn của bản thể Người vô hạn – đến nỗi, để biết, theo cách nhân bản của chúng ta, điều ở trong Người hoàn toàn là một và không thể phân chia, chúng ta cần sử dụng đến tính đa nguyên của khái niệm. Do đó, trong ý chí của Thiên Chúa, các nhà thần học phân biệt một số loại ý chí, mà họ chỉ định bằng các từ ngữ không cho thấy một nỗ lực đặc biệt hân hoan nào của trí tưởng tượng ngôn từ nhưng liên quan đến những điều rất quan trọng cần xem xét.

Đầu tiên, chúng ta hãy hướng về điều các nhà thần học gọi là *voluntas signi* [ý chí qua dấu chỉ] (đối lập với *voluntas beneplaciti* [ý chí qua ý muốn], hay ý muốn đúng nghĩa): đây là ý chí của Thiên Chúa hiểu theo nghĩa ẩn dụ, như người ta thường gọi phương thức biểu hiện này hay phương thức biểu hiện nọ (ví dụ, giới răn, luật cấm, lời tư vấn {1}) là "ý muốn của Thiên Chúa" mà thực ra đối với chúng ta là dấu chỉ của một hành động của ý chí. Những người thực thi các giới luật của Chúa đã làm theo ý muốn của Người. Vì vậy, khi nói, "ý Cha thể hiện," chúng ta xin cho chính chúng ta và anh chị em của chúng ta thực hiện tất cả những gì Chúa Cha quy định, tránh tất cả những gì Người ngăn cấm, và trung thành tuân theo sự linh hứng của các lời chỉ bảo của Người.

Điều ấy khá hiển nhiên. "Nếu các con yêu mến Thầy, các con sẽ giữ các điều răn của Thầy" {2}.

*

Chúng ta cũng nên suy niệm thêm một phân biệt thần học khác, một phân biệt sẽ dẫn chúng ta vào màu nhiệm không thể nào hiểu thấu này một cách sâu sắc hơn. Khi xem xét ý muốn theo nghĩa chính xác của Thiên Chúa, các nhà thần học phân biệt *voluntas antecedens* (ý chí đi trước) – hay ý chí nguyên ủy [primordial] hoặc 'ý chí không theo hoàn cảnh' – và *voluntas consequens* (ý chí đi sau)", mà chúng ta có thể gọi là sau cùng [definitive] hay ý chí 'theo hoàn cảnh'. Chính ý chí sau cùng hoặc ý chí theo hoàn cảnh mới luôn được hoàn tất {3}, và là ý chí không điều gì trên thế giới có thể thoát được; đó là ý chí tuyệt đối của Thiên Chúa. Nhưng ý chí nguyên ủy hoặc không theo hoàn cảnh, tức ý chí qua đó "Thiên Chúa muốn mọi người được cứu rỗi và tiến đến chỗ biết sự thật", mới rất thực và thực từ nền tảng, mặc dù có điều kiện; nó không phải là một ước muốn (velléité) đơn giản {5}, nó là gốc rễ đầu tiên của toàn bộ nhiệm cục Thiên Chúa (l'économie divine). Khi gọi nó là nguyên ủy hay đi trước, điều rõ ràng là người ta không có ý nói nó đi trước ý chí sau cùng về thời gian (trong Thiên Chúa, cả hai đều cùng là một ý chí vĩnh cửu duy nhất và cao cả; đi trước và đi sau chỉ là việc thuộc trật tự luận lý và chỉ liên quan tới lối suy nghĩ của con người chúng ta mà thôi); khi gọi nó là nguyên ủy hoặc đi trước, chúng ta muốn nói điều này liên quan đến trật tự luận lý của việc gia tăng quyết tâm theo đó đối tượng được ước muốn sẽ được nắm lấy; đó chính là thúc đẩy nguyên thủy của Lòng Tốt vô hạn, qua đó, chỉ xem xét đến chính nó và để qua một bên mọi xem xét khác, ý chí này muốn rằng tất cả những gì xuất phát từ nó phải tốt và không có bất cứ dấu vết nào của sự

ác. Nhưng một ý chí như vậy có thể bị thối chí, ngã lòng (frustré) {6}.

Và vì sự kiện có những tạo vật, nên ta có thể nói rằng ý chí đi trước nhất định sẽ thấy mình thất vọng trong một chừng mực nào đó. Vì Thiên Chúa thường cư xử đẹp với các hữu thể và không muốn hạn chế các bản nhiên của chúng hoặc làm cho các bản nhiên này trở nên vô dụng bằng cách thay thế chúng bằng một chế độ luôn luôn lạ lùng: không một thế giới vật chất nào mà không bị hủy diệt, và nhất là, từ lúc sự sống động vật xuất hiện, mà không chịu đau khổ. Không có tinh thần nào mà lại không có tự do lựa chọn và (bao lâu họ không được thần hóa bởi viễn kiến Thiên Chúa) mà không có khả thể lựa chọn điều ác thay vì điều thiện. Cố hữu trong ý chí tự do của chúng ta, khả thể phá vỡ các thúc đẩy của Thiên Chúa nhằm làm chúng ta nghiêng về phía điều tốt, bằng "các cuộc hư vô hóa" (néantements) của mình, có hậu quả này là các hành động xấu xa về mặt đạo đức sẽ được cho phép, nhưng sáng kiến đầu tiên, chính vì chúng xấu, nên thuộc một mình chúng ta; theo một cách khiến các tránh né và từ khước của chúng ta, dưới con mắt vĩnh cửu, đều là những hoàn cảnh theo đó, trong cuộc chiến đấu vĩ đại đang diễn ra như thế, ý chí đi sau hay tùy thuộc hoàn cảnh sẽ chấp nhận cho ý chí đi trước các thất bại khiến các thánh phải khóc lóc và sẽ quyết định cho nó các đền bù và các siêu bồi thường khiến Thánh Phaolô kinh ngạc đến phải bá gối – tất cả đều qui hướng lẫn nhau về cuộc chiến thắng sau cùng của lòng đại độ thần thiêng, một cuộc chiến thắng càng rực rỡ hơn khi ở trên đường nó càng bị thương nhiều hơn.

*

Ý chí của Thiên Chúa đáng thờ phượng trong mọi phương diện và dưới mọi khía cạnh của nó.

Điều rõ ràng là qua lời cầu xin thứ ba của Kinh Lạy Cha, linh hồn Kitô hữu, cùng một lúc, đã xin cho *voluntas signi* [ý chí qua dấu chỉ], ý chí đến sau hay tùy hoàn cảnh, và ý chí đi trước và không tùy thuộc hoàn cảnh sẽ được thể hiện. Tuy nhiên, chúng ta tin rằng ước nguyện tỏ bày trong lời cầu xin thứ ba này đề cập chủ yếu đến ý chí đi trước.

Tuy nhiên, chúng ta có nhiệm vụ nói tới ý chí đến sau trước nhất.

Ý chí đến sau hay tùy hoàn cảnh sẽ được thể hiện luôn luôn và tuyệt đối. Như thế tại sao còn phải xin cho nó được thể hiện? Điều gì đã được quyết định thì nhất định sẽ xảy ra trong bất cứ trường hợp nào. Đúng, chắc chắn như thế; nhưng qua lời cầu xin này, chính chúng ta tự do đặt mình vào trạng thái nhất trí với ý chí này và, dù trong niềm vui hay buồn phiền, đều ca ngợi các thiết kế khôn dò của nó: thật là xứng đáng và công bình và mưu ích cho phần rỗi chúng con (*dignum et justum est, aequum et salutare. . .*). Chính chúng ta, những người, trong tôn kính và tạ ơn, và bằng một hành động đức tin đôi khi xé nát cõi lòng chúng ta, chúng ta tuyên bố rằng tất cả những gì Cha của chúng ta trên trời muốn, bất cứ Người ra lệnh điều gì và Người cho phép điều gì, đều tốt cả vì chính Người đã muốn điều ấy. "Khi nói 'Ý Cha thể hiện', chúng ta hân hoan vì không có gì xấu xa trong ý chí của Thiên Chúa ngay cả khi Người cư xử nghiêm khắc với chúng ta ..." {7}

Do đó, xin cho ý Thiên Chúa, tức là, ý chí đến sau hay tùy hoàn cảnh của Người, được thể hiện đôi khi là một hiến thân và từ bỏ bản thân chúng ta trong đau đớn hoàn toàn. Có khi đến chỗ cần phải đổ mồ hôi máu. Chúa Giêsu đã làm gương như thế cho chúng ta.

Sau khi nói: "Lạy Cha, nếu có thể, xin cất chén này khỏi Con", Người nói thêm: "Tuy nhiên, không phải theo ý Con, nhưng theo ý Cha" {8}. *Verum tamen non mea voluntas, sed tua fiat*. Lời cầu nguyện của Chúa Giêsu này nằm ở tâm điểm mọi nỗi buồn sầu và mọi niềm hy vọng của con người. Người đã phải chết vì Người đã tự gánh lấy mọi tội lỗi và mọi đau khổ của thế giới - trong sự hoàn thành đức vâng lời và công việc Người đã tới để thực hiện. Chính là trước ý chí tuyệt đối, ý chí đến sau và dứt khoát của Đấng được Người yêu hơn cả linh hồn và sự sống của mình, mà Người đã để ý chí nhân bản của mình chịu khuất phục và từ bỏ nó.

Qua lời cầu xin thứ ba của Kinh Lạy Cha, chúng ta cũng xin cho việc thể hiện ý chí đi trước của Thiên Chúa, một ý chí vốn phát xuất nguyên khởi từ sự tốt lành của Người nhưng có thể phải nhìn nhận các trở ngại. Và quả thực, như chúng ta đã nói, chúng ta cầu xin trước nhất, trước bất cứ điều gì khác, sự thể hiện của ý chí đi trước này. Tại sao thế? Đó là vì Chúa Giêsu đã bảo chúng ta xin: "Ý Cha thể hiện dưới đất *cũng như trên trời*".

*

Sicut in coelo (cũng như trên trời) – đây chính là điều chúng ta không thấy thể hiện ở dưới đất. Nên ý muốn của Thiên Chúa lại càng phải được thể hiện ở đây cũng như ở trên trời.

Sicut in coelo, nghĩa là như nó đã được chu toàn bởi các thiên thần và các thánh, trong thế giới khác vốn là thế giới được thấy Thiên Chúa và cũng sẽ là thế giới của sự phục sinh thân xác - nơi mà ý chí tự do, dù vẫn còn đang tập luyện liên quan đến mọi điều không được chính Thiên Chúa yêu thương, đã trở thành không thể phạm tội – ở đây, các thiên thần "hàng hà sa số" lớn tiếng tung hô: "Xứng đáng thay Chiên Con đã bị giết để lãnh nhận quyền năng, giàu sang, khôn ngoan, sức mạnh, vinh dự, vinh quang và chúc phúc", và nơi mọi tạo vật trong toàn bộ vũ trụ tôn vinh "Đấng ngự trên ngai và Chiên Con" {9}. "Lạy Chúa, như các thiên thần trên trời chu toàn thánh ý Chúa, xin cho cũng điều này được chu toàn dưới đất" {10}.

Theo Tertullianô, qua lời cầu xin thứ ba, "chúng ta xin cho ý Người được thể hiện nơi mọi người" (11). Và theo Thánh Cyprianô: "Chúa Kitô dạy chúng ta cầu xin cho sự cứu rỗi của mọi người" (12) Còn Thánh Augustinô thì viết: "qua lời cầu xin này, chúng ta xin cho sự hoàn thiện" (13). Và ngài viết thêm: "Ý Cha thể hiện bởi mọi người, thậm chí bởi cả các thiên thần" (*Sicut ab angelis, ita ab hominibus*) (14). Ngài cũng đã viết: " để ý Người được thể hiện bởi chúng tôi cũng như được thể hiện trên thiên đàng bởi các thiên thần của Người" (*Ut sic a nobis fiat voluntas ejus, quemadmodum fit in coelestibus ab Angelis ejus*) {15}. Cũng như bởi các thiên thần - trong mọi người - vì sự cứu rỗi của mọi người - vì sự hoàn hảo của mọi con người ở dưới thế này:

điều rõ ràng là hiểu dưới toàn bộ sức mạnh của *sicut in coelo*, lời cầu xin thứ ba có đối tượng đầu tiên của nó, không phải là ý chí đến sau hay tùy hoàn cảnh của Thiên Chúa, là điều luôn được thể hiện, nhưng là ý chí nguyên thủy của Người. Nó đề cập trước tiên và chủ yếu đến ý chí đi trước, nhờ đó, Thiên Chúa muốn rằng mọi người đều được cứu rỗi, và trong sáng thế, chỉ có điều tốt được tìm thấy, ở các mức độ đa dạng, chứ không có bất kỳ tà ác nào, kể cả tà ác theo nghĩa tương đối hay tà ác đau khổ, lẫn tà ác theo nghĩa tuyệt đối, hay tà ác tội lỗi. Chính vì sự thể hiện của ý chí này mà Chúa Giêsu đã dạy chúng ta cầu nguyện trước nhất và trên tất cả mọi điều, vì chính ý chí nhân bản của Người, tự nó và trên hết, hằng khao khát sự thể hiện của ý chí này.

Ý chí nguyên ủy và không tùy thuộc hoàn cảnh trên, nếu được phép nói, có thể bị vượt cấp (*surclassée*), như khi một điều thiện nào đó được ước muốn trong các sự vật lại hướng về một đau khổ trong chính các sự vật này {16}.

Như chúng tôi đã lưu ý trên đây, nó cũng có thể bị thối chí, ngã lòng. Chính theo nghĩa này, "Thiên Chúa đã bị tổn thương bởi tội lỗi của chúng ta" {17}. Vì "Thiên Chúa không làm được điều tốt nơi 1 con người nếu họ sẽ không muốn điều đó" {18}, và con người có khả năng không muốn điều này; họ có thể né tránh sự kích hoạt của Thiên Chúa khiến họ hướng về điều tốt, và cùng một lúc, đặt chướng ngại vật trước ý chí đi trước này {19}.

Tội lỗi là xúc phạm tới Thiên Chúa. Nhưng kiểu nói này có ý nghĩa gì? Ý nghĩa thực sự của nó là gì, nếu không là: tội lỗi tước mất của ý chí Thiên Chúa – tức ý chí nguyên ủy hay đi trước - một điều gì đó nó thực sự muốn? "Trong ý muốn đi trước của Người, Thiên Chúa muốn mọi người được cứu rỗi, và Người cũng muốn mọi hành động của tôi đều tốt lành. Nếu tôi phạm tội, một điều gì đó được Thiên Chúa mong muốn và yêu thương, sẽ mãi mãi không có. Điều này là do sáng kiến của tôi trước nhất. Do đó, tôi là nguyên nhân - nguyên nhân hư vô hoá - của việc tước bỏ liên quan đến Thiên Chúa, một việc tước bỏ liên quan tới hạn kỳ (*terme*) hay hiệu quả được ước muốn (chứ không hề liên quan tới điều tốt của chính Thiên Chúa) ... Tội lỗi không chỉ tước đoạt của vũ trụ một điều tốt lành, nó còn tước đoạt của chính Thiên Chúa một điều được Người ước muốn một cách có điều kiện nhưng đích thực. Các lỗi lầm luân lý không hề ảnh hưởng chút nào đến chính Đấng Không Phải Được Tạo Thành – Người hoàn toàn bất khả xâm phạm - nhưng trong các sự vật và hiệu quả được Người ước muốn và yêu thương. Về phương diện này, chúng ta có thể nói Thiên Chúa là Đấng dễ bị tổn thương nhất trong các hữu thể. Không cần các mũi tên tẩm độc, súng đại bác hay súng máy; một cử động vô hình trong trái tim một tác nhân tự do đủ làm Người bị trọng thương, đủ tước mất của ý chí đi trước của Người một điều gì đó ở dưới đất này mà Người vốn ước muốn và yêu thương từ thuở đời đời, và điều này sẽ không bao giờ có" { 20}.

*

Đến lúc này, làm thế nào chúng ta có thể không bàn đến vấn đề mà trái tim Chúa Giêsu, trong vinh quang, từng bị ảnh hưởng bởi các lần đào ngũ của chúng ta, và những dòng nước mắt của Đức Trinh Nữ, Đấng đã xuống các đồi núi của chúng ta để

nói với hai trẻ, không để chúng ta trốn tránh?

Lý trí nổi loạn đối với ý tưởng nối kết đau khổ với Mối Phúc. "Mối Phúc là viên mãn tuyệt đối, còn đau khổ là tiếng than của người bị thương. Nhưng Thiên Chúa của chúng ta là một Thiên Chúa bị đóng đinh; mối phúc mà Người không thể bị tước mất không ngăn cản Người khỏi sợ hãi hoặc khóc than, hoặc khỏi đổ mồ hôi máu trong cơn Hấp Hối không thể tưởng tượng được, hoặc khỏi phải vượt qua những quần quai đau đớn của cái chết trên Thập Giá, hoặc khỏi cảm giác bị bỏ rơi" {21}. Chính nhờ một Thiên Chúa đau khổ mà chúng ta đã được cứu chuộc.

Ta có thể nhận xét xa hơn rằng "đối với một tạo vật, có khả năng chịu đau khổ là một sự hoàn hảo thực sự, nó là số phần của sự sống và tinh thần; nó là sự vĩ đại của con người.

Vấn đề còn lại là "vì chính ý tưởng đau khổ vốn hàm ngụ một số sự bất toàn, nên ta không thể gán nó cho 'Yếu Tính khôn dò'. Nhưng dưới một hình thức nào đó mà không con người nào có thể gọi tên, há không cần thiết phải tìm thấy trong Yếu Tính đó toàn bộ yếu tố hoàn hảo mà nhiệm vụ thuộc sự đau khổ của tạo vật đó ư?"

Những chỗ sâu kín không thể giải thích được của Ánh Sáng này, "loại vinh quang của đau khổ này, có lẽ tương ứng với nó trên trái đất này là các đau khổ của người vô tội, những dòng nước mắt của trẻ em, một số những sỉ nhục và khốn cùng quá đỗi mà gần như trái tim không thể chấp nhận mà không bị xúc phạm, và là những điều, khi bộ mặt của thế giới khó hiểu này qua đi, sẽ xuất hiện ở đỉnh cao của các Mối Phúc" {22}.

Các đoạn trích trên đây lấy từ cuốn *Grandes Amitiés* (Những Tình Bạn Lớn). Tác giả đã cẩn thận tự bào chữa cho mình "vì những điều tối nghĩa trong các suy tư này", và nhắc lại với lòng kính phục những lời nổi tiếng sau đây của Léon Bloy: "Khi người ta nói một cách đầy yêu thương về Thiên Chúa, mọi lời lẽ của con người đều giống như những con sư tử mù tìm dòng suối trong sa mạc".

*

Chính ở lời cuối cùng trong ba lời cầu xin đầu tiên của Kinh Lạy Cha mà ta thấy rõ ràng hơn cả đặc điểm màu nhiệm mà nó có chung với hai lời cầu xin khác vốn là lời cầu nguyện với Thiên Chúa cho Thiên Chúa, một ước nguyện mà tình yêu con thảo của Chúa Kitô và của anh em Người ngỏ cùng Thiên Chúa cho chính Thiên Chúa, cho chiến thắng của Người, cho niềm vui vĩnh cửu và vô tận của Người, một niềm vui muốn nhận vào nó các tạo vật thông minh mà Người đã tạo ra. Trong lời cầu xin thứ ba này, có một sự âu yếm nồng nàn đến nỗi nó không ngần ngại đi xa hơn điều có thể: *sicut in coelo et in terra* (dưới đất cũng như ở trên trời), "bởi con người, thậm chí bởi các thiên thần nữa".

"Khi các môn đệ yêu cầu Chúa Kitô dạy họ cầu nguyện, Người ban cho họ Kinh Lạy Cha, và ba lời cầu xin nghịch lý đầu tiên mà họ phải ngỏ cùng Thiên Chúa" cho "những điều thuộc Thiên Chúa", những điều, do đó, một phần, sẽ phụ thuộc sáng

kiến của con người chúng ta. Ta phải kết luận rằng lòng nhiệt thành mà các bạn bè của Thiên Chúa dùng để cầu nguyện sẽ quyết định, đến một mức độ rất lớn, sự tuôn đổ ơn trợ giúp của Thiên Chúa, bất kể là thông thường hoặc lạ lùng, các bước tiến của Kinh Thành Thiên Chúa, và bất cứ tiến bộ nào trong việc hoán cải thế giới"{23}.

Người ta có thể nói được rằng từ giai đoạn này sang giai đoạn nọ, lời cầu xin càng lúc càng trở nên thân mật hơn và đi sâu hơn vào thiện ích của chính Thiên Chúa. Ước chi vinh dự và chứng tá được dành cho sự thánh thiện của Người. Ước chi triều đại của Người đến với tất cả mọi người, và vương quốc nơi chính Thần Tính của Người được chia sẻ bởi những tâm trí thụ tạo. Ước chi tình yêu dư thừa, vốn là một với Hữu Thể Người, ước chi ước muốn của trái tim Người, ước chi ý chí của Người được thể hiện mà không gặp trở ngại nào trong thế giới con người cũng như trong thế giới của các người đã được hưởng phước trên thiên đàng.

Lời cầu xin thứ ba là một lời cầu nguyện chấp nhận trong yêu thương, rất thường có nghĩa là một lời cầu nguyện phó thác bản thân và từng phục giữa những thử thách nát lòng và có tính hủy hoại, một lời cầu nguyện sắp mình để tham dự vào sự sỉ nhục của Đấng Cứu Thế. Nhưng nó cũng là, và có khi nhất là, một lời cầu nguyện hoan hỉ, sốt sắng và khao khát nhiệt tình, một lời cầu nguyện không biết chán, bừng bừng yêu thương, một lời cầu nguyện làm chúng ta nhập vào những ham muốn nguyên thủy của Thiên Chúa và của Con nhập thể của Người, và là lời cầu nguyện xin vinh quang cho Chúa Cha, một vinh quang sẽ không bao giờ được thể hiện đầy đủ ở dưới thế này và không thể thể hiện được{24}, nhưng là một vinh quang phải được cầu xin một cách nhiệt tình và kiên trì hơn và sẽ được thể hiện vào lúc kết thúc mọi sự một cách đẹp đẽ hơn đến nỗi mọi tâm trí thụ tạo sẽ thán phục trong nó.

{1} Có năm dấu hiệu biểu lộ ý chí Thiên Chúa: cấm đoán, giới luật, chỉ bảo, hành động và cho phép. Xem *Sum. theol.*, I, 19, 12.

{2} *Ga* 14:21.

{3} *Sum. theol.*, I, 19, 6.

{4} *1 Tm.* 2: 4.

{5} Nghĩa là một khởi đầu (inchoation) chưa đạt tới tình trạng một hành động của ý chí, nói cách khác một chuyển động yếu ớt qua đó, người ta không tha thiết muốn một điều gì đó, mà chỉ muốn được muốn nó. Khi Thánh Tôma sử dụng từ *velleitas* (*Sum. Theol.*, I, 19, 6), nó có nghĩa hoàn toàn khác và để biểu thị một ý chí chính thức và được gọi tên đúng nhưng không phải là vô điều kiện và không phải lúc nào cũng được thi hành. Xem Jean de Saint-Thomas, *Cursus theol.*, T. III, disp. 5, a. 7 và 8.

{6} Chắc chắn không theo nghĩa theo đó một ước muốn bị thất vọng nơi ta (bởi một tác nhân nào đó từ bên ngoài tước mất của ta điều chúng ta muốn). Ý chí đi trước sẽ "thất vọng", nhưng bởi một sự tự do mà chính Thiên Chúa đã tạo ra, và là điều Người cho phép trốn tránh Người nếu nó muốn, và là điều thực sự chỉ thừa nhận một hành động xấu xa với sự cho phép của Người.

Đàng khác, ta nên lưu ý: khi, vì một toàn bộ các hoàn cảnh, Thiên Chúa tạo ra một điều gì đó nhằm một điều thiện mà sự hoàn thành của nó tùy thuộc tự do ta, thí dụ một bệnh nhân nào đó được chữa lành để họ đền bù một sự bất công mà họ đã

phạm, sự việc ở đây (chữa lành người bệnh) nhất định (infailliblement) sẽ xảy ra do ý chí đến sau nhưng ý chí đến sau này, một phần (liên quan tới tương lai), vẫn đi trước và không có điều kiện. Có thể xảy ra điều này là người này không đền bù và thậm chí còn làm nặng thêm sự bất công mà họ đã phạm.

{7} Tertullianô, *De Oratione*, cap. 4, P.L. 1, 1158.

{8} *Mt.* 26:39; *Lc* 22:42.

{9} Xem *Kh.* 5: 11-13. – Xem *Tv.* 103 (102): 21: *Ministri ejus, qui faciunt voluntatem ejus* (hàng hầu cận và thi hành thánh ý).

{10} Thánh Cyriliô thành Giêrusalem, *Catéchèses mystagogiques*, XIV, P.G., 33, 1120.

{11} *De Oratione*, cap. 4, xem ở trên, p. 39, n. 1.

{12} *Oratione Dominica*, n. 17, P.L, 4, 530.

{13} *Serm.* 56, cap. 5, n. 8, P.L, 34, 1278.

{14} *De Serm. Dom. in monte*, lib.II, cap. 6, P.L., 34, 1278

{15} *Ad Probam*, P.L., 33, 502 (n. 21).

{16} Sự ác đau khổ chắc chắn không trực tiếp được ước muốn và do chính nó (per se); tuy nhiên nó được ước muốn do tình cờ (per accidens), hoặc được ý chí đi sau "cho phép".

{17} Charles Journet, *Le Mal, Essai Théologique*, Paris, Desclée De Brouwer, 1961, p.197.

{18} Thánh Gioan Kim Khẩu, *Opus imperfectum, Hom. 14, sup. Matth.*, cap. 6 (Paris: Gaume, 1836), t. VI, p. 811: "Nam sicut homo non potest facere bonum, nisi habuerit adjutorium Dei: sic nec Deus bonum operatur in homine, nisi homo voluerit" (vì như con người không thể làm điều tốt trừ khi có ơn trợ giúp của Thiên Chúa, thì Thiên Chúa cũng không thể làm điều tốt nơi con người, nếu họ không muốn). Trích dẫn trong *Catena aurea, in Matth.* 6 (Marietti, 1953), t. I, p. 105.

{19} Xem Thánh Tôma, *I Sent.*, dist. 47, q. 1, a. 2, ad. 1. "Những người không đi với Thiên Chúa là chống lại Thiên Chúa, do sự kiện họ đi ngược lại ý chí đi trước của Thiên Chúa" (trích dẫn bởi Đức Ông Journet, *op. cit.*, trang 183).

{20} Jacques Maritain, *Neuf leçons sur les notions premières de la philosophie morale*, pp. 175-6.

{21} Raïssa Maritain, *Les Grandes Amitiés*, p. 199.

{22} *Les Grandes Amitiés*, p. 200.

{23} Charles Journet, *Le Mal*, p. 187.

{24} Xem tác phẩm nhỏ của Thánh Tôma, *In Orationem Dominicam Expositio*, trong *Opuscula Theologica* (Turin: Marietti, 1954), t. II, n. 1068: "Thánh ý Thiên Chúa là anh em nên thánh" (1Tx 4:3). Thánh ý này của Thiên Chúa không thể hoàn thành hoàn toàn ở đời này; nó được hoàn toàn hoàn thành trong ngày phục sinh của các thánh, khi các thân xác sống lại vinh hiển và không còn hư nát.

Chương III: Bốn lời cầu xin cuối cùng

Tiết 4: Cho chúng con hôm nay lương thực hàng ngày



Sau khi cầu xin Thiên Chúa cho vinh quang của Người, chúng ta cầu xin Người cho chúng ta, những kẻ tội lỗi.

Tại sao Chúa Giêsu, Đấng vốn dạy ta phải hoàn thiện như Cha của ta ở trên trời là Đấng hoàn thiện {1}, lại không bao gồm, trong lời kinh Người đã dạy chúng ta, một lời cầu xin đặc biệt liên

quan đến sự hoàn thiện ấy của tình yêu, vốn là mục tiêu cao nhất của chúng ta ở dưới thế này, và là điều đã được thiết lập như một đích nhắm mà mỗi người phải hướng tới tùy theo điều kiện và khả năng của mình. Thật ra, lời cầu xin này không hề khiếm diện trong Kinh Lạy Cha: nó được bao gồm trong ba lời cầu xin đầu tiên, tức những lời cầu xin ngỏ với chính Chúa Cha. Vì đối với những người muốn làm cho giới răn Tin Mừng trở nên hoàn hảo như chính Chúa Cha là Đấng hoàn hảo, thì trước nhất, họ không cầu xin sự hoàn hảo của chính họ, mà đúng hơn là sự tốt lành của Thiên Chúa, vì họ yêu mến Thiên Chúa hơn chính bản thân họ và hơn sự hoàn hảo của họ; họ không dành trọn nhiệt tình trong ước muốn của họ cho sự hoàn hảo của chính họ (để được đạt tới) - họ là Kitô hữu, chứ đâu phải Người Khắc Kỷ - mà đúng hơn cho kho báu sự sống và sự tốt lành của Người Yêu của họ, Đấng vốn là Tình Yêu và là Đấng yêu cầu ta yêu thương Người, và vui mừng trong tình yêu này.

Những người đang bước vào các nẻo đường thiêng liêng có thể nghĩ rất nhiều đến sự hoàn hảo của họ. Nhưng, những người đã tiến xa trên các nẻo đường thiêng liêng thì hiếm khi còn nghĩ đến sự hoàn thiện của họ nữa - có lẽ họ đã quá bị quấy rối trên đường đi; dù sao, họ cũng chỉ biết quan tâm đến Đấng Khác mà thôi.

Sự hoàn hảo của Kitô hữu không để mắt tới chính nó, mà chỉ để mắt tới Chúa Giêsu và Cha của Người mà thôi; nó không phải là sự hoàn hảo không phạm tội mà là sự hoàn hảo của tình yêu. Hơn nữa, sự hoàn hảo của con người chắc chắn trăm phần trăm là công việc của cả Thiên Chúa lẫn của con người cùng với nhau. Nó giả thiết, về phần con người, phải có một ý chí nhiệt thành và kiên trì, kiên nhẫn và kiên trì một cách anh hùng. Nó giả thiết tự do của con người phải hợp tác trung thành với ơn thánh, dưới sự thúc đẩy của ơn thánh Thiên Chúa. Nhưng nếu người ta nói ngôn ngữ của kinh nghiệm thực tế, chứ không phải ngôn ngữ của khoa học suy lý, và nếu người ta suy nghĩ rằng nơi "con cái của Thiên Chúa, được Chúa Thánh Thần dẫn dắt", ý chí con người luôn có sáng kiến thứ hai, dưới sự thúc đẩy của Thiên Chúa, chứ không bao giờ có sáng kiến đầu tiên (chúng ta chỉ có sáng kiến đầu tiên về sự ác, một sáng kiến của nguyên nhân đệ nhất){4}, thì, và theo nghĩa này, chúng ta phải nói rằng

người hoàn hảo tiếp nhận mọi sự từ Thiên Chúa, không có gì từ chính họ cả. Những gì họ rút ra từ nhân tính chỉ là sự yếu đuối của nó, và thiên hướng phạm tội luôn luôn hiện diện trong họ; đó là thân phận của con người tội lỗi.

Đây là lý do tại sao, khi các lời cầu xin của Kinh Lạy Cha hướng về con người, chúng hướng về những người tội lỗi - *non enim veni vocare justos, sed peccatores* (Tôi không đến kêu gọi người công chính, mà là những kẻ tội lỗi) {5} – Chúng liên quan tới tất cả chúng ta, những kẻ tội lỗi, và theo thân phận kẻ tội lỗi của chúng ta (và quả thực, ai tự nhận mình là người có tội hơn chính các vị thánh?) Thánh Gioan từng nói "Nếu chúng ta nói chúng ta không phạm tội, là chúng ta tự lừa dối chính mình, và sự thật không ở trong chúng ta" {6}. Kinh Lạy Cha dạy chúng ta, và trong khi dạy dỗ chúng ta, nó xúc dầu lên các vết thương của chúng ta. Nếu có một số người trong chúng ta nghĩ mình hoàn hảo, họ cần được chữa khỏi sự cao ngạo của họ. Nếu có một số người muốn trở thành thánh và buồn rầu vì mình không phải là thánh, thì họ cần được chữa khỏi nỗi buồn rầu này. Nếu có một số người bị chìm đắm trong sự ác và tối tăm, họ sẽ bắt đầu có hy vọng.

Vậy những người tội lỗi cần gì? Trước tiên, cần sống, giống như cỏ ngoài đồng, và giống như những con chim sẻ không con nào rơi xuống đất mà không có sự đồng ý của Thiên Chúa. Và sống như những con người, và như những con người được cứu chuộc.

Và điều họ cần sau đó là sự tha thứ, sự tha tội.

Đó là hai điều căn bản họ cần.

Nhưng còn một điều khác cũng cần thiết đối với họ {7}. Vì dù đã được tha thứ, họ vẫn đang ở trong nguy hiểm; trong nguy hiểm vì yếu đuối. Họ cần chính Thiên Chúa đến giúp họ vì sự yếu đuối của họ.

*

"Bánh *siêu bổ dưỡng* (*supersubstantial*) của chúng con, bánh ăn hàng ngày của chúng con".

Cùng một từ Hy Lạp *ἐπιούσιον* (*epiousion*) đã được cả Mátthêu (6:11) và Luca (11: 3) sử dụng để mô tả bánh ăn được chúng ta cầu xin; nhưng trong bản Latinh được Thánh Giê-rôm phiên dịch, cùng một từ Hy Lạp này đã được dịch trong Tin Mừng Mátthêu là *supersubstantialem* và trong Tin Mừng Luca là *quotidianum*. Nói cho ngay, từ Hy Lạp *epiousion* là một từ khó hiểu, vốn làm Origen bở ngỡ, và các học giả hiện đại cũng không hơn gì ông. Origen nhận xét {8} rằng từ này không có cả trong ngôn ngữ văn chương lẫn trong ngôn ngữ bình dân; nó chỉ có trong Tin Mừng.

Về phương diện tầm nguyên {9}, trước nhất, nó có nghĩa: một là "bánh ăn ngày mai" {10}, hoặc "bánh ăn hôm nay" {11}, tương đương với *quotidianus* (hàng ngày) trong Tin Mừng Luca; thứ hai, {12} một là "bánh chúng ta cần để sinh tồn" - đây là nghĩa được các học giả hiện đại coi là có thể chấp nhận được nhất {13} – hai là bánh

"vượt quá bản chất của ta" vì nó thuộc về chính bản chất của Thiên Chúa (*hoc est, qui est de tua substantia*) {14} - do đó có từ *supersubstantialis* (vượt bản chất hay siêu bổ dưỡng) trong Tin Mừng Mátthêu.

Dù sao, xem ra lời cầu xin thứ tư của Kinh Lạy Cha có thể được hiểu theo ba nghĩa khác nhau; và hơn nữa, ba nghĩa này hoàn toàn tương hợp với nhau: đó là nghĩa chiếu tự đơn nghĩa, nghĩa chiếu tự loại suy, và nghĩa thiêng liêng hay huyền nhiệm.

Trong nghĩa chiếu tự đơn nghĩa (*sens littéral univoque*), nó là vấn đề bánh vật chất và của nuôi thân thể; chúng ta xin điều chúng ta cần để sinh tồn - *omnis sufficientia victus* (đủ cho mọi người) như Thánh Augustinô vốn nói {15} - đủ cho mỗi người, nhưng trên hết cho người nghèo. Chúa Giêsu thương xót xác thịt tội nghiệp của chúng ta; nó cần được duy trì sự sống, một cách điều độ, dĩ nhiên, nhưng đủ để chúng ta thoát nạn đói và thiếu thốn, mà theo trật tự trần thế, vốn là một loại hỏa ngục.

Đây là ý nghĩa đầu tiên của lời cầu xin thứ tư.



Trong nghĩa chiếu tự loại suy (*sens littéral analogique*), nó là vấn đề bánh ăn của tinh thần: sự thật và vẻ đẹp của nó mà mỗi linh hồn con người đều cần đến, và trên hết là Lời Thiên Chúa: "Con người không sống bởi cơm bánh mà thôi, nhưng bởi mọi lời phát ra từ cửa miệng Thiên Chúa" {16}.

Chúng ta phải luôn đói mọi lời phát ra từ cửa miệng Thiên Chúa. Thế nhưng, xét đến sự yếu đuối của chúng ta và việc chúng ta dễ dàng lạm dụng ngay cả những điều tốt nhất, vẫn là điều thích hợp với người nghèo khi lời cầu xin của ta được ngỏ cùng Chúa Cha: *sapere, sed sapere ad sobrietatem*, "không khôn ngoan hơn nhiệm vụ phải khôn ngoan, nhưng phải khôn ngoan một cách điều độ" {17}.

Trong nghĩa thiêng liêng hay huyền nhiệm, nó chính là bánh Giêsu: *Ego sum panis vitae* - "Tôi là bánh của sự sống. .. Tôi là bánh từ trời xuống. Ai ăn Bánh này, sẽ được sống mãi mãi; và bánh tôi sẽ ban là thịt của tôi, cho thế giới được sống" {18}. Người ta khó có thể thấy làm thế nào sự siêu bổ dưỡng trong Tin Mừng Mátthêu lại có thể có nghĩa gì khác hơn là bánh Thánh Thể. Ngoài ra, có thể nào Chúa Giêsu, trong sự thôi thúc của tình yêu, khi nghĩ tới thức ăn mà con người cần để sống mà lại không cùng một lúc nghĩ đến việc tự hiến cao cả chính mình Người, một việc Người vốn đến để ban cho chúng ta, tức món Bánh là chính thân thể Người?

Chúng ta được kể rằng nghĩa này, nghĩa mà các Giáo Phụ thích nhấn mạnh, khởi nguồn từ nghĩa thích đáng {19}. Nhưng nếu *ἐπιούσιον (epiousion)* nghĩa là *ἐπι τὴν οὐσίαν (epi tên ousian)*, "vượt trên bản chất" (bản chất chúng ta được biến đổi bởi nó, chứ nó không thay đổi thành bản chất của ta), thì xem ra sẽ chính xác hơn khi nói

rằng nghĩa thiêng liêng của lời cầu xin thứ tư vẫn là nghĩa thích đáng, mặc dù huyền nhiệm hay siêu việt, và giả thiết hai nghĩa đầu tiên{20}. Thánh Cyprianô viết rằng Chúa Giê-su "là bánh ăn của những người tạo nên thân thể Người"{21}.

Vậy thì, đâu là lời dịch thích đáng nhất? Để bao trùm hai ý nghĩa đầu tiên, chúng ta tin chúng ta phải dịch, như được thực hiện trong nghi lễ Công Giáo Hy Lạp: "Cho chúng con hôm nay đầy đủ bánh ăn" hoặc "số bánh ăn cần thiết cho chúng con".

Để bao trùm cả ba nghĩa với nhau, chúng ta hãy nói với Théodore thành Mopsueste rằng: {22} "Cho chúng con hôm nay bánh ăn chúng con cần".

Lời cầu xin thứ tư chúng ta dành cho ngày hôm nay, không phải cho ngày mai. "Đừng lo lắng cho ngày mai, ngày mai sẽ có những lo lắng của riêng nó. Điều xấu của ngày nào đủ cho ngày ấy".

Nhưng chúng ta sẽ cầu nguyện vào ngày mai, và mỗi ngày cho đến khi chúng ta chết, vì lúc đó sẽ là ngày hôm nay của chúng ta.

*

Khi xin bánh ăn hàng ngày của chúng ta, chúng ta xin một thứ ơn huệ, một điều chúng ta không chắc chắn có vì do bản chất, chúng ta không bảo đảm có được. Và nếu nhờ may mắn mà chúng ta bảo đảm có được ngày hôm nay, chúng ta vẫn xin ơn huệ này như người ăn xin và bần cùng, cho mọi người hôm nay không đủ dùng.



Sự kiện nhiều người không đủ dùng là điều quá đúng sự thật. Và Chúa Giêsu không thích điều này, cả Cha của Người cũng không thích. Nguyên nhân xa xôi của nó là tội lỗi của Adam. Nhưng có những nguyên nhân gần kề; xem ra người khác và cộng đồng nhân loại cũng chịu trách nhiệm lớn trong vấn đề này, ít nhất là do tội bỏ sót. Nếu có ít chiến tranh hơn, ít thềm khát nô dịch hoặc bóc lột người khác hơn, ít vị kỷ dân tộc hơn, ít vị kỷ đẳng cấp hay vị kỷ giai cấp hơn, nếu con người quan tâm nhiều hơn đến người láng giềng của mình và thực sự mong muốn, vì ích chung của nhân loại, kết hợp các tài nguyên mà, đặc biệt thời đại chúng ta, họ và khoa học của họ có trong tay và sử dụng để đe dọa và hủy hoại lẫn nhau, thì chắc chắn sẽ có ít người hơn trên trái đất thiếu bánh ăn và ít trẻ em hơn phải chết hoặc yếu nhược vô phương cứu chữa vì thiếu thực phẩm.

Chính vì nỗi sợ hãi lớn lao mà ở đây, chúng ta nói đến mầu nhiệm liên đới phổ quát. Chúng ta run rẩy tự hỏi, trong quá trình lịch sử của mình (hay chúng ta cần phải nói thời tiền sử của mình?), con người đã dựng lên và tiếp tục dựng lên những rào cản nào chống lại Tin Mừng. Có lời chép rằng: với những ai tìm kiếm Nước Thiên Chúa trước nhất, mọi sự khác sẽ được cộng thêm cho. Chúng ta có phải tin rằng như một hậu quả của các tình trạng mà nhiều tình yêu và nhiều công lý hơn có thể đã ngăn cản được, có những người bị đè bẹp bởi bất hạnh đến nỗi không còn duy trì được cả khả thể tìm kiếm Nước Thiên Đàng trước nhất không? Thế thì há Nước đó, nước mà họ đã không tìm kiếm không do lỗi của họ, nước mà họ, không do lỗi của họ, đã không đặt hy vọng vào, há Nước đó không tìm kiếm họ và chờ họ ở cửa khi họ rời khỏi một thế giới đã không nhận ra hình ảnh của Thiên Chúa trong họ hay sao? Đối với lịch sử trần gian, mỗi ngày nó mỗi tự học được điều này: *Deus non irridetur* [Thiên Chúa không để người ta nhạo báng]{24} nhưng nó không hiểu điều nó học được.

*

Một câu hỏi nhỏ về chữ dùng vẫn còn cần được khảo sát. Sứ điệp của Tin Mừng được ngỏ cùng mọi người trên thế giới. Đôi khi người ta hỏi tại sao trong Kinh Lạy Cha, Chúa Giêsu sử dụng chữ "bánh mì" thay vì một từ chung chung hơn như "thực phẩm", chẳng hạn, vì có những dân tộc không dùng bánh mì mà dùng gạo hoặc sắn hay một số sản phẩm khác của trái đất làm biểu tượng nổi bật nhất của thực phẩm hàng ngày.

Một số câu trả lời có thể được đưa ra cho câu hỏi này. Trước hết, Tin Mừng thích không phải các hạn từ trừu tượng như "thực phẩm", mà là những hạn từ cụ thể, "có hình ảnh", và là các hạn từ chắc chắn được đặc thù hóa. Sau đó, cần lưu ý rằng một sự đặc thù hóa nào đó theo một môi trường lịch sử và văn hóa nhất định, tức môi trường của thế giới Do Thái vào thời Augustô và Tiberiô, đã được hàm ngụ bởi chính sự kiện Nhập Thể, một sự kiện đã diễn ra tại một điểm nhất định trong không gian và thời gian; và sự đặc thù hóa do các điều kiện cụ thể này không hề gây hại tính phổ quát của sứ điệp Tin Mừng; nó chỉ cần được giải thích, giống như những người mà thông điệp này được truyền tới cần phải được giáo huấn.

Cuối cùng, Chúa Giêsu có một lý do hoàn toàn đặc biệt để sử dụng hạn từ "bánh mì", nếu đúng là lời cầu xin thứ tư của Kinh Lạy Cha cố ý đề cập đến bí tích Thánh Thể, theo một trong những ý nghĩa được nó bao hàm. Và cũng giống như bất cứ ở đâu cũng có thể mua được một chút bột mì để có thể cử hành Thánh Lễ, nên, dù ở đâu, cũng có thể dạy những người mà ta đang phúc âm hóa ý nghĩa của hạn từ "bánh mì". Đặc biệt đối với các bộ lạc sơ khai (và cả một số khu vực văn hóa đã được văn minh hóa cao), vẫn có những chữ không thể thiếu nhưng khó phiên dịch và giải thích hơn chữ "bánh mì".

{1} *Mt.* 5:48.

{2} "Họ không còn bận tâm với bản ngã, nhưng chỉ bận tâm với việc mở rộng nước Thiên Chúa ra khắp thế giới để danh Người được mọi người yêu mến, bắt đầu với chính họ. Mọi lời cầu nguyện, xin ơn, mọi việc làm và hy sinh của họ đều chủ yếu hướng về mục đích này và họ được biến đổi thành các máng chuyển vô hình nhờ đó, các ơn thánh trên trời đổ xuống trái đất" Victorino Osende, *Contemplata* (theo bản tiếng Anh, *Fruits of Contemplation*, St. Louis: Herder, 1953), tr. 310.

{3} *Rm.* 8:14.

{4} "Defectus gratiae, prima causa est ex nobis" ("Nguyên nhân thứ nhất của việc thiếu ơn thánh là do chúng ta") Thánh Tôma, *Sum. theol.*, I-II, 112, 3 ad. 2.

{5} *Mt.* 9:13.

{6} *1 Ga* 1:8.

{7} Có thể ghi nhận với Cha Lagrange (*Evang. selon saint Luc*, tr. 321) rằng về ba điều chúng ta đang nói đến thứ nhất liên quan tới hiện tại, thứ hai quá khứ, thứ ba tương lai.

{8} *De Oratione*, 27, P.G., 11, 509.

{9} Xem Lagrange, *Evangile selon saint Luc*, tr. 323, số 3.

{10} Nếu *ἐπιούσιον* (*epiousion*) phát xuất từ *ἐπιέναι* (*epienai*).

{11} Nếu nó phát xuất từ *ἐπιέναι* (*epienai*).

{12} Nếu nó phát xuất từ *ἐπι* (*epi*) cộng với *οὐσία* (*ousia*).

{13} Xem Lagrange, đã dẫn. -- *Evangile selon saint Mathieu*, tr. 130, số 11.

{14} Thánh Giêrôm, do Cha Lagrange, *Evangile selon saint Luc*, tr. 323, số 3, trích dẫn,

theo Dom Germain Morin, *Anecdota Maredsolana*, III, ix, tr. 262.

{15} *Ad Probam*. Được Thánh Tôma trích dẫn một cách rộng rãi, *Sum. theol.*, II-II, 83, 9. -- Thánh Augustinô (*P.L.*, 33, 498, số 12, và 499, số 13) viết: "sufficientia rerum necessariorum." (đủ những điều cần thiết) Xem. col. 502, n. 21.

{16} *Mt.* 4:4.

{17} *Rm.* 12:3.

{18} *Ga* 6:35, 51.

{19} Lagrange, *Evang. selon saint Luc*, tr. 323, số 3.

{20} Về ba ý nghĩa được phân biệt ở đây, xem Thánh Tôma Aquinô, *In Orat. Domin. Expositio* (Marietti), số 1078 và 1079.

{21} *De Oratione Dominica*, số 18, *P.L.*, 4, 531.

{22} *Homélie catéchétiques*, Hom. 11, sur le *Pater*, Éd. Raymond Tonneau, Città del Vaticano, 1949, đoạn. 14, tr. 309.

{23} *Mt.* 6:34.

{24} "Thiên Chúa không để người ta nhạo báng " Thánh Phaolô, *Gl.* 6:7.

Tiết 5: Và Tha Nợ Chúng Con Như Chúng Con Cũng Tha Kẻ Có Nợ Chúng Con

Et dimitte nobis debita nostra. "Xâm phạm" hoặc "nợ", cùng là một điều dưới hai tên gọi khác nhau. Trong Tin Mừng Mátthêu (6:12), chúng ta đọc: "Và Tha Nợ Chúng Con Như Chúng Con Cũng Tha Kẻ Có Nợ Chúng Con"; còn trong Tin Mừng Luca (11: 4): "Và tha tội cho chúng con, vì chính chúng con cũng tha cho mọi người mắc lỗi với chúng con".

Tha tội là một tin mừng. Một điều kỳ diệu xiết bao! Nó tùy thuộc chúng ta; một chuyển động của trái tim chúng ta (không dễ dàng, đúng ra, có lẽ khó khăn nhất đối với bản nhiên con người) đủ để Cha ở trên trời tha thứ các thất vọng và vết thương chúng ta đã gây ra cho tình yêu của Người. Người vốn bảo đảm nó; nhân danh Người, Chúa Con đã hứa nó với chúng ta. Đó là lẽ luật căn bản của nhiệm cục thần thiêng đã được Tin Mừng dạy cho chúng ta. Thiên Chúa yêu việc chúng ta yêu nhau xiết bao! "Chỉ cần chúng ta tha thứ đủ để có được sự bảo đảm được Thiên Chúa tha thứ " {1}. Nếu tôi tha thứ thực sự, thì không còn nghi ngờ gì nữa, tôi sẽ được, thậm chí, đã được tha thứ.

Luật này đã được nhận ra trong Cựu Ước, nhưng một cách không hoàn hảo. Nếu bản văn các Thánh Vịnh (2) được Thánh Augustinô trích dẫn (3) về chủ đề này không có tính kết luận, thì ít nhất, sách Huấn Ca nói rất rõ: " Hãy tha thứ cho người hàng xóm

của người nếu người đó làm hại người: và sau đó tội lỗi của người sẽ được tha thứ cho người khi người cầu khẩn. Người với người cứ nuôi lòng hờn giận, thế mà lại xin Đức Chúa chữa lành! Nó chẳng biết thương người đồng loại, mà lại dám xin tha tội cho mình!" (4). Tuy nhiên, vẫn cần ghi nhận với Cha Lagrange rằng "ý tưởng người hàng xóm thường được giới hạn vào Israel" {5}; và ngoài ra, ngay khi ý tưởng công lý - một thứ công lý quá khắc nghiệt - can thiệp vào, giới luật cảm thương đã bị phản công bằng luật trả đũa; và lời hứa thần thiêng: người sẽ được tha thứ nếu người tha thứ, vẫn chưa được minh nhiên diễn dịch thành luật vàng của nhiệm cục cứu rỗi.

Luật vàng này đã được mạc khải cho chúng ta trong Kinh Lạy Cha. Ở đây, chúng ta nằm ở trung tâm Tin Mừng. Người Kitô hữu là gì đối với những con người đã quá quen thuộc với luật trả thù chính đáng và nơi họ, Tin Mừng đang thực hiện được những chinh phục đầu tiên? Người ấy là người tha thứ {6}. "Anh em đã nghe nói, 'Mắt đền mắt và răng đền răng' {7}. Còn Thầy, Thầy nói với anh em, đừng chống lại kẻ bất lương ... Anh em đã nghe nói rằng, 'Người hãy yêu mến người hàng xóm {8} và ghét bỏ kẻ thù. Nhưng Thầy bảo anh em, hãy yêu kẻ thù của anh em và cầu nguyện cho những người bách hại anh em, để anh em trở thành con cái của Cha anh em ở trên trời; vì Người làm cho mặt trời của Người tỏa sáng trên kẻ ác lẫn người lành, và Người đổ mưa cho người công chính lẫn kẻ bất chính" {9}.

Không có bình luận nào về lời cầu xin thứ năm khác hơn chính Tin Mừng. Ngay sau khi truyền lại cho chúng ta bản văn Kinh Lạy Cha, Tin Mừng Thánh Máthêu tiếp tục {10}: "Vì nếu anh em tha thứ cho người ta các lỗi phạm của họ, Cha của anh em ở trên trời sẽ tha thứ cho anh em, nhưng nếu anh em không tha thứ các lỗi lầm cho họ, thì Cha anh em cũng sẽ không tha thứ cho anh em các lỗi phạm của anh em". Đoạn văn song song được đưa ra trong Máccô ở một nơi khác, nhân dụ ngôn cây và cần cỗi: "Khi anh em đứng cầu nguyện, nếu anh em có chuyện bất bình với ai, thì hãy tha thứ cho họ, để Cha của anh em là Đấng ngự trên trời, cũng tha lỗi cho anh em" {11}.

Người sẽ tha thứ cho chúng ta các vi phạm của chúng ta. Có phải điều này muốn nói Người sẽ tha tội cho những người được chúng ta tha thứ không? Quyền chìa khóa {12}, tức quyền bí tích tha tội chỉ được dành cho các tông đồ và những người kế vị các ngài, chứ không dành cho người Kitô hữu. Những người xúc phạm đến chúng ta và những người được chúng ta tha thứ - lẽ nào Thiên Chúa lại tụt hậu phía sau chúng ta và ít sẵn sàng hơn chúng ta trong việc tha thứ cho họ? Tuy nhiên, về hiệu quả của ơn thánh trong sự tha thứ của chúng ta phụ thuộc vào ý chí tự do của chính họ và lòng thương xót của Thiên Chúa. Đây là lý do tại sao Sách Châm ngôn phát biểu {13}, trong một đoạn văn được Thánh Phaolô tiếp nhận: "Nếu kẻ thù của anh em đói, hãy cho họ ăn, nếu người ấy khát, hãy cho họ uống; vì làm như vậy người sẽ chất than hồng lên đầu nó" {14}.

Than hồng màu nhiệm - chắc chắn không phải là tức giận, nếu không thì làm thế nào sách Châm ngôn có thể viết thêm: "Và Chúa sẽ thưởng công người", và Thánh Phaolô: "Đừng bị khắc phục bởi điều ác, nhưng hãy khắc phục điều ác bằng điều tốt"? Những viên than hồng rực sáng này được đốt cháy bằng nguồn lửa khủng khiếp và ngọt ngào của ý chí thần thiêng khôn dò. Khi làm điều tốt cho kẻ thù của mình,

chúng ta giao phó họ cho Thiên Chúa, chúng ta xin đổ xuống đầu họ ngọn lửa sáng kiến và quan tâm của Thiên Chúa. Nếu họ chống lại ngọn lửa ơn thánh, bất chấp mong muốn của chúng ta, họ sẽ rơi vào ngọn lửa của công lý. Nhưng nếu họ để cho mình được chiến thắng bởi ơn thánh và sửa chữa đường đi nước bước của họ và ăn năn tội lỗi của họ trước mặt Thiên Chúa, họ sẽ nhận được hiệu quả của ngọn lửa thương xót, theo ước muốn của chúng ta, và tội lỗi mà họ đã phạm chống chúng ta sẽ được tha thứ.

Như thế, sự kiện vẫn là khi tha thứ cho những người đã xúc phạm đến chúng ta, chúng ta làm việc theo một cách nào đó (chuẩn bị) và cho tới chừng chúng ta có thể, nhằm đạt mục đích: điều ác ở nơi họ được vượt qua bởi điều tốt và họ nhận được sự tha thứ của Thiên Chúa; chúng ta góp phần, trong phạm vi có trong chúng ta, vào việc gia tăng tổng số điều tốt trên trái đất và làm cho công trình của Hoàng tử Hòa bình được hoàn thành ở đó.



Như đã viết trên đây, nếu tôi thực sự tha thứ, không còn nghi ngờ gì nữa, tôi sẽ được, thậm chí, đã được tha thứ.

Tuy thế, có bao giờ tôi chắc mình đã được tha thứ không? Vấn đề là biết liệu tôi có tha thứ *thật sự* hay không, cũng như biết liệu tôi có *thật sự* yêu mến Thiên Chúa và người lân cận của tôi hay không. Và điều này

chỉ Thiên Chúa mới biết một cách chắc chắn mà thôi. Chỉ một mình Thiên Chúa mới biết một cách chắc chắn liệu tôi có tha thứ *từ tận đáy lòng*, như Tin Mừng đã khuyên tôi hay không. Vào cuối dụ ngôn người đầy tớ được tha nợ nhưng lại không tha nợ cho những người bạn cùng làm việc với anh ta, chúng ta đọc trong Tin Mừng Mátthêu: "Bấy giờ, tôn chủ cho đòi y đến và bảo: 'Tên đầy tớ độc ác kia, ta đã tha hết số nợ ấy cho ngươi, vì ngươi đã van xin ta, thì đến lượt ngươi, ngươi không phải thương xót đồng bạn, như chính ta đã thương xót ngươi sao?' Rồi tôn chủ nổi cơn thịnh nộ, trao y cho lính hành hạ, cho đến ngày y trả hết nợ cho ông. Ấy vậy, Cha của Thầy ở trên trời cũng sẽ đối xử với anh em như thế, nếu mỗi người trong anh em không *hết lòng* tha thứ cho anh em mình" {15}. Còn Thánh Gioan thì nói gì? "Hỡi anh em là những người con bé nhỏ, chúng ta đừng yêu thương nơi đầu môi chót lưỡi, nhưng phải yêu thương *cách chân thật và bằng việc làm*" {16}.

Dù sao, nếu chúng ta làm hết sức mình, tại sao chúng ta phải hành hạ bản thân mình? Tìm cách biết một cách chắc chắn, một cách được chứng minh và chứng tỏ, liệu chúng ta có thực sự yêu thương và liệu chúng ta có thực sự tha thứ *từ tận đáy lòng* không, sẽ chỉ là một sự tò mò hư danh của tâm trí và một sai lầm nghiêm trọng. Vì điều Thiên Chúa muốn là chúng ta quên mình đi và đặt tất cả sự âu lo của chúng ta vào Người. Người muốn chúng ta hy vọng vào Người: như thế, điều chúng ta không

thể biết một cách chắc chắn về phương diện tri thức, chúng ta có thể có sự tin tưởng hoàn toàn được bảo đảm về nó, nhờ lòng tốt thuộc về Người và nhờ ý muốn Người muốn trợ giúp chúng ta, hai điều đều là những điều tuyệt đối chắc chắn.

Theo nghĩa trên, sau khi khuyên chúng ta không nên yêu thương bằng lời, bằng ngôn từ, nhưng bằng hành động, một cách đích thực, Thánh Gioan viết thêm: “Căn cứ vào điều đó, chúng ta sẽ biết rằng chúng ta đứng về phía sự thật, và chúng ta sẽ được an lòng trước mặt Thiên Chúa. Vì nếu lòng chúng ta có cáo tội chúng ta, Thiên Chúa còn cao cả hơn lòng chúng ta, và Người biết hết mọi sự” {17}.

Nếu người anh em của anh xúc phạm đến anh, thì hãy khiển trách nó; nếu nó hối hận, thì hãy tha cho nó. Dù nó xúc phạm đến anh một ngày đến bảy lần, rồi bảy lần trở lại nói với anh: ‘Tôi hối hận’, thì anh cũng phải tha cho nó”{18}.

Si poenitentiam egerit. Si septies in die conversus fuerit ad te: poenitet me. Chữ *Si* là điều kiện tiền giả định bởi điều các nhà thần học gọi là “sự tha thứ thông thường” hay “sự tha thứ cần để được cứu rỗi”, khác với “sự tha thứ riêng với những người hoàn thiện”. Nếu người anh em tôi, trầm trọng đến có thể giết tôi, xin tôi tha thứ, tôi cũng sẽ tha thứ tận đáy lòng tôi. Nhưng nếu họ không đến với tôi để xin lỗi, tôi cũng sẽ sẵn sàng tha thứ cho họ (*secundum praeparationem animae* – theo sự sẵn sàng của linh hồn), nhưng không nhất thiết tôi phải đi bước trước (*devancer*) họ; và do sự kiện tôi tha thứ mọi kẻ thù của tôi cách chung, họ sẽ thấy họ được bao gồm trong số này, nhưng một cách tiềm thể (*virtuellement*), và không vì riêng họ mà tôi phải thực hiện hành vi cho đi này qua đó tôi làm điều đối với tôi công lý không tác động gì đối với họ. “Cần biết rằng có hai loại tha thứ. Một loại thuộc riêng những người hoàn thiện; lúc đó, theo điều người ta thường nói: hãy tìm kiếm hòa bình và hãy theo đuổi hòa bình (19), người bị xúc phạm đi trước người xúc phạm. Loại kia là sự tha thứ thông thường, là loại mọi người buộc theo giới răn, và qua đó, ta tha thứ cho người yêu cầu được tha thứ (20).

Ngay học lý trong *Summa Theologia*, về tình yêu đối với kẻ thù: “giới răn này buộc chúng ta yêu kẻ thù nói chung; nó không buộc ta yêu kẻ thù này hay kẻ thù nọ cách riêng, nếu điều này không phù hợp với sự chuẩn bị sẵn sàng của linh hồn, đến nỗi, ta sẵn sàng yêu cả kẻ thù đặc thù này và giúp đỡ họ trong trường hợp khẩn cấp {21} hoặc nếu họ yêu cầu chúng ta tha thứ. Nhưng yêu và giúp đỡ các kẻ thù cá nhân của ta một cách vô điều kiện, điều này là một hành vi hoàn thiện. Và cũng thế, thuộc vấn đề nghĩa vụ là chúng ta không được loại trừ các kẻ thù của mình khỏi những lời cầu nguyện chung mà chúng ta dâng cho người khác; nhưng, thuộc vấn đề hoàn thiện, chứ không phải nghĩa vụ, là việc cầu nguyện riêng cho từng cá nhân họ, ngoại trừ trong một số trường hợp nào đó”{22} Và một lần nữa: “khởi từ một chuyển động yêu thương đối với các kẻ thù của chúng ta xét riêng từng cá nhân đặc thù, giới răn đức ái không đặt lên chúng ta một sự cấp thiết vô điều kiện, cũng không phải yêu thương mọi người xét từng cá nhân một, vì điều này là điều bất khả. Tuy nhiên, thuộc lãnh vực nghĩa vụ được đức ái áp đặt một cách nhất thiết nếu tâm trí chúng ta đã chuẩn bị sẵn sàng: đến nỗi, người ta phải có một linh hồn sẵn sàng phải yêu thương các kẻ thù cá biệt, nếu có sự cấp thiết xảy ra. Việc con người nên thực sự làm như vậy, và yêu thương kẻ thù của mình vì Chúa, mà không có sự cấp thiết khiến họ

phải làm như vậy, thì thuộc phạm vi hoàn thiện của đức ái”{23}.

Một học lý như vậy là chính đáng và hợp nhân bản; nó ngăn cản chúng ta chất chồng lên các linh hồn những gánh nặng mà họ không thể mang nổi, và yêu cầu nơi người khác những điều chính chúng ta có lẽ không có khả năng làm được. Tha thứ thực sự - không phải bằng môi bằng mép mà từ tận đáy lòng - là một điều nghiêm trọng đáng sợ; vì ngay trong "sự tha thứ thông thường", đã có câu phải chuẩn bị linh hồn sẵn sàng, một điều giả thiết chúng ta không cố tình nuôi dưỡng trong mình bất cứ cảm giác hận thù nào chống lại kẻ thù này hay kẻ thù nọ cách riêng{24}, bất kể thứ chuyển động bất đồng nào, và tha thứ, dù chỉ là *secundum praeparationem animae* (tùy theo sự chuẩn bị sẵn sàng của linh hồn), không phải chỉ là từ bỏ sự trả thù {25}, mà còn sẵn sàng cho người phạm tội ngay cả điều họ đã lấy mất của chúng ta, và qua đó lo liệu làm sao (ít nhất là những gì liên quan đến chúng ta, và liên quan đến các lời cầu xin của chúng ta với Thiên Chúa) để họ từ nay sống phù hợp với công lý của Thiên Chúa và không còn mắc lỗi (quitte) đối với Người – họ được giải thoát, nợ nần của họ được tha hết. Sự tha thứ ngụ ý không gây tổn hại đến công lý (26). Nhưng nó buộc người ta từ bỏ các biện pháp trừng phạt mà công lý thường áp đặt (trừ khi một ích lợi cao hơn sự oán giận của tôi phải được bảo vệ). Và đối với người đôi mắt chưa được rửa sạch đủ bởi nước mắt và linh hồn chưa mềm dịu đủ bởi đức ái, điều này cũng bị cảm nhận – một cách sai lầm- như là một thiếu sót đối với công lý. Trái tim tội nghiệp băn khoăn, nó cảm thấy bị xâu xé giữa hai mệnh lệnh mâu thuẫn nhau, nó đau đớn thống khổ. Trong trường hợp cấp thiết, hành vi tha thứ cần thiết đối với người đáng thương đã phá hủy hoặc xúc phạm điều mà người ta vốn coi là thân yêu nhất rất có thể đòi ta phải mua bằng chính sự sống mình.



Còn điều này nữa: trong trường hợp cấp thiết, hành vi tha thứ như thế được Tin Mừng đòi hỏi. Và Tin Mừng dành cho các nhà thần học việc phải quan tâm đến sự khác biệt mà chúng ta vừa đề cập giữa sự tha thứ thông thường và sự tha thứ của người hoàn thiện. Chính Tin Mừng đã biến *ting thần tha thứ* thành bốn phận cho chúng ta; và Tin Mừng ít lưu ý tới viễn ảnh của điều được truyền lệnh hay không được truyền lệnh là cần thiết để được cứu rỗi, mà lưu ý nhiều hơn tới viễn ảnh của luật tương ứng giữa tác phong thần thánh và tác phong của chúng ta: tha thứ như Người tha thứ; người đã tha thứ ra sao, người sẽ được tha thứ như thế. Hơn nữa, trong phần lớn các trường hợp cụ thể, lương tâm tôi

phải xử lý không phải với các kẻ thù của tôi nói chung, nhưng với kẻ thù này hoặc kẻ thù nọ nói riêng, mà đòn dao găm của họ tôi vừa nhận được. Thế thì, bất cứ điều gì tôi chống lại họ, chính họ cách riêng tôi phải tha thứ trong lòng, từ tận đáy lòng tôi nếu tôi muốn lương tâm của tôi được nghỉ yên, thoát khỏi sự bối rối không thể nào chịu đựng được. Chúa ơi, xin Chúa tha thứ cho con như con tha thứ cho họ.

Tôi không hoàn thiện đối với những điều đó. Nhưng khi thối, Thần Khí vượt quá mọi giới hạn đã có trước đây; tinh thần tha thứ thúc đẩy mọi Kitô hữu, hoàn thiện hoặc không hoàn thiện, nhưng mong muốn vâng theo Tin Mừng, vượt qua giới luật nghiêm ngặt - dù chỉ một lần, thích đáng đối với cơn bão táp tôi đang gặp hôm nay. Và sự tha thứ thông thường, một sự tha thứ, như chúng ta đã ghi nhận trên đây, có tính đòi hỏi hơn nó biểu kiến, buộc chúng ta, trong nhiều trường hợp, phải dấn thân, một lần, dù muốn dù không, vào sự tha thứ của người hoàn thiện.

"Thầy nói với anh em là những người đang nghe Thầy đây: hãy yêu kẻ thù và làm ơn cho kẻ ghét anh em, hãy chúc lành cho kẻ nguyện rửa anh em và cầu nguyện cho kẻ vu khống anh em. Ai vả anh má bên này, thì hãy giơ cả má bên kia nữa. Ai đoạt áo ngoài của anh, thì cũng đừng cản nó lấy áo trong. Ai xin, thì hãy cho, ai lấy cái gì của anh, thì đừng đòi lại. Anh em muốn người ta làm gì cho mình, thì cũng hãy làm cho người ta như vậy. Nếu anh em yêu thương kẻ yêu thương mình, thì có gì là ân với nghĩa? Ngay cả người tội lỗi cũng yêu thương kẻ yêu thương họ... Nếu anh em cho vay mà hy vọng đòi lại được, thì còn gì là ân với nghĩa? Cả người tội lỗi cũng cho kẻ tội lỗi vay mượn để được trả lại sòng phẳng. Trái lại, anh em hãy yêu kẻ thù, hãy làm ơn và cho vay mà chẳng hề hy vọng được đền trả. Như vậy, phần thưởng dành cho anh em sẽ lớn lao, và anh em sẽ là con Đấng Tối Cao, vì Người vẫn nhân hậu với cả phường vô ân và quân độc ác.

"Anh em hãy có lòng nhân từ, như Cha anh em là Đấng nhân từ. Anh em đừng xét đoán, thì anh em sẽ không bị Thiên Chúa xét đoán. Anh em đừng lên án, thì sẽ không bị Thiên Chúa lên án. Anh em hãy tha thứ, thì sẽ được Thiên Chúa thứ tha. Anh em hãy cho, thì sẽ được Thiên Chúa cho lại. Người sẽ đong cho anh em đấu đủ lượng đã dần, đã lắc và đầy tràn, mà đổ vào vạt áo anh em. Vì anh em đong bằng đấu nào, thì Thiên Chúa sẽ đong lại cho anh em bằng đấu ấy" {27}.

{1} M. J. Lagrange, *Evang. selon saint Matthieu*, p. 132, n. 14.

{2} *Tv* 132 (131): 1; *Tv*. 7:4.

{3} *Ad Probam, P.L.*, 33, 503 (n. 22).

{4} *Huấn Ca* 28:2-4.

{5} Lagrange, *Evang. selon saint Matthieu*, p. 132, note.

{6} Là điều Cha Lebbe nói với chúng tôi khi ngài nói với chúng tôi về kinh nghiệm truyền giáo của ngài ở Trung Hoa.

{7} *Xh*. 21:24-25.

{8} *Lv*. 19:18.

{9} *Mt*. 5:38-39, 43-45.

{10} *Mt*. 6:14-15.

{11} *Mc* 11:25-26.

{12} "Anh em hãy nhận lấy Thánh Thần. Anh em tha tội cho ai, thì người ấy được tha; anh em cầm giữ ai, thì người ấy bị cầm giữ" *Ga* 20:22-23.

{13} *Cn* 25:21-22.

{14} *Rm*. 12:20.

{15} *Mt*. 18:32-35.

{16} 1 Ga 3:18.

{21} Cf. *Summa theol.*, II-II, 25, 9. "Talia beneficia vel dilectionis signa inimicis exhibere non est de necessitate salutis nisi secundum praeparationem animae, ut scilicet subveniatur eis in articulo necessitatis."

{22} *Summa theol.*, II-II, 83, 8.

{23} *Ibid.*, II-II, 25, 8.

{24} "Phàm ai ghét anh em mình, ấy là kẻ sát nhân. Và anh em biết: không kẻ sát nhân nào có sự sống đời đời ở lại trong nó" (1 Ga 3:15).

{25} "Ý muốn trả thù tức hết nơi anh em mọi hy vọng được tha thứ các tội lỗi khác của anh em", nó "lấy mất quyền của anh em được nói: như chúng con cũng tha kẻ có nợ chúng con". Thánh Augustinô, *Serm. 57, P.L.*, 39, 392.

{26} Xem Thánh Tôma Aquinô, *Summa theol.*, I, 21, 3, ad. 2.

{27} Lc 6:27-38. (xem Mt. 5:38-48.)

Tiết 6: Chớ để chúng con sa chước cám dỗ

Kai μη εισενέγκης ἡμᾶς εἰςπειρασμόν (Kai eisenegkês hemas eis peirasmon). Et ne nos inducas in tentationem {1}. Bản dịch tiếng Pháp đang được sử dụng không theo sát từng chữ của Tin Mừng Mátthêu và Tin Mừng Luca. "Chữ cám dỗ [tentation] trong tiếng Pháp gợi ý một sự dữ [mal], do đó, có sự cần thiết phải thay đổi công thức để đọc là 'chớ để chúng con sa vào cơn cám dỗ' vì Thiên Chúa không cám dỗ ai theo nghĩa này. Nhưng *πειρασμός* có nghĩa là thử thách [épreuve]) {2}.



Hai lỗi lầm phải tránh khi suy niệm về lời cầu xin thứ sáu. Chúng ta không được tưởng tượng (như bản dịch theo nghĩa đen, "và đừng dẫn chúng con vào cơn cám dỗ" có thể dẫn chúng ta đến chỗ tin) rằng để thử nghiệm sự kháng cự của chúng

ta, Thiên Chúa đôi khi cám dỗ chúng ta hoặc xúi giục chúng ta làm điều ác. Những rắc rối bên trong và những cuộc xâm lấn đen tối mà sự hấp dẫn của sự ác đột ngột hoặc quý quyết tạo ra trong linh hồn nảy sinh từ sự yếu đuối của chúng ta và "tư dục của chính chúng ta" {3}, chúng cũng phát xuất từ Thiên thần sa ngã, kẻ kích thích tư dục kia và là kẻ, *tan quam leo rugiens* (như con sư tử gầm thét), "rảo quanh tìm mồi cắn xé" {4}. Chính ma quỷ cám dỗ chúng ta, chứ không phải Thiên Chúa. "Khi bị cám dỗ, đừng ai nói: 'Tôi bị Thiên Chúa cám dỗ', vì Thiên Chúa không thể bị cám dỗ làm điều xấu, và chính Người cũng không cám dỗ ai" {5}.

"Đừng nói: chính Thiên Chúa đã làm tôi phạm tội: vì Người không làm điều Người vốn ghét. Đừng nói: Người đã khiến tôi sai lầm: vì Người vốn không cần những kẻ gian ác." {6}. "Trời gìn giữ chúng ta để khỏi tin rằng Thiên Chúa có thể cám dỗ chúng ta" {7}.

Nhưng theo một quan điểm khác, chúng ta phải ý tứ đừng giảm thiểu hoặc làm nhẹ ý nghĩa các lời lẽ của Chúa Giêsu. Chúng ta không nên tưởng tượng rằng chúng ta được dạy để xin cho được miễn trừ mọi điều có thể sẽ khiến chúng ta phải vượt qua lửa thử thách, và là những điều bởi đó có thể hàm ngụ một nguy cơ khiến chúng ta yếu đuối hay phạm tội, là trường hợp xảy ra với đa số những dịp mà cuộc sống con người khiến chúng ta gặp phải, và đặc biệt là với mọi lựa chọn trong đó chúng ta phải tổn thất điều gì đó vì đã chọn điều tốt, và với mọi phiền não nghiêm trọng, hoạn nạn, bất hạnh hay bách hại, và đặc biệt hơn nữa với mọi cám dỗ đúng nghĩa, và với những cám dỗ cực độ mà một linh hồn đang hấp hối trên thập giá đang phải đương đầu. "Phúc thay người biết kiên trì chịu đựng cơn thử thách, vì một khi đã được tôi luyện, họ sẽ lãnh phần thưởng là sự sống Chúa đã hứa ban cho những ai yêu mến Người" {8}. "Nhưng khi được chia sẻ những đau khổ của Chúa Kitô bao nhiêu, anh em hãy vui mừng bấy nhiêu" {9}.

"Bao lâu còn ở trên mặt đất, chúng ta còn bị vướng vào xác thịt, một xác thịt đang đấu tranh chống lại tinh thần ... do đó, chúng ta bị phơi bày cho sự cám dỗ ... Ai có thể tưởng tượng con người thoát khỏi các cơn cám dỗ, khi họ biết con người luôn bị áp đảo ra sao bởi những cơn cám dỗ này? Liệu có lúc nào người ta được bảo đảm là không phải đấu tranh để không phạm tội không? " {10} " Chúa có bảo chúng ta cầu xin để không bị cám dỗ chút nào hay không? Tuy nhiên, trong Sách Thánh, có nói: "Người không bị thử thách, không chứng minh được khả năng của mình" {11} Và ở một nơi khác: {12}'Thưa anh em, anh em hãy trân quý nó một cách hân hoan, khi anh em sa vào các cơn thử thách khác nhau"' {13}.

Thánh Tôma đã viết cùng một điều: trong lời cầu xin thứ sáu "chúng ta không xin đừng bị cám dỗ, nhưng đừng bị chinh phục bởi cám dỗ" {14}.

Thánh Tông Đò nói gì? " những ai muốn sống đạo đức trong Chúa Giêsu Kitô, đều sẽ bị bắt bớ" {15}.

Còn Chúa Giêsu đã nói gì? "Phúc thay anh em khi vì Thầy mà bị người ta sỉ vả, bách hại và vu khống đủ điều xấu xa. Anh em hãy vui mừng hơn hở, vì phần thưởng dành cho anh em ở trên trời thật lớn lao. Quả vậy, các ngôn sứ là những người đi trước anh em cũng bị người ta bách hại như thế" {16}.

*

Điểm đầu tiên do đó cần được lưu ý. Đó là chữ *peirasmos* có nghĩa là thử thách (mọi điều đòi chúng ta làm chứng cho một nhân đức nào đó, đặc biệt là lòng trung thành và tình yêu của chúng ta), và "thử thách" có ý nghĩa rộng hơn so với "cám dỗ ". Chính vì thế, Chúa Giêsu đã nói với các tông đồ: *Vos autem estis, qui permansistis mecum in tentationibus meis*. Rõ ràng chữ *tentatio* (*πειρασμός* [*peirasmos*]) ở đây có nghĩa thử thách, chứ không phải cám dỗ. "Còn anh em, anh em vẫn một lòng gắn bó với Thầy, giữa những lúc Thầy gặp thử thách gian nan" {17}. Những thử thách này "là những khó khăn của đời sống, những mai phục của người Pharisiêu và của những người thuộc phái Hêrôđê, sự phản đối rõ ràng của các nhà lãnh đạo tôn giáo, bất chấp hành động đạo đức giả hình của họ" {18}.

Tương tự như vậy, có lời chép về người công chính: "Thiên Chúa đã thử thách họ, và thấy họ xứng đáng với Người. Người đã tinh luyện họ như người ta luyện vàng trong lò lửa, và đón nhận họ như của lễ toàn thiêu... Khi đến giờ được Thiên Chúa viếng thăm, họ sẽ rực sáng như tia lửa bén nhanh khắp rừng sậy {19}. Và câu này nữa: {20}"Vâng lạy Chúa, Ngài đã từng thử thách, luyện chúng con như luyện bạc trong lò. Ngài đã để chúng con rơi vào bẫy lưới" (không phải bẫy lưới tà ác hay cám dỗ mà là bẫy lưới thử thách và bất hạnh).

Và thử thách cực độ, thử thách của Áp-ra-ham, không phải là cơn cám dỗ (kích động làm điều ác), mà là một mệnh lệnh nhận được trực tiếp từ Thiên Chúa Chí Thánh. "Há Áp-ra-ham không được chứng tỏ là trung thành trong thử thách đó sao?" {21}



Tuy nhiên, vì tất cả các điều trên, chữ "thử thách" vẫn không loại bỏ ý nghĩa cám dỗ; trái lại thì có - cám dỗ là một trong những hình thức thử thách đáng sợ nhất. Nó không tha ông Giuse, con Giacốp; cũng không tha Ông Gióp trên đồng phân của ông; cũng không tha chính Chúa Giêsu trong sa mạc, cũng không tha bất cứ vị thánh nào của Người.

Một điểm cần lưu ý khác là về loại thử thách đau khổ, Thiên Chúa không phải là nguyên nhân trực tiếp (*per se*), mà là nguyên nhân gián tiếp (*per accidens*); Người cho phép nó hiện hữu vì nó là mặt trái của một cái tốt mà Người dự định, hoặc một điều kiện hay một phương tiện giả định cho cái tốt đó. Và về loại thử thách cám dỗ, Người không hề là nguyên nhân, Người đơn giản cho phép nó mà thôi. Tuy nhiên, rõ ràng là nếu không có sự cho phép của Người, cám dỗ sẽ không xảy ra{22}. "Kẻ thù không thể làm gì chống lại chúng ta nếu không có sự cho phép trước của Thiên Chúa"

{23}.

Đó là lý do tại sao Thánh Grêgôriô Cả đã viết: "con người nên biết rằng *ý muốn* của Satan luôn luôn không chính trực, nhưng *quyền lực* của hắn không hề bất chính, bản thân hắn thực hiện ý muốn của hắn, nhưng hắn nắm quyền lực của mình từ Thiên Chúa. Các điều xấu xa hắn xin phép làm, Thiên Chúa đã cho phép một cách công chính" {24}. Như Charles Journet đã nói thêm: "sau Thiên Chúa, không ai làm việc chăm chỉ hơn cho sự nên thánh của Gióp bằng Quỷ, và không ai có thể muốn điều này ít hơn" {25}.

Và chúng ta sẽ trở thành gì, và nỗi khốn cùng của chúng ta sẽ là gì, nếu Thiên Chúa không có quyền kiểm soát tuyệt đối trên mọi thử thách và mọi cám dỗ có thể tấn công chúng ta? Người hơi nghiêng đầu một chút, cuộc thử thách sẽ không còn đi xa hơn nữa, và các thiên thần trên trời sẽ đến để an ủi và giúp linh hồn trong đau đớn. Và khi người ở dưới đáy vực sâu, và Người đã bác khước và bỏ rơi người, và Người đã phó mặc người cho sự chết và điều còn tệ hơn sự chết, Người vẫn chăm sóc linh hồn người một cách kín đáo, và đặt hoa trên khăn liệm người và ngăn cản điều hậu lại gần người.

"Không một thử thách nào đã xảy ra cho anh em mà lại vượt quá sức loài người. Thiên Chúa là Đấng trung tín: Người sẽ không để anh em bị thử thách quá sức; nhưng khi để anh em bị thử thách, Người sẽ cho kết thúc tốt đẹp, để anh em có sức chịu đựng" {26}.

Diligentibus Deum Omnia cooperantur in bonum. "Với những ai yêu mến Thiên Chúa, mọi sự sẽ hợp tác gây ích cho họ" {27}.

Lời cầu xin thứ sáu là lời cầu xin cho sự yếu đuối của chúng ta, lời cầu xin của một người biết mình yếu đuối và cầu xin để ngày nay không còn yếu đuối nữa, trong những giờ phút nguy hiểm, vốn là giờ phút của kẻ khốn cùng này ngày hôm nay.

Nó giữ gìn chúng ta khỏi rơi vào ngạo mạn. Nó là lời cầu xin cho được khiêm nhường (và sự khiêm nhường không biết dừng ở chỗ nào, mặc dù không có sự khiêm nhường thực sự nào mà lại không kèm theo sự hào hiệp).

Có một loại ngạo mạn chỉ có tính biểu kiến, bởi vì nó chỉ là một sự bùng nổ ngây thơ của tình yêu và sự tự tin. Chính vì thế, Thánh Vịnh gia đã xin được thử thách: "Lạy Chúa, xin dò xét và thử thách con, tâm can này, xin đem thử lửa" {28}. Và người ta nên nói gì về Giacôbê và Gioan? Không những họ buộc mẹ xin Chúa Giêsu cho họ được ngồi bên tay phải và tay trái trong vương quốc của Người {29}, hoặc trong vinh quang của Người {30} (với lời xin này, Chúa Giêsu trả lời: "Các con không biết điều các con xin"), nhưng khi Người hỏi họ, "các con có thể uống chén mà Thầy sắp uống không?" họ không sợ nhưng đã thưa với Người "*Chúng con sẵn sàng uống*". Tuy nhiên, Chúa không quở trách họ vì điều này, nhưng đã nói: "Quả thực, các con sẽ uống chén của Thầy..." {31}

Nhưng sự ngạo mạn đích thực thì khá đắt giá. Tội nghiệp Phêrô! "Cho dù mọi người

sẽ vấp phạm vì Thầy, con cũng sẽ không bao giờ vấp phạm ... Dù con phải chết với Thầy, con cũng sẽ không chối Thầy" {32}.

Vào giờ chiến đấu tối hậu, chúng ta phải cầu nguyện để khỏi rơi vào cơn cám dỗ; cơn cám dỗ luôn có nguy cơ vượt quá sức lực yếu ớt của chúng ta. Khi đến Vườn Ôliu, Chúa Giêsu "nói với họ, 'hãy cầu nguyện để khỏi rơi vào cơn cám dỗ'" {33}. Và một lần nữa, khi Người thấy họ ngủ thiếp vì buồn bã : "Simon, con ngủ sao? Con không thể canh thức được một giờ hay sao? Hãy canh thức và cầu nguyện, kẻo sa vào cơn cám dỗ" {34}.

Người thực sự biết yếu điểm của mình sẽ không từ chối thử thách; họ không quên rằng giữa những phiến não và những cám dỗ tồi tệ nhất, Thiên Chúa luôn luôn giúp đỡ họ. Nhưng chính bản thân họ đã không tin tưởng; họ biết rằng một trò vật vĩnh đơn giản cũng đủ dẫn họ lạc lối, rằng họ có thể làm bất cứ hành vi hèn nhát và điên rồ nào, mọi sự mất ơn thánh nào {35}. Họ có tốt hơn Đavít, họ có tốt hơn Simong Phêrô không? Chỗ những vị này sa ngã, liệu họ có đứng vững được không? Và liệu họ có khóc lóc rồi trỗi dậy như các vị này hay không? Lạy Chúa, nếu Chúa đem con đến chỗ thử thách - với ơn trợ giúp của Chúa, con sẽ cố gắng tránh mọi sự sa ngã, và nếu Chúa muốn đi xa hơn, Chúa cứ đi, con sẽ không cố gắng trốn thoát. Nhưng con có sẽ hợp tác với ơn thánh của Chúa không? Con có sẽ không rơi vào hầm hố hay không? Chúa có nhận ra nỗi khốn cùng của con không? Lạy Chúa, đừng đem con vào cơn thử thách.



Ở đây, chúng ta tin rằng, trong mọi tính đa dạng và biến đổi nhưng hội tụ của chúng, là những cảm quan phức tạp của linh hồn tương ứng với lời cầu xin thứ sáu. Lời lẽ nào chính xác dịch được bản văn tiếng Hy Lạp mà từ đó lời cầu xin này đã đến với chúng ta? Đây không phải là một câu hỏi dễ dàng. Xét hết mọi điều (và ít nhất, theo ý kiến của những người có tư cách nhất để phán đoán) dường như điều chắc chắn thích hợp là dành ưu tiên cho công thức của bản dịch tiếng Do Thái: "Và đừng dẫn chúng con vào bàn tay thử thách".

Dù sao, ý nghĩa của lời cầu xin thứ sáu cũng khá rõ ràng. Đó là ý nghĩa, bằng cách sửa đổi chút đỉnh và kết hợp giữa công thức của Thánh Ambrôsiô {36} và công thức của Cha Lagrange {37}, người ta có thể phát biểu như sau: Đừng để chúng con bị thử thách hoặc cám dỗ mà chúng con không thể chịu đựng; Xin ơn quan Phòng của Chúa, luôn sẵn sàng nghe lời cầu nguyện của chúng con, không bao giờ để chúng con gặp những dịp tội lỗi quá nguy hiểm cho sự yếu đuối của chúng con.

{1}Mt 6:13; Lc 11:4

- {2} M.J. Lagrange, *Evang. selon saint Luc*, p. 324, n. 4. -- Xem *Evang. selon saint Matthieu*, pp. 130-1, n 13
- {3} *Gcb* 1:14.
- {4} *1 Pr* 5:8.
- {5} *Gcb* 1:13.
- {6} *Huấn Ca* 15:11 -- 12.
- {7} Tertullianô, *De Oratione*, cap. 8, P.L., 1, 1164.
- {8} *Gcb* 1:12.
- {9} *1 Pr* 4:13.
- {10} Origène, *De Oratione*, 29 P.G., II, 532-3.
- {11} *Huấn Ca* 34:10. Chính xác hơn: “ai không chịu thử thách, ít biết sự việc”.
- {12} *Gcb* 1:2
- {13} Thánh Cyriliô Thành Giêrusalem, *Catéchèses mystagogiques*, XVII, P.G., 33, 1121.
- {14} *Sum. theol.*, II-II, 83, 9.
- {15} *2 Tm.* 3:12.
- {16} *Mt.* 5:11.
- {17} *Lc* 22:28
- {18} M. J. Lagrange, *Evang. selon saint Luc*, p. 551, n. 28.
- {19} *Kn* 3:5-6.
- {20} *Tv.* 66 (65):10-11.
- {21} *1 Mcb.* 2:52. – Trong Sách Tôbia, thiên thần Raphaen nói với Tôbia: “Và khi người không ngại chỗi dậy bỏ bữa ăn để đi vùi chôn kẻ chết, và bấy giờ ta được sai đến để thử lòng người” (*Tb* 12:13)
- {22} Do đó, tư tưởng sêmitích, thường quan tâm trước hết tới các biến cố cụ thể, nên ít lưu ý tới sự phân biệt này giữa việc cho phép và việc muốn. Xem Đnl 13:4, nhân nói đến sự thử thách cám dỗ: “chính ĐỨC CHÚA, Thiên Chúa của anh (em), thử thách anh em cho biết anh em có yêu mến ĐỨC CHÚA, Thiên Chúa của anh em, hết lòng hết dạ không”
- {23} Thánh Cyprianô, *De Orat. Domin.*, n. 25, P.L., 4, 536.
- {24} Thánh Grêgôriô Cả, *Moralium*, lib. II, in cap. 1 Job; P.L., 75, 564.
- {25} Charles Journet, *Le Mal*, p. 282.
- {26} *1 Cor.* 10:13.
- {27} *Rom.* 8:28.
- {28} *Tv* 26 (25) :2.
- {29} *Mt.* 20:21.
- {30} *Mc* 10:37.
- {31} *Mt.* 20:23.
- {32} *Mt.* 26:33-35.
- {33} *Lc* 22:40.
- {34} *Mc* 14:38.
- {35} "Chúng ta biết rằng Chúa đã cân đo sức gió cho hợp với con chiền bị xén lông. Nên chúng tôi cần xin Người, vì lòng tốt vô lượng của Người, đừng để chúng ta ngày nay phải gặp cơn cám dỗ lớn hơn khả năng chống đỡ của chúng ta; hoặc nếu Người muốn, xin Người tăng cường chúng ta bằng cách ban thêm ơn thánh của Người cho chúng ta. Và cũng xin Người đừng để chúng ta bị thử thách quá lớn đến độ mong nơi ta mọi điều Người có quyền đòi hỏi... Và xin Người xét đến sự yếu đuối của chúng ta" Charles Journet, *Le Mal*, p. 261.

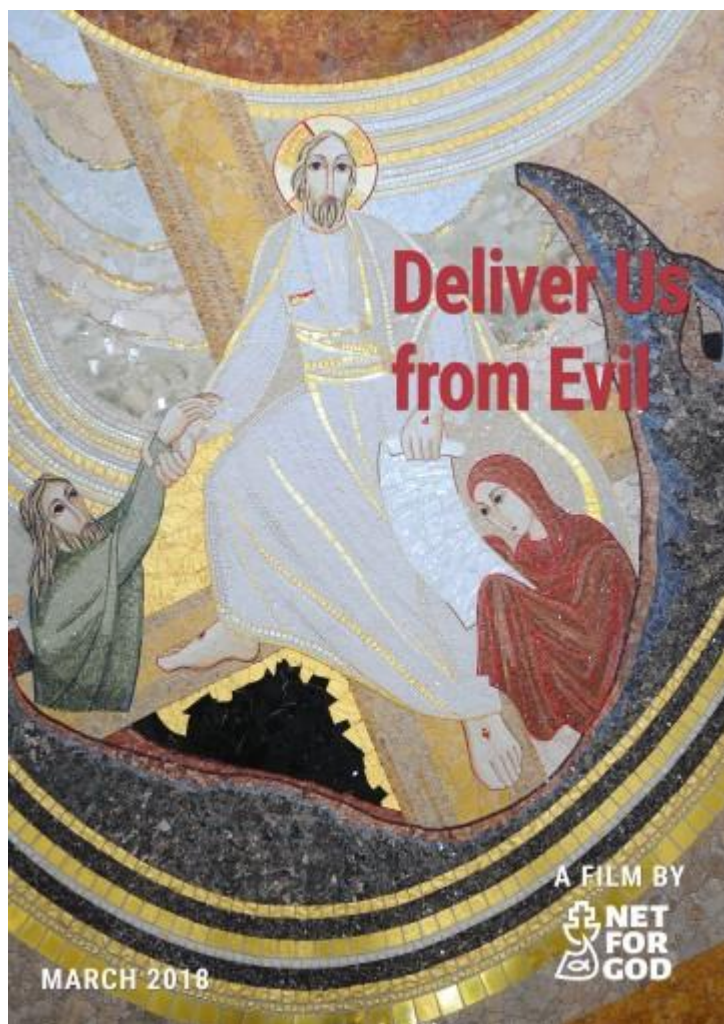
{36} "Và chớ để chúng con bị dẫn vào cơn cám dỗ mà chúng con chịu đựng không nổi" *De Sacram.*, lib. VI, n. 29, P.L., 16,454.

{37} Ông Quan Phòng của Chúa, luôn sẵn sàng nghe lời chúng con cầu nguyện, đừng bao giờ phó mặc chúng con cho chạm bẫy của các dịp tội vốn đe dọa sự yếu đuối của chúng con". *L'Évangile de Notre-Seigneur Jésus-Christ*, p.321

Tiết 7: Nhưng Cứu Chúng Con Cho Khỏi Sự Dữ {1}

Lời cầu xin thứ bảy được "liên kết chặt chẽ" với lời cầu xin thứ sáu "về hình thức và ý nghĩa của nó" {2}. Nó đáp ứng lời cầu xin này như một tiếng vang.

Nhưng đồng thời nó là "một kết thúc tóm tắt ngắn gọn mọi lời cầu xin khác" {3}; bằng một nét duy nhất và cuối cùng, nó tóm lược tất cả các lời cầu xin ấy, và với chúng là lời cầu nguyện tuyệt vời của toàn bộ sáng thế. Đó là lý do tại sao nó chính xác tạo thành một lời cầu xin riêng biệt.



*

Các Giáo Phụ Hy Lạp nói chung hiểu chữ *ponêros* ở giống đực (*ὁ πονηρός* - *ho ponêros*), và nói: "Nhưng cứu chúng con khỏi Ma Quỷ" {4}. Theo Cha Lagrange, tốt hơn là theo truyền thống phương Tây và hiểu từ này là trung tính (*τὸ πονηρόν* [*to ponêron*]). Trong bản Bảy Mươi, nơi nó xuất hiện thường xuyên, thực sự nó biểu thị sự xấu hay sự ác, không bao giờ là ma quỷ cả. Cũng thế, Thánh Phaolô viết: *ῥύσεται με ὁ κύριος ἀπὸ παντὸς ἔργου πονηροῦ* (*hrusetai me / ho kurios apo pantos er gou ponêrou*) "Chúa sẽ giải thoát tôi khỏi mọi công việc ác xấu (của kẻ thù của tôi)" {5}. Đúng là trong một đoạn văn của Mátthêu{6}, từ này được dùng ở giống đực để chỉ ma quỷ. Nhưng

đó là đoạn duy nhất trong Mátthêu đã dùng như thế.

Tuy nhiên, trường hợp dùng duy nhất trên, đối với chúng ta, có vẻ hơi lay chuyển chủ trương của Cha Lagrange. Về phần chúng ta, chúng ta nghĩ rằng ý nghĩa thực sự

của lời cầu xin thứ bảy là "Hãy cứu chúng con khỏi sự dữ" và nó không trực tiếp ám chỉ ma quỷ, nhưng vẫn đề cập đến hấn một cách gián tiếp; đến nỗi khi nói rằng, "Hãy cứu chúng con cho khỏi sự dữ", chúng ta cũng nói, mặc dù một cách mặc nhiên, "Hãy cứu chúng con khỏi ma quỷ".

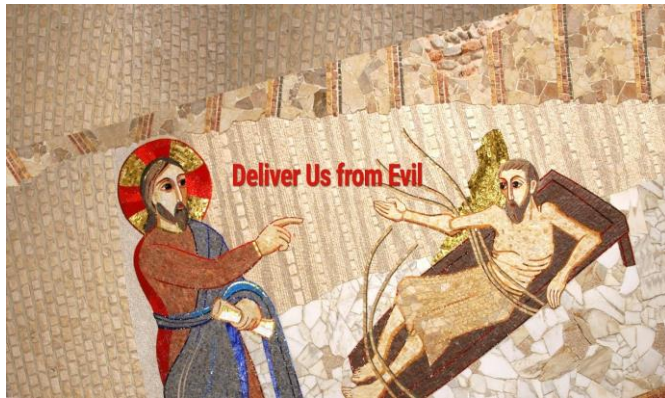
Vì hoàng tử của thế gian này là người đứng đầu mọi tà ác, {7} và chính hấn, khi cám dỗ và lật đổ Adam, đã mang đến cho chúng ta tội lỗi và cái chết và mọi điều xấu khiến chúng ta đau khổ, và trong cuộc thi đấu với Chúa Kitô, hấn vẫn đòi thực hiện trên chúng ta những điều hấn vẫn coi là quyền của hấn. Khi xin cho được cứu khỏi sự dữ, chúng ta xin bằng cùng những chữ và cùng một lúc để được cứu khỏi ách và sự bạo ngược của hấn.

Sự dữ mà chúng ta xin được cứu khỏi rõ ràng là sự dữ luân lý, "mọi loại sự dữ luân lý" {8} mà sự cám dỗ khuyến khích chúng ta phạm.

Platông nhận định một cách không thể nào quên được rằng bị trừng phạt (dù và đặc biệt một cách bất công) tốt hơn là có tội. Thánh Tôma dạy rằng, sự dữ luân lý, hay sự dữ tội lỗi "là sự dữ nổi bật hay sự dữ theo nghĩa cùng cực nhất {9}. Qua nó, tôi thoát khỏi Đức Chúa Trời để không tạo ra được gì, tôi gây thương tích cho Tình Yêu sáng tạo, và tôi đóng đinh Chúa Kitô. Qua nó, nếu tôi không ăn năn, tôi sẽ mất linh hồn. Xin rằng, " Xin cứu chúng con cho khỏi sự dữ," là xin, " Hãy cứu chúng con cho khỏi tội lỗi".

Tuy nhiên, há không có một loại sự dữ nào khác ngoài sự dữ tội lỗi đó ư? Và há lời cầu xin của chúng ta để được cứu khỏi sự dữ bị giới hạn vào một loại sự dữ nhất định, dù đó có thể là sự dữ nổi bật nhất hay sao? Tiếng kêu của chúng ta để được cứu thoát không có giới hạn nào hơn là lòng thương xót của Chúa Giêsu. *Ab omni malo, libera nos, Domine. Ab omni peccato, libera nos, Domine. A fulgure et tempestate, a flagello terrae motus, a peste, fame et bello, a morte perpetua libera nos Domine.* Xin cứu chúng con khỏi mọi sự dữ, lạy Chúa. Xin cứu chúng con khỏi mọi tội lỗi, lạy Chúa. Xin cứu chúng con khỏi mọi sấm sét và bão tố, khỏi mọi động đất, mọi bệnh dịch, mọi đói kém và chiến tranh, khỏi cái chết đời đời, lạy Chúa.

Xin cứu chúng con khỏi nỗi buồn sầu vô song khi thấy những người chúng con yêu thương phải chịu đau khổ vô phương cứu chữa. Xin cứu chúng con khỏi bóng tối thiêng liêng. Xin cứu chúng con khỏi nỗi thống khổ, chắc chắn là trạng thái thống khổ mà Chúa Thánh Thần thương xót đặc biệt (há nó không luôn được nói đến trong Kinh Thánh một cách cảm thương đến thế đó ư?). Xin cứu chúng con khỏi địa ngục thiếu thốn trần gian. Xin cứu chúng con khỏi những tra tấn do con người hoặc do những chứng bệnh ác độc nhất gây ra.



Ở hàng thứ hai, chắc chắn thế - vì chúng là sự dữ theo một ý nghĩa kém triệt để và ít ghê sợ hơn – sự dữ đau khổ và sự dữ đau đớn cũng được bao gồm trong lời cầu xin cuối cùng của Kinh Lạy Cha.

Đây là điều Thánh Augustinô nghĩ khi ngài viết: nói xin cứu chúng con khỏi sự dữ hay nói như Thánh Vịnh gia thì cũng như nhau: " xin cứu con khỏi các kẻ thù của con, xin bảo vệ con khỏi những kẻ nổi dậy chống lại con" {10}. Thánh Augustinô giải thích thêm rằng bất kể người Kitô hữu chịu nỗi buồn khổ nào, lời cầu xin cuối cùng của Kinh Lạy Cha đều nhắc nhở họ rằng họ được tạo nên vì điều tốt này là họ sẽ không còn chịu bất cứ sự dữ nào nữa, và nó cũng cho họ thấy mục tiêu mà những rên rỉ và khóc than của họ nên nhắm tới{11}.

Vào thời Trung Cổ, người ta không để cho quan điểm của Thánh Augustinô rơi vào quên lãng. Nhân lời cầu xin thứ bảy trong tác phẩm nhỏ của Thánh Tôma về *Kinh Lạy Cha* {12}, chúng ta đọc thấy "Chúa dạy chúng ta xin một cách chung chung được cứu khỏi mọi sự dữ, tội lỗi, bệnh tật, nghịch cảnh, phiền não.... Người cứu chúng ta khỏi các phiền não hoặc bằng cách miễn chúng cho chúng ta, một điều ngoại thường và chỉ liên quan đến những người quá yếu đuối - hoặc bằng cách an ủi chúng ta (Nếu Thiên Chúa không an ủi, không ai có thể đứng vững. Chúng ta đã phải chịu đựng quá mức, quá sức chúng ta {13} nhưng Thiên Chúa, Đấng an ủi người khiêm tốn, sẽ an ủi chúng ta '{14}) - hoặc bằng cách ban cho chúng ta những điều tốt đẹp cao hơn - hoặc bằng cách thay đổi chính nỗi thống khổ thành điều tốt qua sự nhẫn nại{15}; các nhân đức khác quả tình phục vụ những điều tốt đẹp, nhưng đức nhẫn nại làm sự dữ sinh lợi, và chính trong các sự dữ, nghĩa là trong các nghịch cảnh, mà nó cần thiết"{16}.

Máu của Chúa Kitô đã cứu chúng ta khỏi tội lỗi; nhưng sự giải thoát này sẽ chỉ được thực hiện đầy đủ, cho mỗi người, vào lúc cuối đời - và với điều kiện họ không từ chối ơn thánh. Và đồng thời, chúng ta sẽ được cứu thoát khỏi mọi sự dữ thuộc bất cứ loại nào. Và vào ngày phục sinh, khi tất cả sẽ được nên trọn và Chúa Giêsu sẽ phục hồi mọi sự trong tay Cha Người, các trời mới và đất mới sẽ nhảy mừng hân hoan vì vĩnh viễn được hoàn toàn thoát khỏi mọi tội lỗi và chết chóc, và khỏi mọi thống khổ và phiền não.

*

Có thể nói lời cầu xin cuối cùng của Kinh Lạy Cha quay lại ba lời cầu xin đầu tiên. Giống như chúng, nó hàm ngụ một ý nghĩa cánh chung tối hậu. Giống như chúng, nó sẽ chỉ hoàn toàn được thể hiện ở bên kia thế giới này và lịch sử của nó. Nó nêu lên sự phản kháng của nó chống lại sự dữ trong tất cả các biên độ của nó và dưới mọi hình thức của nó, chống lại gốc gác sự dữ, cũng như chống lại sự đe dọa của sự dữ ẩn nấp khắp mọi nơi, và chống lại đế chế sự dữ vốn cản trở thế giới trong cuộc đấu tranh chống lại sự dữ trong mọi ý nghĩa của hạn từ, mà sự thất bại cuối cùng sẽ đánh dấu sự chiến thắng của Đấng Thánh Thiên Chúa, của Nước Thiên Chúa và của thánh ý Thiên Chúa.

Khi chúng ta đọc lời cầu xin thứ bảy, điều trên môi miệng chúng ta là khát vọng sâu sắc nhất cho chính chốn sâu thẳm của tạo vật để được cứu thoát một cách siêu nhiên khỏi mọi thiếu sót và thất bại mà khả thể của chúng, một vũ trụ của bản chất được tạo dựng chắc chắn mang theo. Và chúng ta không chỉ cầu nguyện cho chính mình mà còn cho toàn bộ sáng thể, "rên siết và quằn quại như sắp sinh nở,... trông đợi Thiên Chúa ban cho trọn quyền làm con" {17}.

Lời cầu xin cuối cùng của Kinh Lạy Cha không chỉ có ý nghĩa luân lý mà còn có ý nghĩa siêu hình và vũ trụ. Nó có những tiếng vang vô tận.

{1} *Alla hrusai hêmas apo tou ponêrou*.--Mt. 6:13.

{2} Lagrange, *Evang. selon saint Matthieu*, p. 131, n. 13.

{3} Thánh Cyprianô, *De Oratione Domin.* n. 27, P.L., 4, 537.

{4} Đây là kiểu dịch theo *Bible de Jérusalem* (Paris: Editions du Cerf, 1956), p. 1296.

{5} 2 Tm. 4:18.

{6} Mt. 13:19.

{7} Thánh Tôma Aquinô, *Sum. theol.*, III, 8, 7.

{8} Lagrange, *Đã dẫn*.

{9} Xem Thánh Tôma, *Sum. theol.*, I, 48, 6.

{10} Qui dicit, *Erue me ab inimicis meis, Deus, et ab insurgentibus in me libera me* (Ps. 58:2), quid aliud dicit quam, *libera nos a malo*? (khi người ta đọc: ôi lạy Chúa, xin cứu con khỏi các kẻ thù của con; xin bảo vệ con khỏi những người nổi lên chống lại con, điều này đâu có nghĩa gì khác hơn là đọc: xin cứu chúng con khỏi sự dữ?) Thánh Augustinô, *Ad Probam*, P.L., 33, 503 (n. 22).

{11} "Cum dicimus, *Libera nos a malo*, nos admonemus cogitare, nondum nos esse in eo bono ubi nullum patiemur malum. Et hoc quidem ultimum quod in dominica oratione positum est, tam late patet, ut homo christianus in qualibet tribulatione eonstitutus in hoc gemitus edat, in hoc lacrymas fondat, hinc exordiat, in hoc immoretur, ad hoc terminet orationem." (Khi chúng ta đọc: *xin cứu chúng con khỏi sự dữ*, chúng ta khuyên mình nhận ra điều này: chúng ta chưa được hưởng tình trạng trong đó ta không phải cảm nghiệm sự dữ. Và lời cầu xin này, một lời cầu xin nằm ở cuối Kinh Lạy Cha, có tính tổng hợp đến nỗi, người Kitô hữu, bất luận gặp phiền não nào, cũng có thể, trong khi dùng nó, nói lên các rên rỉ của mình và tìm được lối thoát cho dòng nước mắt của mình, họ có thể bắt đầu với lời cầu xin này, tiếp tục với nó và kết thúc lời cầu nguyện với nó) *Ibid.*, cap. 11, n. 21, col. 502. Chúng tôi đã giữ nghĩa của đoạn này bằng cách viết tắt. -- Xem *ibid.*, cap. 14, n. 26, col. 504: In his ergo tribulationibus quae possunt et prodesse et nocere, quid oremus, sicut oportet, nescimus; et tamen quia dura, quia molesta, quia contra sensum nostrae infirmitatis sunt, universali humana voluntate, ut a nobis haec auferantur, oramus." (Chúng ta không biết phải cầu xin điều gì cho xứng liên quan đến các phiền não của mình, những phiền não có thể tốt cho chúng ta mà cũng có thể gây hại cho chúng ta; ấy thế nhưng vì chúng khó chịu và đau đớn, và đi ngược lại các cảm quan tự nhiên của bản tính yếu đuối của chúng ta, nên chúng ta cầu xin với ước nguyện chung của nhân loại, để chúng được lấy đi khỏi chúng ta).

{12} "Ở đây, Thánh Tôma nại tới thế giá của Thánh Augustinô, nhưng không nhắc đến ngài. Đối với chúng ta, hình như có điều chắc đây là một vấn đề trong thư *Ad Probam* vì một trong các đoạn (cap. 11, n. 21) của lá thư mà chúng ta nhắc đến này đã được trích dẫn trong *Catena aurea* liên quan tới lời cầu xin thứ bảy của Kinh Lạy Cha.

{13} 2 Cr. 1:8.

{14} *Ibid.*, 7:6.

{15} Xem Rm. 5:3.

{16} *In Orat. Domin. Expositio* (Marietti), n. 1102 (cô đọng).

{17} Rm. 8:22-23.

Chương IV: Kinh Nguyện của Chúa Giêsu

Nếu không run rẩy và không khẩn cầu ơn trên, ai dám nâng mắt nhìn lên điều hẳn phải là những giờ phút của lời cầu nguyện nội tâm không thể nào tưởng tượng được khi Ngôi Lời Nhập Thể bắt mọi sự ở trong Người phải im lặng để linh hồn Người có thể tự do cảm nghiệm một cách đầy yêu thương, dưới ánh sáng thị kiến, vinh quang của Cha Người, của Thần Tính của chính Người, và của Chúa Thánh Thần? Các nhà thần học nói với chúng ta rằng nơi các thánh, ngoài thị kiến vinh phúc (vision béatifique), trong đó yếu tính thần linh tự làm cho mình được trí khôn thụ tạo nắm

bắt, còn có sự tham gia của kinh nghiệm yêu thương nhờ ơn phúc của Chúa Thánh Thần {1}; chính nhờ cách này, người ta có thể nghĩ rằng khi Người bước vào lời cầu nguyện vượt trội hơn bất cứ khái niệm nào, Chúa Kitô đã chiêm ngưỡng Thiên Chúa, và khẩn cầu lòng Chúa thương xót xuống trên con người.

Và chắc chắn, trong những giọt nước mắt của hồng phúc Nhận Thức, sự chiêm ngưỡng của Người cũng hướng về nhân loại đáng thương mà sự bạc nhược vốn được sứ vụ của Người cứu mang.

Lạy Thiên Chúa của con, xin soi sáng cho con một chút về bí ẩn này, những lọn gai trên đầu của Chúa Kitô và, bên trong, những suy nghĩ rất cay đắng của Người. Sự suy niệm mà những kẻ tội lỗi đã vẽ điểm trên cơ thể của Đấng Diễm Phúc, bằng cách đánh đòn và những tàn ác khác và việc đeo vương miện làm trò hề, trong khi chờ đợi Thập Giá và Cái Chết.

Trên Núi Cây Dầu, Chúa Giêsu để trước mắt Người chủ đề lời cầu nguyện của Người, mọi tội lỗi phải gánh và sự bỏ rơi của con người và của Thiên Chúa. Rồi, bắt đầu cơn hấp hối của Người trong run rẩy và sợ hãi và mồ hôi máu. Và giờ đây, dưới mào gai, Người thị kiến trong nhân tính của Người mọi điều ác đã có, đang có, và sẽ có.

Bóng tối của việc chiêm ngưỡng tội lỗi, đêm tối thực sự khôn nguôi, đêm huyền nhiệm và khôn dò, kinh nghiệm xây dựng trong đức ái và trong sự hiệp nhất yêu thương của Chúa Kitô với những kẻ tội lỗi. Chính vì họ mà Người đã đến, mang họ trên vai qua cơn lũ mọi thời đại để tới lãnh thổ đời đời vững chắc.

Giường của Vua bằng gỗ Libăng, vương miện của Người bằng gai. Chúng con đã đặt Người nằm trên thập giá, mọi khốn cùng đều tràn trề trước mặt Người, và đầu đầm máu của Người ngã nhẹ trên vai Người. Người nếm trải sự cay đắng vô tận của tội lỗi chúng con, như các thánh nếm hưởng hương vị ngọt ngào của yếu tính Thiên Chúa trong đêm tối của sự chiêm nghiệm thần thiêng. {2}



Khi Chúa Giêsu rút vào cô tịch để cầu nguyện, thì điều chắc là trước tiên và chủ yếu, Người đã cầu nguyện im lặng. Nhưng Chúa Giêsu cũng cầu nguyện bằng đôi môi cũng như bằng trái tim của Người. Người đã cầu nguyện lớn tiếng vào ngày Lễ Lá (3); Người đã cầu nguyện lớn tiếng trong lời kinh nguyện linh mục của Người, tại Bữa Tiệc Ly, Người đã cầu nguyện lớn tiếng trong Vườn Cây Dầu, Người đã cầu nguyện lớn

tiếng trên Thập giá. Và lời cầu nguyện lớn tiếng hàng ngày của Người há không phải là chính lời cầu nguyện Người dạy ta cùng đọc với Người, theo Người đó sao? Kinh Lạy Cha không phải chỉ là Kinh Chúa Giêsu dạy chúng ta, nó còn là kinh của chính Chúa Giêsu.

Những ước nguyện lớn lao chứa đựng trong ba lời cầu xin đầu tiên đã được Người đọc lên với niềm âu yếm và tha thiết xiết bao! Chúng là những ước nguyện của chính Người được Người dâng lên Cha của Người, vì Danh Cha của Người, vì Nước của Cha Người, vì thánh ý của Cha Người; chúng là những ước nguyện của chính Người trước khi là ước nguyện được Người dâng lên nhân danh anh em của Người trong tư cách người đứng đầu nhân loại.

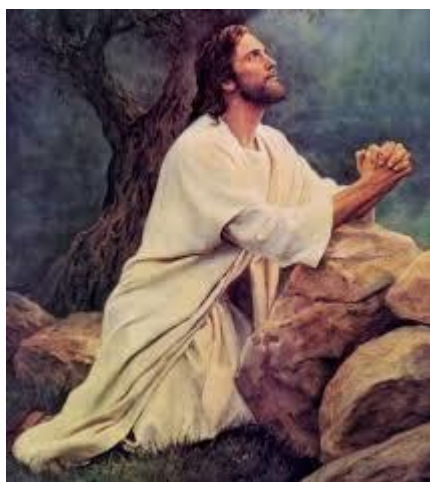
Các lời cầu xin khác của Kinh Lạy Cha, Người đọc nhân danh những người tội lỗi mà Người đã đến để cứu vớt, và do đó, trong tư cách Đấng Trung Gian và Chiên Con được hứa dâng làm của lễ, Người là một với những kẻ Người đã gánh lấy tội lỗi.

Điều trên đúng đến nỗi từ trong yếu tính, Kinh Lạy Cha quả là lời cầu nguyện chung {4}, lời cầu nguyện trong đó mỗi người chúng ta tự ý ngỏ cùng Thiên Chúa nhân danh anh chị em mình cũng như nhân danh chính mình, lời cầu nguyện trong đó Con Thiên Chúa đọc không những lời cầu xin mà ý nghĩa được chỉ về chính bản thân Người, mà cả những lời cầu xin mà ý nghĩa được chỉ về những người tội lỗi mà Người đã đồng hóa với vì tình yêu. Rõ ràng là ba lời cầu xin cuối cùng không hề liên quan đến Chúa Giêsu. Người không có tội để được tha thứ; Người không có nguy cơ rơi vào sự cám dỗ; Người không cần được cứu khỏi sự dữ - Vì Người chính là Đấng chinh phục sự dữ, Đấng Cứu Rỗi của thế giới.

Tuy nhiên, lời cầu xin thứ tư, Người đã đọc như chúng ta phải đọc, cùng một lúc xin cho có bánh ăn mà Người và anh em của Người cần hàng ngày khi còn lữ thứ trên trần gian, và cho có bánh ăn mà người nghèo trên thế giới cần có hàng ngày.

Và theo một nghĩa nào đó, Người cũng đọc lời cầu xin thứ sáu cho chính bản thân Người, không vì sợ phạm tội mà vì sợ phải chịu đựng điều chống lại tự nhiên; và Người thậm chí còn có thể đọc lời cầu xin thứ bảy, theo như nó liên quan đến sự dữ đau khổ. (*Pater, si possibile est, transeat a me calix iste* [Lạy Cha, nếu có thể, xin cất chén này khỏi Con]).

Suy niệm mỗi lời cầu xin của Kinh Lạy Cha, bằng cách cố gắng đi sâu vào tình cảm của Chúa Giêsu khi Người đọc nó, chắc chắn sẽ là cách cầu nguyện tốt đẹp.



Chúng ta không có sự hướng dẫn nào khác về sự sống đời đời, về sự sống thần thiêng, về mối phúc, hơn là Cuộc Sống của Chúa Kitô, Giáo Huấn của Chúa Kitô, Cuộc Khổ Nạn của Chúa Kitô, và Lời Cầu Nguyện của Chúa Kitô. Việc noi gương Chúa Kitô là con đường của tình yêu và sự thánh thiện.

Như thế, Kinh Lạy Cha, do Chúa Kitô dạy chúng ta {5}, là lời cầu nguyện chân thực nhất, chân thực một cách hoàn toàn và hoàn hảo nhất, chính đáng và đẹp lòng Chúa, lời cầu nguyện mà ngọn lửa

phải luôn luôn bùng cháy trong chúng ta.

Sẽ không có lời cầu nguyện, không có sự suy ngẫm nào, nếu không có Chúa Kitô ở trong linh hồn, và nếu sự bắt chước Chúa Kitô, việc tham dự vào các trạng thái, cuộc sống và lời cầu nguyện của Người, điều mà Thánh Phaolô gọi là tái tạo hình ảnh của Người{6}, không hiện diện trong thăm sâu linh hồn. Chính Người cũng hiện diện ở đó, vì mọi ơn thánh linh hồn nhận được đạt tới việc tái tạo này nhờ "khí cụ kết hợp" với Thiên Chúa, tức nhân tính của Đấng Cứu Rỗi.

Nếu nói về những điều tốt lành đặc thù, ngay cả những điều đáng ao ước một cách chính đáng nhất ngay trong chúng, mà trong các dịp vô số trong đời người, chúng ta đã cầu xin Chúa cho có được, nhưng về những sự tốt lành đó chúng ta không biết vai trò ở mặt trái của sự vật và của nhiệm vụ thần thiêng, nên chúng ta phải tin Thánh Phaolô: "Hơn nữa, lại có Thần Khí giúp đỡ chúng ta là những kẻ yếu hèn, vì chúng ta không biết cầu nguyện thế nào cho phải; nhưng chính Thần Khí cầu thay nguyện giúp chúng ta, bằng những tiếng rên siết khôn tả{7}. Và Thần Khí làm gì? Người làm cho chúng ta kêu lên: "Áp-ba! Cha ơi! "{8} Điều này nói gì nếu không phải là Thần Khí, khi làm cho chúng ta cầu nguyện như chúng ta phải cầu nguyện, nhắc nhở chúng ta trong nội tâm nhớ tấm gương của Chúa Giêsu và dạy chúng ta cầu nguyện, như "những con nuôi", căn cứ vào Kinh Lạy Cha? Mọi lời cầu nguyện trong tinh thần và trong sự thật, đặc biệt là lời cầu nguyện thiên truyền (infuse) trong mọi mức độ của nó, đều tiến hành căn cứ vào Kinh Lạy Cha.

Lối cầu nguyện không dùng lời tự nó cũng dựa vào Ngôi Lời, tức Chúa Kitô. Nó được xây dựng trên Lời cầu nguyện của Chúa Giêsu. Linh hồn được Kinh Lạy Cha đào tạo sẽ cầu nguyện – bằng lời hoặc không bằng lời, trong những lời thì thầm cũng như trong thăm sâu im lặng của chiêm niệm thuần túy - trong sự chính trực thiêng liêng của Kinh Lạy Cha, theo gương Chúa Giêsu.

Trong chiêm niệm không lời, Kinh Tin Kính luôn có mặt, trong thăm sâu linh hồn. Và người ta có thể nói rằng chính trong ánh sáng và sức mạnh của nó mà linh hồn bước vào một nhận thức hay kinh nghiệm phát xuất từ đức tin và từ sự kết hợp của tình yêu, và trong đó mọi khái niệm đều phải im lặng (lúc đó, ánh sáng đức tin đi qua họ mà không đánh thức họ, hoặc hiếm khi khuấy động họ, để đi về phía Thực Tại vốn là đối tượng của nó, và làm cho linh hồn phải khổ vì yêu, dưới sự linh hứng của các ơn Chúa Thánh Thần).

Cũng vậy, người ta có thể nói rằng chính ở trong cái đà và sức mạnh của Kinh Lạy Cha mà phát sinh sự ước muốn, ước nguyện, và lời cầu xin, bất kể không được nói ra như thế nào, vẫn nội tại trong chiêm niệm không lời, trong đó không có tiếng nói nào khác ngoài hơi thở của tình yêu. Bấy lời cầu xin luôn có đó, trong thăm sâu linh hồn, nhưng không còn cần phải nói rõ chúng bằng lời; chính tinh thần của chúng được Chúa Thánh Thần làm cho bay lên tới Thiên Chúa.

Nếu từ trải nghiệm huyền nhiệm mà ta có thể trở lại với lời nói, mà không làm gián đoạn trải nghiệm này, thì, ở dưới đây, ta thấy chính lời lẽ của Kinh Lạy Cha, vì, nói cho đúng, chính nhờ bắt đầu từ những lời lẽ này, theo mức chúng được khắc ghi

trong linh hồn, linh hồn đã được nâng lên, hướng tới sự kết hợp không lời.

Trong việc tìm kiếm Đấng nó yêu thương, *mà không có hướng dẫn hay ánh sáng soi đường, chỉ có ngọn lửa bùng cháy trong tim* {9},

Khi linh hồn trải nghiệm các phúc lành của đêm thâu,

Ôi Đêm vốn là hướng dẫn của tôi!

Ôi Đêm sáng đẹp hơn bình minh

Ôi Đêm hạnh phúc kết hợp Đấng yêu thương với nàng dâu của Người {10},

thì lúc đó, như thế, các lời cầu xin của Kinh Lạy Cha, hay một trong số các lời cầu xin này, hay thậm chí đôi khi cả một sự hé mở của một khứng nhận nào đó, đã để cho sự nặng nề của các công thức nhân bản rút xuống để không còn lại gì ngoại trừ nhịp đập của tình yêu.

Do đó, người ta thấy từ người bận bịu chỉ có thể đọc Kinh Lạy Cha (nhưng có lẽ họ đã qua chế độ Ôn Phúc, có lẽ họ đã tiến xa hơn người ta tưởng trong đời sống thiêng liêng) đến người chiêm niệm bị lôi cuốn một cách thẳm lặng vào sự kết hợp với Thiên Chúa được biết đến như là Đấng Vô Minh, và là người, trong những khoảnh khắc như thế, chỉ còn tiếng thở dài của con tim để thốt lên những lời khẩn cầu đã được Thầy Chí Thánh của mình giảng dạy, chính nhờ cùng một nẻo đường duy nhất mà tất cả những ai đến với Thiên Chúa, bất cứ họ là người như thế nào, bất kể từ ngõ ngách nào của thế giới, thấy đều nghe lời kêu gọi của tình yêu và làm hết sức mình để bắt chước Chúa Giêsu.

Thánh Tôma nhắc lại (nhưng dường như không chấp nhận trách nhiệm về nó) {11} rằng theo Thánh Augustinô {12} có một sự tương ứng nào đó giữa các lời cầu xin của Kinh Lạy Cha và các ơn phúc của Chúa Thánh Thần. Tương ứng với lời cầu xin đầu tiên là ơn Kính Sợ Chúa, tương ứng với lời cầu xin thứ hai là ơn Đạo Đức, tương ứng với lời cầu xin thứ ba là ơn Suy Biết; tương ứng với lời cầu xin thứ tư là ơn Mạnh Mẽ; tương ứng với lời cầu xin thứ năm là ơn Lo Liệu; tương ứng với lời cầu xin thứ sáu là ơn Thông Hiểu; tương ứng với lời cầu xin thứ bảy là ơn Khôn Ngoan.

Trong một vấn đề mà dù sao vẫn chỉ là một vấn đề ý kiến, bất kể nó không quan trọng như thế nào, liệu có được phép áp dụng nó cách khác so với cách Thánh Tiến Sĩ tuyệt vời của Hippo đã áp dụng, trong khi vẫn tôn trọng nguyên tắc?
Đối với chúng ta, dường như sự tương ứng này thỏa đáng hơn cho tâm trí nếu ta thiết lập nó theo cách sau: {13}

Đọc “Lạy Cha chúng con ở trên trời, nguyện danh Cha cả sáng” điều này đặc biệt thích hợp với ơn Khôn Ngoan - và là lời cầu nguyện tuyệt vời của người Yêu Chuộng Hòa Bình, người vốn được hứa sẽ được gọi là con Đức Chúa Trời.

Xin cho Nước Người ngự đến, điều này đặc biệt thích hợp với ơn Thông Hiểu - và nó là lời cầu nguyện tuyệt vời của Người Có Lòng Trong Sạch, người vốn được hứa sẽ được thấy Thiên Chúa.

Xin cho ý Người được thể hiện trên trái đất cũng như trên thiên đàng, điều này đặc biệt thích hợp với ơn Suy Biết - và là lời cầu nguyện tuyệt vời của người Khóc Lóc, người vốn được hứa sẽ được an ủi.

Xin Người ban cho chúng ta hôm nay bánh ăn hàng ngày, điều này đặc biệt thích hợp với ơn Mạnh Mẽ - và là lời cầu nguyện tuyệt vời của người Đói Khát Công Lý, người vốn được hứa sẽ được no đầy.

Xin Người tha nợ cho chúng ta như chúng ta cũng tha cho những người mắc nợ chúng ta, điều này đặc biệt thích hợp với ơn Lo Liệu - và là lời cầu nguyện tuyệt vời của người Có Lòng Thương Xót, người vốn được hứa sẽ được thương xót.

Xin Người chớ để chúng ta sa chước cám dỗ đặc biệt thích hợp với ơn Đạo Đức - và là lời cầu nguyện tuyệt vời của người Hiền Lành, người vốn được hứa sẽ chiếm hữu trái đất.

Xin Người cứu chúng ta khỏi sự dữ, điều này đặc biệt thích hợp với ơn Kính Sợ Chúa - và là lời cầu nguyện tuyệt vời của Người Nghèo Trong Tinh Thần, người vốn được hứa nước trời là của họ.

{1} Xem Thánh Tôma Aquinô, *Sum. theol.*, I-II, 68, 6. – Trong khảo luận của ông về *CácƠnChúaThánhThần (Cursus theol.*, t. VI, disp. 18, a. 3, par. 77-79) bản dịch của Raïssa Maritain in lần hai, Paris, Téqui 1950) Jean de St Thomas viết rằng: “nhận thức về Thiên Chúa trong quê thật có hai phương diện... Thị kiến vinh phúc (vision béatifique) phát xuất từ ánh sáng vinh quang kích thích và điều khiển tình yêu, trong khi nhận thức do ơn thông hiểu và khôn ngoan cung cấp thì xây dựng trên tình yêu vinh phúc (amour béatifique); nó là một sự nếm trải (goût) ta có về Thiên Chúa được yêu thương và nên một với linh hồn” (tr. 88); “từ thị kiến phát sinh tình yêu Thiên Chúa đầy thân mật và sinh hoa trái, và từ việc sinh hoa trái này mà có sự nhận thức nào đó có tính cảm giới và cảm nghiệm không những đối với Thiên Chúa tự tại (*en soi*, điều làm nên thị kiến), mà còn đối với Thiên Chúa như được nếm trải, cảm nghiệm và có quan hệ mật thiết trong ta” (tr.89).

{2} Raïssa Maritain, "La Couronne d'épines," rải rác (trong *Lettre de Nuit, La Vie Donnée* (Paris: Desclée de Brouwer, 1950).

{3} Xem *Ga* 12:27-28.

{4} Xem Thánh Cyprianô, *De Orat. Domin.*, n. 8, *P.L.*, 4, 524.

{5} "Nobis formam orandi tradens, per quam maxime spes nostra in Deum erigitur, dum ab ipso Deo edocemur quid ad ipso petendum sit" ("cho chúng ta một hình thức cầu nguyện nâng các niềm hy vọng cao nhất của chúng ta lên Thiên Chúa, chính Thiên Chúa dạy ta điều ta nên xin nơi Người"). Thánh Tôma Aquinô, *Compendium Theologiae*, II, cap. 3 (Marietti), n. 549.

{6} *Rm.* 8:29.

{7} *Ibid.* 8:26

{8} *Ibid.*, 8:15.

{9} Thánh Gioan Thánh Giá, *Cantiques de l'Âme (La Nuit Obscure)*, str. 3, bản dịch của Cha Cyprien de la Nativité, trong *Oeuvres Spirituelles*, Paris, Desclée de Brouwer,

1949, p. 1210.

{10} Thánh Gioan Thánh Giá, *Cantiques de l'Âme* ("La Nuit Obscure"), str. 5, p. 1211.

{11} *Sum. theol.*, II-II, 83, 9, ad. 3. "Ad tertium dicendum quod Augustinus, in libro *De serm. Dom. in monte*, adaptat septem petitiones donis et beatitudinibus, dicens . . ." ("Thánh Augustinô [*De serm. Dom. in monte*] thích ứng 7 lời cầu xin vào các ơn và mối phúc. Ngài nói...")

{12} *De Serm. Domini in monte*, lib. II, cap. 11, *P.L.*, 34, 1286.

{13} Trong bản liệt kê này, chúng tôi đi ra ngoài Thánh Augustinô (*loc. supra cit.*) phần nào trong những điều liên quan đến sự tương ứng giữa các Lời Cầu Xin của Kinh Lạy Cha và các Ơn của Chúa Thánh Thần. Nhưng chúng tối nhất trí với ngài trong những điều liên quan đến sự tương ứng giữa các Ơn của Chúa Thánh Thần và các Mối Phúc (Xem *Sum. theol.*, I-II, 69, 3, ad. 3; II-II, 8, 7; 9, 4; 45, 6; 52, 4; 121, 2; 139, 2).